

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 238/QĐ-UBND

Kon Tum, ngày 02 tháng 5 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án Hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội tại xã Mường Hoong và xã Ngọc Linh, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Kết luận số 1770-KL/TU ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đề án Hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội tại xã Mường Hoong, Ngọc Linh, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;*

*Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1216/SKHĐT-KT ngày 23 tháng 4 năm 2024.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án Hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội tại xã Mường Hoong và xã Ngọc Linh, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030<sup>(3)</sup> (có Đề án của từng xã kèm theo).

#### **Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei chịu trách nhiệm chính, toàn diện trong tổ chức triển khai thực hiện Đề án; tính chính xác của các thông tin, số liệu rà soát, cập nhật tại Đề án; tổ chức nghiên cứu, cụ thể hóa và phê duyệt kế hoạch tổ chức thực hiện Đề án (yêu cầu xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp thực hiện hàng năm; phân công, phân nhiệm cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị, các xã Mường Hoong, Ngọc Linh và thời gian hoàn thành; công tác kiểm tra, giám sát...); thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 06 tháng, hằng năm và sơ kết, tổng kết việc thực hiện Đề án qua Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thủ trưởng các sở, ban ngành, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Đề án; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 06

<sup>(3)</sup> Ủy ban nhân dân tỉnh thông nhất tại cuộc họp ngày 02 tháng 5 năm 2024

tháng, hằng năm và sơ kết, tổng kết việc thực hiện Đề án qua Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện Đề án; định kỳ 06 tháng, hằng năm tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thực hiện Đề án về Ban Thường vụ Tỉnh ủy; đồng thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sơ kết, tổng kết việc thực hiện Đề án theo quy định.

**Điều 3.** Thủ trưởng các sở, ban ngành, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã: Mường Hoong, Ngọc Linh (*huyện Đắk Glei*) và các tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**  
**Nguyễn Hữu Tháp**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐỀ ÁN  
HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI XÃ MƯỜNG HOONG,  
HUYỆN ĐẮK GLEI, TỈNH KON TUM ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG  
ĐẾN NĂM 2030**

**MỞ ĐẦU**

**1. Sự cần thiết phải xây dựng Đề án**

Xã Mường Hoong, huyện Đắk Glei là một trong những xã đặc biệt khó khăn của tỉnh Kon Tum. Kinh tế có phát triển nhưng còn chậm, phương thức sản xuất có mặt còn lạc hậu, quy mô kinh tế nhỏ, tỷ lệ nghèo ở mức cao. Văn hóa, xã hội ổn định, nhưng một số hủ tục lạc hậu chưa được xóa bỏ, trong khi một số tập tục truyền thống chưa được quan tâm đúng mức trong việc bảo tồn, gìn giữ.

Việc phát triển kinh tế - xã hội xã Mường Hoong là yêu cầu cấp thiết, nhưng xã hiện chưa có văn bản mang tính kế hoạch cơ bản, toàn diện cùng với lộ trình phù hợp. Việc xây dựng Đề án là bước cụ thể hóa các chủ trương, định hướng của Tỉnh ủy Kon Tum trong hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội xã Mường Hoong, huyện Đắk Glei.

**2. Cơ sở xây dựng Đề án**

- Thông báo số 333-TB/VPTU ngày 26 tháng 4 năm 2023 về ý kiến của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Tổ công tác 262 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy năm 2023.

- Công văn số 1346/UBND-KTTH ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện ý kiến của Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Tổ công tác 262.

- Công văn số 1529/UBND-KTTH ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Đề cương Đề án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội 02 xã Mường Hoong và Ngọc Linh, huyện Đắk Glei.

- Công văn số 1204-CV/TU ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Tỉnh ủy về việc hoàn thiện Đề án Hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội tại xã Mường Hoong và xã Ngọc Linh, huyện Đắk Glei.

- Công văn số 370/UBND-KTTH ngày 30 tháng 01 năm 2024 về việc hoàn thiện Đề án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội tại xã Mường Hoong và Ngọc Linh, huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum.

- Kết luận số 1770-KL/TU ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đề án Hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội tại xã Mường Hoong, Ngọc Linh, huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Thông báo số 128/TB-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả Phiên họp trực tuyến Ủy ban nhân dân tỉnh với các địa phương tháng 3 năm 2024.

### **3. Mục tiêu xây dựng Đề án**

Đánh giá, làm rõ thực trạng, xác định cụ thể các nguyên nhân của các hạn chế, bất cập trong phát triển kinh tế - xã hội; đề xuất các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp, trong đó trọng tâm là cải thiện sinh kế nâng cao thu nhập cho người dân, giảm nhanh tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo, gắn với phát triển kinh tế - xã hội xã Mường Hoong theo hướng đạt mức bình quân của huyện Đắk Glei, đời sống người dân cải thiện từ vật chất đến tinh thần.

### **4. Đối tượng nghiên cứu của Đề án**

Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội tại xã Mường Hoong, huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum.

### **5. Phạm vi xây dựng của Đề án**

- Phạm vi không gian: Xã Mường Hoong, huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum.

- Phạm vi thời gian: Đề án phân tích thực trạng phát triển kinh tế - xã hội xã Mường Hoong, huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum; đề xuất mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Phạm vi nội dung: Các mặt kinh tế - xã hội của xã Mường Hoong, huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum.

### **6. Phương pháp xây dựng Đề án**

Sử dụng cả hai phương pháp là định tính và định lượng (*bao gồm phương pháp SWOT*) để đánh giá thực trạng; đề xuất mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Số liệu được thu thập bằng phương pháp thứ cấp, từ các văn bản, báo cáo, đề án, kế hoạch của các cấp, các ngành qua các năm.

### **7. Kết cấu của Đề án**

Ngoài phần Mở đầu, Đề án có kết cấu 03 phần, gồm:

- Phần I: Điều kiện tự nhiên và tình hình kinh tế - xã hội.

- Phần II: Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Phần III: Tổ chức thực hiện.

## Phần I

# ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI XÃ MƯỜNG HOONG, HUYỆN ĐẮK GLEI, TỈNH KON TUM

## I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

### 1. Vị trí địa lý

Xã Mường Hoong nằm ở phía Đông Bắc huyện Đăk Glei, cách trung tâm huyện 50 km. Phía Bắc của xã giáp với huyện Phước Sơn (*tỉnh Quảng Nam*), phía Nam giáp với xã Ngọc Linh (*huyện Đăk Glei*), phía Tây giáp với xã Đăk Choong (*huyện Đăk Glei*), phía Đông giáp với xã Trà Linh, huyện Nam Trà My (*tỉnh Quảng Nam*). Xã có tổng diện tích tự nhiên 10.507,11 ha<sup>4</sup>, phân bố trên trên 10 thôn.

### 2. Địa hình, địa mạo

Xã có địa hình đồi núi cao với độ cao từ 1.500 - 2.218 m, các dãy núi chạy theo hướng Bắc Nam, cao ở đỉnh rồi thoải về phía Tây Nam. Địa hình chia cắt hiểm trở và có xu hướng thấp dần từ Bắc xuống Nam. Ở phía Đông có 02 đỉnh núi cao, Ngọc Pí (2.218m) và Ngọc Ri (1.894m).

### 3. Khí hậu, thủy văn

Nhiệt độ trung bình năm khoảng 20°C. Nhiệt độ trung bình tháng cao nhất đạt 32,5°C (*tháng 4*), nhiệt độ trung bình tháng thấp nhất đạt 7°C (*tháng 1*), chênh lệch nhiệt độ giữa ngày đêm từ 7 - 16,5°C. Do đặc điểm địa hình nên ở những nơi thung lũng hẹp khuất gió nhiệt độ tăng cao về ban ngày và thấp về ban đêm.

Lượng mưa trung bình năm đạt 2.100 - 2.600 mm. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, chiếm trên 90% tổng lượng mưa cả năm; mưa đạt cực đại từ tháng 7 - 9 và thường gây lũ lớn ở các khu địa hình dốc và ngập lụt ở các thung lũng. Mùa khô từ tháng 11 năm trước đến tháng 4 năm sau. Mùa khô mưa ít, lượng mưa chiếm khoảng 10% lượng mưa cả năm. Thời gian này có gió mùa Đông Bắc thịnh hành làm tăng thêm sự khô hạn và gây thiếu nước, ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp.

Độ ẩm không khí trung bình năm 89%. Lượng bốc hơi trung bình khoảng 1.000 mm/năm.

Gió thịnh hành chủ yếu theo hai hướng chính là Đông Bắc và Tây Nam. Gió Đông Bắc xuất hiện khoảng từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau, tốc độ gió từ 3,5 - 5,4 m/s. Gió Tây và Tây Nam xuất hiện từ tháng 5 đến tháng 11, tốc độ gió từ 1,2 - 2,5 m/s.

<sup>4</sup> Theo Văn bản số 633/UBND-TCKH ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện.

Xã có hệ thống sông Đăk Mek, bắt nguồn từ phía đông núi Ngọc Linh (*xã Ngọc Linh*)<sup>5</sup>, giữ vai trò là nguồn nước cung cấp tưới, sinh hoạt cho xã và 03 xã phía Đông Bắc huyện Đăk Glei, gồm Đăk Choong, Ngọc Linh và Xốp.

#### **4. Tài nguyên thiên nhiên**

##### **4.1. Tài nguyên đất**

Tổng diện tích tự nhiên 10.507,10 ha. Việc sử dụng 03 loại đất trên địa bàn từ năm 2020 đến năm 2023 cơ bản ổn định, không có sự thay đổi lớn. Nhóm đất nông nghiệp, duy trì ổn định với diện tích 10.247,02 ha từ năm 2020 - 2022 giảm còn 10.217,22 ha vào năm 2023. Đất phi nông nghiệp, tăng từ 226,75 ha giai đoạn 2020-2022 lên 282,08 ha năm 2023. Đất chưa sử dụng có sự chuyển biến mạnh, giảm từ 33,33 ha giai đoạn 2020-2022 xuống còn 7,80 ha vào năm 2023 (*chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo*).

##### **4.2. Tài nguyên rừng**

Tổng diện tích rừng năm 2023 khoảng 8.220,58 ha, với 02 loại rừng, rừng đặc dụng 6.051,15 ha, rừng sản xuất 2.169,43 ha (*100% rừng tự nhiên*); giảm 61 ha sản xuất (*rừng tự nhiên*) so với giai đoạn 2020 - 2022.

Hệ thực vật rừng phong phú, đa dạng. Một số loài cây gỗ quý hiếm có tính khoa học và giá trị kinh tế cao (*Trắc mật, Cẩm lai, Dáng hương, Muồng đen*); một số loại phục vụ cho nhu cầu xây dựng, gia dụng (*Giổi đỏ, Giổi xanh, Đinh hương*); trong khi một số loại đáp ứng nhu cầu làm nguyên liệu giấy (*Thông 3 lá, Thông 2 lá*), điêu khắc nghệ thuật (*Thông nàng, Cẩm lai, Trắc*) hoặc khai thác phục vụ chế biến công nghiệp (*nhựa Thông 2 lá*)<sup>6</sup>.

Với kiểu rừng đặc trưng, rừng trên địa bàn xã là nơi sở hữu nhiều loài cây dược liệu quý hiếm (*Mã tiền, Vàng đắng, Hoàng đắng, Ngũ gia bì, Hà thủ ô, Quế, Củ ram*), đặc biệt là các loại cây dược liệu quý như Sâm Ngọc Linh và Sa nhân<sup>7</sup> (*chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo*).

##### **4.3. Tài nguyên nước**

**4.3.1. Nguồn nước mặt:** Bao gồm nước mưa và nước từ hệ thống sông suối. Với lượng mưa trung bình hàng năm lớn (*2.100 - 2.600 mm*), nên nguồn nước mặt của xã khá lớn. Tuy nhiên, do hệ thống sông suối nhỏ hẹp, ngắn, sườn có độ dốc lớn (*trung bình các lưu vực 5 - 6%*) nên thời gian giữ nước rất hạn chế.

**4.3.2. Nguồn nước ngầm:** Nguồn nước ngầm tương đối dồi dào về trữ lượng, chất lượng nước ngầm tốt do thảm thực vật, độ che phủ cao, mực nước ngầm cao (*mạch nước ngầm nông*) phục vụ tốt cho sinh hoạt và tưới tiêu của nhân dân.

<sup>5</sup> Nơi bắt nguồn của sông Tranh, sông Cái chảy về phía Đông Bắc vào hệ thống sông Thu Bồn là thượng nguồn của sông Thu Bồn tỉnh Quảng Nam.

<sup>6</sup> Phân bố nhiều nơi trên địa bàn huyện.

<sup>7</sup> Phân bố ở ven khe sông suối trong kiểu rừng kín lá rộng thường xanh.

#### **4.4. Tài nguyên khoáng sản**

Chủ yếu là nhóm khoáng sản vật liệu xây dựng, gồm đá, cát và sỏi, nhưng được phân bố rải rác, trữ lượng nhỏ.

#### **4.5. Tài nguyên du lịch**

Xã nằm trong vùng Khu Bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh, một quần thể núi đồi rộng lớn trên diện tích 36.148,37 ha. Quần thể núi đồi Ngọc Linh cao 2.596 m có vai trò rất lớn trong điều hành hệ sinh thái cho khu vực Tây Nguyên và Duyên hải Miền Trung, ý nghĩa cao trong nghiên cứu khoa học.

Đặc điểm phức tạp của địa hình đã tạo ra hệ thống các sông, hồ, thác, núi có cảnh quan thiên nhiên đẹp, đặc trưng. Hiện khối núi Ngọc Linh được chuyển thành rừng đặc dụng để bảo vệ, chăm sóc các nguồn gen động thực vật quý hiếm.

Ngoài ra, với đặc trưng trên 95% dân số là người dân tộc thiểu số Xê Đăng, Mường Hoong có một nền văn hóa cổ truyền đặc sắc (*như kiến trúc nhà Rông và các ruộng bậc thang*).

Theo Đề án Phát triển du lịch cộng đồng, du lịch nông thôn gắn với công tác xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030<sup>8</sup>, ngoài một số di sản văn hoá phi vật thể của người Xê Đăng, xã Mường Hoong không có di tích lịch sử cách mạng, văn hóa, danh lam - thắng cảnh, điểm du lịch được xếp hạng.

### **5. Đánh giá về điều kiện tự nhiên xã Mường Hoong**

#### **5.1. Thế mạnh**

Xã Mường Hoong có mạng lưới giao thông tương đối thuận lợi, ngoài kết nối với trung tâm huyện, còn có tuyến đường giao thông kết nối trực tiếp đến huyện Tu Mơ Rông.

Hệ thống tài nguyên trên địa bàn xã phù hợp cho phát triển nông nghiệp, kinh tế rừng và du lịch sinh thái; là tiền đề làm cơ sở thu hút đầu tư.

#### **5.2. Hạn chế**

Thời tiết khắc nghiệt cùng địa hình phức tạp, là thách thức lớn trong sản xuất nông nghiệp, nhất là việc hình thành các vùng sản xuất tập trung chuyên canh quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao. Các loại tài nguyên khoáng sản còn hạn chế, không đủ điều kiện để phát triển ngành xây dựng. Quỹ đất để xây dựng phân tán và manh mún, chưa thuận lợi trong thu hút đầu tư.

## **II. TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI**

### **1. Hiện trạng phát triển kinh tế năm 2023**

---

<sup>8</sup> Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 757/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2022.

## ***1.1. Thực trạng phát triển các hoạt động kinh tế***

### ***1.1.1. Nông, lâm nghiệp và thủy sản***

#### ***a. Trồng trọt***

Cây trồng chủ yếu là lúa nước ruộng bậc thang và các loại dược liệu như Sâm Ngọc Linh, Sâm dây, Đương quy.

Tổng diện tích gieo trồng các loại cây trồng chính đạt 1.055,96/1.067 ha (99% *kế hoạch*); tổng sản lượng lương thực có hạt 1.826/1.885 tấn (96,9% *kế hoạch*)<sup>9</sup>.

- Diện tích trồng cây lúa cả năm vụ đông xuân 2022 - 2023 là 70 ha, lúa vụ mùa 2023 đạt 390/395 ha (98,2% *kế hoạch*); sản lượng lương thực có hạt đạt khoảng 1.885,4/1.855 tấn, đạt 100% *kế hoạch*.

- Ngô vụ mùa 02 ha (100% *kế hoạch*), sản lượng khoảng 08,4/8,4 tấn (100% *kế hoạch*); sắn vụ mùa 5/5 ha (100% *kế hoạch*); rau các loại 8,6/8,6 ha (100% *kế hoạch*).

- Các loại dược liệu<sup>10</sup> và Sâm Ngọc Linh được chú trọng phát triển. Sâm Ngọc Linh có 7,73/7,73 ha, đạt 100% so với *kế hoạch*; Diện tích Đẳng sâm (*sâm dây*) diện tích lũy *kế* đạt 350 ha.

- Cây trồng lâu năm cơ bản phát triển. Diện tích cà phê hiện có là 134,5 ha (100% *kế hoạch*); trong đó, diện tích đã cho thu hoạch 112,7 ha (*diện tích sinh trưởng, phát triển tốt 77,7 ha; diện tích có khả năng cải tạo để phục hồi 30 ha; diện tích không có khả năng phục hồi 05 ha*), diện tích chưa cho thu hoạch 21,8 ha. Năng suất bình quân đạt 8,2 tạ tươi/ha; sản lượng 92,41 tấn/năm<sup>11</sup>. Cây ăn quả là 12,6/12,6 ha (100% *kế hoạch*), Diện tích cây Mắc ca là 28,5/28,5 ha (100% *so với kế hoạch*) trong đó trồng mới 2,9/2 ha, đạt 145% *kế hoạch*.

So với một số chỉ tiêu được đề ra tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025 (*Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 12 tháng 6 năm 2020*), một số chỉ tiêu ước thực hiện năm 2023 gần đạt với mục tiêu đến năm 2025, gồm có: diện tích gieo trồng cây hằng năm đạt 87,19%, diện tích lúa ruộng 92%, cây rau đậu 90,53%; các chỉ tiêu vượt mức, gồm: cây cà phê 105,91%, cây ăn quả 300%, cây dược liệu 417,98% (*trong đó: Sâm Ngọc Linh 309,2%, Sâm dây 437,5%, Đương quy 160%*); các chỉ tiêu đạt từ thấp đến rất thấp, gồm: Ngô 9,01%, cây bời lời 0% (*chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo*).

#### ***b. Chăn nuôi***

Công tác vận động nhân dân trên địa bàn xã phát triển chăn nuôi, bán lấy tiền để đầu tư phát triển kinh tế, không để tình trạng người dân chăn nuôi gia súc

<sup>9</sup> Văn bản số 720/UBND-TCKH ngày 06 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei.

<sup>10</sup> Sâm dây, Đương quy, Đinh lăng, Nghệ rừng, Sơn trà.

<sup>11</sup> Báo cáo số 14-BC/TCT262 ngày 28/7/2023 của Tổ Công tác 262.



chỉ để giết thịt, phục vụ chủ yếu cho lễ hội được tăng cường; chuyển từ chăn thả tự nhiên sang nuôi nhốt chuồng; thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh động tiêm phòng thực hiện đầy đủ theo định kỳ. Năm 2023, tổng đàn gia súc 1.589/1.585 con, đạt tỷ lệ 100,3% so với kế hoạch. Trong đó: Đàn trâu: 155 con, đạt 100%; đàn bò: 614/614 con, đạt 100%; đàn lợn 820/816 con, đạt 104%; đàn gia cầm: 4.490 con<sup>12</sup>.

### *c. Thủy sản*

Do điều kiện tự nhiên, việc phát triển thủy sản trên địa bàn còn nhiều hạn chế. Diện tích nuôi ao, hồ nhỏ chỉ đạt khoảng 0,5/1,2 ha, đạt 41,7% kế hoạch<sup>13</sup>.

### *d. Lâm nghiệp*

Công tác kiểm tra, giám sát và tuần tra bảo vệ rừng của các cộng đồng thôn được khoán bảo vệ rừng được duy trì thường xuyên. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng: Trên địa bàn đang tích cực triển khai rà soát, vận động người dân tham gia trồng rừng nhằm phấn đấu đạt chỉ tiêu, kế hoạch giao<sup>14</sup>, giai đoạn 2021-2023 đã trồng mới 68,53 ha/36 ha (đạt 190,4% so với kế hoạch); tiếp tục khoán quản lý bảo vệ rừng với diện tích 3.314,62 ha nhằm quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng trên địa bàn.

#### *1.1.2. Công nghiệp và xây dựng*

Hoạt động kinh tế trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng chưa có điều kiện phát triển do tài nguyên khoáng sản không đáng kể, công trình xây dựng chưa được hình thành. Nội dung thu từ khu vực công thương nghiệp - ngoài quốc doanh (trong chỉ tiêu thu ngân sách trên địa bàn) không phản ánh mức thu.

#### *1.1.3. Thương mại và Dịch vụ*

Hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn xã mang tính nhỏ lẻ. Sản phẩm hàng hóa được trao đổi, mua bán chủ yếu là các loại hàng hóa thiết yếu và các sản phẩm nông nghiệp được hình thành trên địa bàn (nông sản, Sâm dây, mật ong rừng). Mục tiêu đăng ký 4 sản phẩm OCOP (Sâm Ngọc Linh, Hồng Đăng Sâm, Mật ong, Gạo nếp đỏ) cho năm 2025 đến nay chưa hoàn thành.

## **1.2. Thu, chi ngân sách; hoạt động tín dụng**

### *1.2.1. Thu ngân sách*

Nguồn thu ngân sách của xã từ ngân sách Nhà nước cấp trên bổ sung do không phát sinh các hoạt động kinh tế. Các khoản thu trên địa bàn chủ yếu tập trung vào 04 dòng thuế: Thuế thu nhập cá nhân, thuế lệ trước bạ, phí và lệ phí, thu khác; không phát sinh các khoản thu từ nhà đất. Thu ngân sách năm 2021,

<sup>12</sup> Theo Văn bản số 720/UBND-TCKH ngày 06 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei.

<sup>13</sup> Theo Văn bản số 720/UBND-TCKH ngày 06 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei.

<sup>14</sup> Chỉ tiêu trồng rừng năm 2021 trên địa bàn xã là 12,0 ha; năm 2022 là 12,0 ha; năm 2023 là 12,0 ha.

2022 đạt ở mức rất thấp, lần lượt là 10,29 và 20,69 triệu đồng. Tổng thu NSNN năm 2023 là 23 triệu đồng.

### 1.2.2. Chi ngân sách

Chi ngân sách trên địa bàn xã đạt 5.341,4 triệu đồng năm 2021 và 6.242,7 triệu đồng vào năm 2022. Năm 2023 chi khoảng 12.000 triệu đồng cho cả năm.

### 1.2.3. Đầu tư phát triển

Chi đầu tư phát triển với đối tượng chính là hình thành cơ sở hạ tầng thiết yếu trên địa bàn đáp ứng nhu cầu cho sinh hoạt, sản xuất. Tổng vốn đạt 13.047,6 triệu đồng vào năm 2022 và khoảng 11.274 triệu đồng năm 2023. Vốn đầu tư phát triển trên địa bàn được cân đối, bố trí từ ngân sách Nhà nước, chưa huy động được vốn đầu tư từ xã hội.

Giai đoạn 2021-2025, trên địa bàn xã tập trung 02 công trình thiết yếu sử dụng vốn đầu tư phát triển nguồn cân đối ngân sách địa phương. Tổng vốn đã bố trí đến hết năm 2023 (đã bố trí đủ kế hoạch trung hạn) đạt 1.696 triệu đồng.

**Bảng 1. Vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 nguồn cân đối NSDP**

TT	Danh mục công trình	Thông tin cơ bản của công trình	KH 2021-2025	Đã bố trí đến hết năm 2023	Dự kiến giải ngân đến hết 2023
<b>Tổng cộng</b>			<b>1.700</b>	<b>1.696</b>	<b>1.696</b>
1	Trường tiểu học Mường Hoong (điểm trường chính)	Sửa chữa nhà học 02 tầng với 06 phòng học; xây mới 02 phòng ở và nhà bếp bán trú	1.500	1.500	1.500
2	Đường GTNT từ nhà A Đĩa đến nhà A Tiếp thôn Đak Bể xã Mường Hoong	Đường GTNT loại C, miền núi; chiều dài 61,04m	200	196	196

(Nguồn: Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei)

### 1.2.4. Hoạt động tín dụng

Ngân hàng chính sách xã hội đang triển khai thực hiện cho vay 12 chương trình tín dụng chính sách trên địa bàn. Trong 6 tháng đầu năm 2023, đã giải ngân cho 102 hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác với số tiền 5.600 triệu đồng, nâng tổng số nợ các chương trình tín dụng chính sách toàn xã đạt 23.466 triệu đồng với 562 hộ còn dư nợ<sup>15</sup>.

<sup>15</sup> Tăng 12.121 triệu đồng so với khi thành lập Tổ công tác của Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo Quyết định số 262-QĐ/TU ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Kon Tum.

Về vốn vay qua kênh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh huyện Đắk Glei, trong 6 tháng đầu năm 2023 đã cho vay mới trên 03 tỷ đồng với 01 tổ vay vốn là Hội Phụ nữ xã Mường Hoong với 28 hội viên vay vốn; mục tiêu vay là chăn nuôi gia súc. Đến nay dư nợ xã Mường Hoong đạt gần 7 tỷ đồng với 89 khách hàng vay vốn<sup>16</sup>.

**1.3. Thu hút đầu tư xã hội:** Hiện trên địa bàn chưa thu hút được các dự án đầu tư có vốn đầu tư từ xã hội.

#### **1.4. Kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội thiết yếu**

##### *1.4.1. Giao thông*

Đường giao thông trên địa bàn xã có thiết kế theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn loại C<sup>17</sup>, kết cấu là bê tông xi măng. Hiện đã đầu tư khoảng 13 tuyến đường với tổng chiều dài khoảng 18 km, phục vụ cho đi lại và đến khu sản xuất, có kết nối từ trung tâm xã đi các thôn, và giữa các thôn với nhau. Còn khoảng 20 tuyến đường với tổng chiều dài hơn 21 km chưa được đầu tư, hiện trạng là đường đất.

Hiện nay, một số hoạt động liên quan đến hệ thống giao thông tại khu vực các xã Mường Hoong, Ngọc Linh đang được Sở Giao thông Vận tải tổ chức thực hiện thông qua công tác sửa chữa, duy tu nhằm đảm bảo các tuyến đường<sup>18</sup> được kết nối thông suốt.

Về cơ bản, hệ thống giao thông trên địa bàn xã còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu trong sinh hoạt và sản xuất. Tỷ lệ đường ngõ xóm được cứng hoá đạt 57,14%; tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm đạt 50,76%.

##### *1.4.2. Thủy lợi*

Trên địa bàn quy hoạch 37 công trình là thủy lợi, đập và cấp nước sinh hoạt<sup>19</sup>. Đã đầu tư hoàn thành, đưa vào khai thác sử dụng 07 công trình thủy lợi, 08 đập.

##### *1.4.3. Điện*

Hệ thống điện chiếu sáng được đầu tư. Hiện trạng nguồn điện, lưới điện: Có lưới điện 22 KV chạy dọc theo đường Tỉnh lộ 673 và một số đoạn đường liên thôn, đường dây 0,4KV dọc đường liên thôn cấp điện sinh hoạt cho các khu dân cư.

<sup>16</sup> Báo cáo số 14-BC/TCT262.

<sup>17</sup> Nền đường 5m, mặt đường 3,5m.

<sup>18</sup> Dự án: Sửa chữa nền, mặt đường, công trình thoát nước, an toàn giao thông đoạn từ Km0 - Km39+500, Tỉnh lộ 673: khởi công ngày 06/4/2023, Hoàn thành ngày 26/3/2025, Hiện tại đang triển khai thi công phần nền đường, cống thoát nước... giá trị sản lượng đạt 15/85 tỷ, đạt 17,64% giá trị hợp đồng. Đường Ngọc Hoàng - Măng Bút - Tu Mơ Rông - Ngọc Linh (nhánh 2): Do ảnh hưởng của mưa bão năm 2021, tuyến đường đã bị hư hỏng nặng, Sở Giao thông Vận tải đã dùng kinh phí sửa chữa thường xuyên khắc phục tạm thời để thông xe. Hiện chưa có kinh phí để khắc phục triệt để.

<sup>19</sup> Trong đó: 29 công trình thủy lợi; 08 đập.

#### 1.4.4. Cấp, thoát nước và thu gom xử lý chất thải rắn

Người dân trên địa bàn sử dụng nước tự chảy, giếng khơi. Hiện đã đầu tư và đưa vào sử dụng 02 công trình cấp nước sinh hoạt quy mô nhỏ; tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh năm 2023 ước đạt 100%<sup>20</sup>.

Hệ thống thoát nước và thu gom, xử lý chất thải rắn và vệ sinh môi trường của xã chưa được đầu tư bài bản. Nước thải sinh hoạt hầu hết thấm tự nhiên xuống mặt đất hoặc được dẫn chảy vào hệ thống thoát nước mặt hai bên đường rồi chảy ra sông suối, ao hồ theo hướng dốc của địa hình. Việc thu gom, xử lý chất thải rắn được thực hiện bởi phương pháp giản đơn thông qua xây hố rác (*hộ gia đình hoặc cụm dân cư*) và đốt tiêu hủy. Hiện đang tăng cường kêu gọi tài trợ kinh phí để làm nhà vệ sinh và nhà tắm cho 65 hộ tại thôn Làng Mới.

Hiện tỷ lệ sử dụng công trình cấp nước tập trung còn thấp; số lượng hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch còn thấp, chỉ đạt 30%.

#### 1.5. Phát triển kinh tế tập thể

Duy trì hoạt động 01 hợp tác xã<sup>21</sup> (*đạt mục tiêu Đại hội*) và 28 tổ hợp tác với hơn 419 thành viên. Kinh phí hoạt động của hợp tác xã khoảng 380 triệu đồng/năm, từ các nguồn vốn vay và huy động từ các thành viên. Đối với 28 tổ hợp tác, kinh phí giao động từ 180 - 200 triệu đồng/tổ hợp tác.

Về phát triển kinh tế hộ gia đình, đa số các hộ dân đã trồng Sâm dây, phát triển nhiều nhóm hộ liên kết trồng Sâm Ngọc Linh, có khoảng trên 11 nhóm hộ, diện tích các mô hình còn nhỏ do các hộ dân còn thiếu vốn. Nhìn chung tình hình phát triển kinh tế có sự chuyển biến tích cực hơn so cùng kỳ; tuy nhiên còn có những khó khăn về giá bán ra của một số nông sản chưa ổn định, đầu ra phụ thuộc vào thị trường thương lái tự do trên địa bàn xã.

Mô hình Tổ Liên kết “*Phụ nữ trồng Sâm dây*” tại thôn Làng Mới, thôn Mộ Po xã Mường Hoong<sup>22</sup> gắn với luân chuyển vốn hỗ trợ cho các hộ mới được duy trì và không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động. Trong 6 tháng đầu năm đã luân chuyển vốn cho 13 hộ với số tiền 65 triệu đồng, nâng tổng số thành viên tham gia mô hình Tổ liên kết lên 56 hộ.

Hiện có 01 hợp tác xã<sup>23</sup> được chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với sản phẩm Sâm dây (*tươi, khô*) và Đương quy. Tổ khuyến nông cộng đồng bước đầu đã thành lập.

<sup>20</sup> Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 3197/SNN-KH ngày 20 tháng 9 năm 2023.

<sup>21</sup> Hợp tác xã nông lâm nghiệp và dược liệu Mường Hoong.

<sup>22</sup> Cùng với các thôn Tân Rát, Kung Ran, Kon Tua, xã Ngọc Linh.

<sup>23</sup> Hợp tác xã Nông nghiệp và Dược liệu Mường Hoong.

### ***1.6. Tình hình thực hiện quản lý tài nguyên; bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu***

Công tác quản lý nhà nước về đất, tài nguyên, khoáng sản và rừng được đảm bảo, không phát sinh các vụ việc vi phạm trong khai thác các loại tài nguyên và rừng. Công tác phòng chống thiên tai bão lũ trên địa bàn xã được chỉ đạo tổ chức thực hiện kịp thời, góp phần hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra.

Duy trì thực hiện thường xuyên công tác tuyên truyền cho người dân trong giữ gìn vệ sinh môi trường, xây dựng nhà vệ sinh, đổ rác tập trung và xử lý đốt các loại rác khó phân hủy (*như chai nhựa, ni long*), vệ sinh nhà cửa, làng xóm; thực hiện ăn chín uống sôi, tắm rửa thường xuyên để bảo vệ sức khỏe phòng tránh dịch bệnh; hình thành các hố rác tập trung tại các thôn. Công tác bảo vệ và phát triển rừng được tổ chức thực hiện có hiệu quả, độ che phủ rừng ước thực hiện năm 2023 khoảng 81,65%.

## **2. Hiện trạng văn hóa - xã hội (*chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo*)**

### ***2.1. Giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực***

Đã thực hiện tốt công tác rà soát, sắp xếp mạng lưới trường lớp phù hợp với điều kiện thực tiễn, trên cơ sở đảm bảo chất lượng giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa. Tháng 9 năm 2022, hình thành trường PTDTBT TH-THCS xã Mừng Hoong trên cơ sở sáp nhập trường Tiểu học xã Mừng Hoong với trường PTDTBT THCS xã Mừng Hoong. Cơ sở vật chất được đầu tư xây dựng kiên cố, đảm bảo đủ mỗi lớp học có 01 phòng học riêng biệt, nhưng trang thiết bị dạy học còn thiếu, chưa có phòng học bộ môn.

Công tác tuyên truyền vận động các em học sinh đến trường, đến lớp được duy trì thường xuyên. Việc thực hiện Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số cơ bản đảm bảo<sup>24</sup>. Công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ cơ bản đạt<sup>25</sup>. Công tác phổ cập đối với trẻ 5 tuổi đã hoàn thành; phổ cập giáo dục tiểu học và THCS đúng độ tuổi. Tỷ lệ huy động học sinh ra lớp hàng năm đều đạt tỉ lệ 100%.

Năm học 2022-2023<sup>26</sup>, toàn xã có 42 lớp học với 1.068 học sinh<sup>27</sup>, 61 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên<sup>28</sup>. Năm học 2021-2022, đã huy động 267/264 trẻ cấp mầm non, đạt 100,1%; riêng trẻ 5 tuổi huy động đến lớp 91/91 em (*đạt*

<sup>24</sup> Chỉ tiêu Hạnh kiểm HS DTTS cấp THCS đạt; chỉ tiêu Học lực HS DTTS cấp THCS chưa đạt.

<sup>25</sup> Phổ cập MN đạt 100%, phổ cập TH 98,34%, mức độ 3; phổ cập THCS 80,2%, đạt mức độ 2. Tỷ lệ huy động HS ra lớp 100%.

<sup>26</sup> Báo cáo Huyện ủy Đăk Glei.

<sup>27</sup> Trong đó Mầm non, nhà trẻ 13 lớp, 270 học sinh; Tiểu học 21 lớp, 452 học sinh; THCS 8 lớp, 346 học sinh.

<sup>28</sup> Cấp mầm non: tổng số CBQL, Giáo viên, Nhân viên: 17, Trong đó: CBQL: 02, Giáo viên: 15, Nhân viên: 0. Cấp tiểu học: Tổng số CBQL, Giáo viên, Nhân viên 27, trong đó: CBQL: 01, Giáo viên: 26, Nhân viên: 0. Cấp THCS: Tổng số CBQL, Giáo viên, Nhân viên: 17, trong đó: CBQL: 02. Giáo viên: 13, Nhân viên: 2.

100%). Đối với cấp tiểu học, số học sinh được đánh giá hoàn thành chương trình lớp học 418/431 (đạt 97%). Đối với cấp THCS, số học sinh có hạnh kiểm từ trung bình trở lên 244/244 (đạt 100%), học sinh có học lực từ trung bình trở lên 214/244 (đạt 87,7%). Tuy nhiên, vẫn còn diễn ra tình trạng một số học sinh ở các thôn xa trung tâm xã vắng học, bỏ học nửa chừng; cả hai trường đều chưa đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

## **2.2. Dân số và y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân**

### **2.2.1. Dân số**

Toàn xã có 3.332 người với 864 hộ được phân bố trên 10 thôn, đông nhất ở thôn Ngọc Lâng với 543 người, thấp nhất ở thôn Mô Po với 137 người. Dân tộc thiểu số 3.234 người, chiếm trên 97%. Theo giới tính, xã có 1.810 nam (54,3%), 1.522 nữ (45,7%).

### **2.2.2. Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân**

Công tác truyền thông, tuyên truyền phòng, chống các loại dịch bệnh<sup>29</sup> được tăng cường, không có dịch bệnh nghiêm trọng xảy ra trên người. Đã thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh, tiêm phòng và triển khai thực hiện đầy đủ các chương trình mục tiêu y tế - dân số. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (*chiều cao theo tuổi*) còn cao, nhưng đã có chuyển biến tích cực, giảm từ 59% năm 2021 xuống còn 56,8% năm 2022 (*giảm 2,2%*). Năm 2023, tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 100%, tỷ lệ bao phủ bảo hiểm xã hội đạt 6,98%.

## **2.3. Văn hóa, thể thao và thông tin truyền thông**

Văn hóa truyền thống của người dân tộc thiểu số tại chỗ có các lễ hội điển hình như: Mừng lúa mới, Mừng lúa về kho, Lễ cúng máng nước (*Tết nước*), văn hóa công chiêng, múa xoang,...

Hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao được tổ chức và diễn ra sôi nổi nhân các ngày lễ lớn của đất nước, địa phương. Hệ thống loa đài của xã đã được đầu tư đồng bộ, công tác tuyên truyền được thực hiện thường xuyên, nhất là triển khai Cuộc vận động “*Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm của đồng bào dân tộc thiểu số, làm cho đồng bào dân tộc thiểu số vươn lên thoát nghèo bền vững*”, phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” và cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”. Việc bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc được chú trọng, lồng ghép với các hoạt động văn hóa, văn nghệ<sup>30</sup>. Hiện xã có 525 chiếc công chiêng của cá nhân, hộ gia đình.

<sup>29</sup> Như: Covid - 19, sốt xuất huyết, thủy đậu...

<sup>30</sup> như: việc giảm thiểu các lễ cúng không cần thiết trong canh tác nông nghiệp; vận động cam kết thực hiện tiết kiệm, đơn giản hóa mâm cỗ, vật chất và nghi thức trong đình đám, lễ hội; thực hiện tốt hương ước, quy ước của

## 2.4. Lao động, việc làm, đời sống nhân dân và các vấn đề xã hội

### 2.4.1. Lao động, việc làm

Đã tổ chức rà soát và xác định được nhu cầu học nghề từ 70 học viên đối với 02 nghề là nông nghiệp và phi nông nghiệp. Việc khảo sát nhu cầu tìm kiếm việc làm của người lao động trên địa bàn cũng được tổ chức đồng thời. Các hoạt động tập huấn nhằm nâng cao kỹ năng bán hàng, năng lực quản lý các tổ hợp tác, kỹ thuật canh tác, nuôi trồng và đào tạo nghề được tổ chức thường xuyên, liên tục. Cuối năm 2023, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ trên địa bàn đạt 19,75%<sup>31</sup>.

### 2.4.2. An sinh xã hội và giảm nghèo

Chính sách đối với người có công, người cao tuổi và các đối tượng bảo trợ xã hội được thực hiện kịp thời, thường xuyên. Công tác đền ơn đáp nghĩa, thăm hỏi ốm đau hay nhân dịp tết nguyên đán được duy trì. Việc phê duyệt danh sách đối tượng vay ưu đãi, cho các tổ chức hội vay vốn tại Ngân hàng chính sách để có vốn làm ăn, giải quyết việc làm và các chính sách khác về hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, cấp phát, hỗ trợ cây, con giống, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, trẻ em dưới 06 tuổi trên địa bàn được tổ chức đúng đối tượng, đạt hiệu quả cao.

Thu nhập bình quân đầu người năm 2023 là 28 triệu đồng/người/năm<sup>32</sup>. Đến cuối năm 2023, xã Mường Hoong có 223 hộ nghèo (*chiếm 25,49% số hộ*), hộ cận nghèo 126 hộ (*chiếm 14,46%*). Trong số hộ nghèo, tỷ lệ hộ nghèo có mức cao nhất ở làng Ngọc Lâng với 47,4%, thấp nhất ở Làng Mới với 7,5%.

Về nhà ở, xã có 789 căn nhà kiên cố (89,25%), 95 căn nhà tạm, dột nát (10,75%)<sup>33</sup>.

### 2.4.3. Dân tộc, tôn giáo

Dân tộc thiểu số trên địa bàn xã 3.234 người, chiếm trên 97% và không có tín đồ và tôn giáo nào hoạt động.

## 3. Quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội

### 3.1. Quốc phòng

Đã tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ quân sự, quốc phòng qua các năm về công tác huấn luyện dân quân tự vệ, tuyển quân<sup>34</sup>. Xây dựng kế hoạch và

---

cộng đồng; thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội chú trọng đến việc chấn chỉnh, loại bỏ dần các phong tục, tập quán lạc hậu;...

<sup>31</sup> Theo Văn bản số 720/UBND-TCKH ngày 06 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei

<sup>32</sup> Theo Văn bản số 720/UBND-TCKH ngày 06 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei; Thấp hơn mức bình quân chung của huyện 39 triệu đồng năm 2022

<sup>33</sup> Theo Văn bản số 863/UBND-TCKH ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei.

chuẩn bị các điều kiện cần thiết để thực hiện nhiệm vụ diễn tập chiến đấu, phòng thủ. Định kỳ tổ chức mở lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng đối tượng 3, 4. Công tác phối hợp giữa lực lượng công an xã và kiểm lâm trong tuần tra công tác quản lý bảo vệ rừng và trực cơ quan được thực hiện thường xuyên.

### **3.2. An ninh**

Công tác tuyên truyền giáo dục về pháp luật, quản lý hành chính phòng chống tội phạm, vận động giao nộp vũ khí<sup>35</sup> được thực hiện thường xuyên và đạt hiệu quả cao. Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được nắm chắc. Công tác quản lý cư trú, tạm trú, tạm vắng chặt chẽ. Trật tự an toàn giao thông được đảm bảo. An ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã được giữ vững, ổn định, không phát sinh các vụ, việc nổi cộm.

### **4. Quản lý nhà nước**

Công tác tiếp công dân được tổ chức thực hiện theo quy định<sup>36</sup>; việc tiếp nhận, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân kịp thời. Thực hiện tốt công tác quy chế dân chủ cơ sở. Công tác tư pháp về hộ tịch được quan tâm chỉ đạo tổ chức thực hiện nhưng vẫn còn tình trạng đăng ký khai sinh quá hạn, tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống còn xảy ra. Công tác quản lý nhà nước về đất, rừng, khoáng sản và tài nguyên được chú trọng, không phát sinh các vụ việc vi phạm. Công tác quản lý hoạt động xây dựng chặt chẽ, theo quy hoạch. Việc lập thủ tục sang nhượng đất được thực hiện tốt, đảm bảo theo quy định. Công tác cải cách hành chính tiếp tục được đẩy mạnh thực hiện đồng bộ đi đôi với nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính. Đội ngũ cán bộ được chú trọng bồi dưỡng trên nhiều mặt nhằm nâng cao trình độ, trách nhiệm của người đứng đầu nhằm đáp ứng yêu cầu hiện đại hoá nền hành chính.

Tuy nhiên, việc cải cách hành chính chậm thay đổi. Năng lực, vai trò, trách nhiệm của một số cán bộ, công chức còn hạn chế, chưa đáp ứng theo yêu cầu. Việc giải quyết thủ tục hành chính vẫn được thực hiện bằng hình thức truyền thống, chưa thực hiện bằng hình thức trực tuyến.

### **5. Thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia**

Tổng vốn thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia của xã giai đoạn 2021-2025 dự kiến là 52.434 triệu đồng (*đã bố trí đến năm 2023 là 36.805 triệu đồng, giai đoạn 2024-2025 là 15.629 triệu đồng*); bao gồm: Chi đầu tư phát triển là 45.085 triệu đồng, chi sự nghiệp là 7.349 triệu đồng.

<sup>34</sup> Năm 2022, công tác huấn luyện dân quân tự vệ đạt loại khá, công tác tuyên truyền năm 2022 đạt chỉ tiêu huyện giao 6/6 công dân.

<sup>35</sup> Năm 2022 đã giao nộp 02 súng tự chế.

<sup>36</sup> Trong năm 2022 và 06 tháng đầu năm 2023 không tiếp nhận đơn thư khiếu nại về đất và các vụ kiện tụng khác.



Trong đó: Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là 1.889 triệu đồng (*chiếm 3,6%*); Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững là 1.980 triệu đồng (*chiếm 3,8%*); Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 48.565 triệu đồng (*chiếm 92,6%*).

Lũy kế đến năm 2023, tổng kế hoạch vốn đã bố trí là 36.805 triệu đồng, tương đương 70,2% kế hoạch giai đoạn 2021-2025 (*trong đó, vốn đầu tư phát triển 31.254 triệu đồng; vốn sự nghiệp 5.551 triệu đồng*). Dự kiến đến cuối năm 2023, giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn bố trí.

**Bảng 2. Tình hình bố trí vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025**

Công trình, hoạt động	Tổng vốn đầu tư DA	Vốn đã bố trí 21-25	Trong đó		Vốn đã bố trí đến hết 2023	Trong đó		Kế hoạch 2024-2025	Trong đó	
			ĐTPT	SN		ĐTPT	SN		ĐTPT	SN
	<b>57.089</b>	<b>52.434</b>	<b>45.085</b>	<b>7.349</b>	<b>36.805</b>	<b>31.254</b>	<b>5.551</b>	<b>15.629</b>	<b>13.831</b>	<b>1.798</b>
<b>CTMTQG phát triển ktxh vùng ĐB DTTS và miền núi</b>	53.220	48.565	43.379	5.186	33.926	29.548	4.378	14.639	13.831	808
<b>CTMTQG giảm nghèo bền vững</b>	1.980	1.980		1.980	990		990	990		990
<b>CTMTQG xây dựng nông thôn mới</b>	1.889	1.889	1.706	183	1.889	1.706	183			

### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

#### 1. Kết quả đạt được

Hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền được nâng lên. Việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch hằng năm cơ bản đạt, năm sau cao hơn năm trước. Kinh tế có bước phát triển. Đời sống của người dân không ngừng được nâng cao, từ vật chất đến tinh thần. Hệ thống trường lớp tiếp tục được đầu tư hoàn thiện, chất lượng giáo dục và đào tạo được nâng cao. Công tác khám chữa bệnh, phòng chống dịch được tổ chức thực hiện tốt, đạt hiệu quả cao. Chính sách an sinh xã hội được thực hiện kịp thời, đúng đối tượng, góp phần đáng kể trong giảm nhẹ những khó khăn cho các đối tượng thụ hưởng. Hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao ở cơ sở được tổ chức thường xuyên trong các ngày lễ trong năm, góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa, dân tộc và phong phú đời sống tinh thần. Quốc phòng, an ninh được củng cố, tăng cường; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định, giữ vững.

#### 2. Tồn tại, hạn chế; nguyên nhân

##### 2.1. Tồn tại, hạn chế

Một số chỉ tiêu kế hoạch không đạt, chậm được cải thiện qua hàng năm<sup>37</sup>, đặc biệt tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi ở mức cao<sup>38</sup>. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” chưa thật sự đi vào chiều sâu. Một số tệ nạn xã hội còn xảy ra (*trộm cắp, nghiện rượu; bia, bạo lực gia đình...*), tác động nhất định đến trật tự xã hội. Vệ sinh môi trường nông thôn chưa đảm bảo vệ sinh. Việc áp dụng các thành tựu khoa học, công nghệ vào sản xuất nông nghiệp còn hạn chế, năng suất một số loại cây trồng chưa cao. Hệ thống đường giao thông và kết cấu hạ tầng thiết yếu chưa được đầu tư toàn diện, đồng bộ<sup>39</sup>. Một số phong tục, tập quán lạc hậu vẫn còn tồn tại.

##### 2.2. Nguyên nhân

Xã có điều kiện tự nhiên không thuận lợi<sup>40</sup>, địa hình phức tạp trong khi có vị trí cách xa với trung tâm huyện. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là mạng lưới giao thông từ xã đến huyện và mạng lưới giao thông liên thôn còn hạn chế, không đồng bộ, chậm được cải thiện; suất đầu tư cao, nhu cầu đầu tư lớn trong khi khả năng cân đối<sup>41</sup> có hạn, số lượng các chương trình, dự án đầu tư trên địa bàn có quy mô nhỏ, chưa đáp ứng nhu cầu. Quy mô kinh tế của xã quá nhỏ,

<sup>37</sup> Thu ngân sách.

<sup>38</sup> Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi (*năm 2022 56,8%*) là địa phương có tỷ lệ suy dinh dưỡng cao nhất tỉnh Kon Tum, cao nhất khu vực Tây Nguyên, đòi hỏi cả hệ thống chính trị cùng vào cuộc, tập trung nguồn lực nhiều hơn cho công tác phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em.

<sup>39</sup> Hệ thống giao thông liên thôn, nội thôn, đường đi khu sản xuất chưa được đầu tư đồng bộ.

<sup>40</sup> Thời tiết mưa nhiều, lạnh, lượng mưa phân bố không đều, địa hình phức tạp.

<sup>41</sup> Từ ngân sách cấp trên.

phương thức sản xuất lạc hậu, có mặt kém phát triển; quan hệ sản xuất lỏng lẻo, được thiết lập chủ yếu bởi hình thức kinh tế hộ với quy mô nhỏ lẻ. Nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế nhưng có hiệu suất và hiệu quả thấp, chưa có sản phẩm đặc trưng. Trình độ dân trí thấp, lực lượng lao động qua đào tạo còn hạn chế trong khi ngành nghề đào tạo chủ yếu là giản đơn; tập quán sinh sống và sản xuất của người dân còn tồn tại một số hủ tục; phương thức canh tác, sản xuất lạc hậu, có mặt kém phát triển. Công tác thông tin, tuyên truyền chưa đi vào chiều sâu với phương thức chưa đa dạng. Một bộ phận cán bộ, nhân dân còn có tâm lý ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ từ nhà nước. Năng lực, trách nhiệm của một phần cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu, một số vụ việc được xử lý có hiệu quả chưa cao, mất nhiều thời gian. Cải cách hành chính, công vụ chưa được quan tâm, thiếu kiên quyết.

### **3. Bài học kinh nghiệm**

- Xác định đúng đắn các lợi thế, tiềm năng, kết hợp thực hiện tốt có hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền. Qua đó, quán triệt đầy đủ các mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội đến các cấp, các ngành, chủ thể có liên quan nhằm tạo sự thống nhất về tư tưởng, hành động của xã hội.

- Tăng cường thể chế hóa các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ trong phát triển kinh tế - xã hội trong các quy hoạch, kế hoạch, đề án phát triển.

- Tăng cường hơn nữa trong việc đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính.

- Phát huy vai trò chủ động, sáng tạo, tự lực, tự cường của đảng viên, cán bộ và nhân dân trong xã.

- Đất, rừng và phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng hàng hóa, gắn với thị trường là thành tố quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của xã.

## Phần II

### PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

#### I. BỐI CẢNH, TÌNH HÌNH

##### 1. Tỉnh Kon Tum

###### 1.1. Thuận lợi

- Tình hình chính trị - xã hội tiếp tục được giữ vững ổn định; quan hệ hợp tác, đối ngoại với các tỉnh của các nước Thái Lan, Lào, Campuchia được mở rộng; hợp tác phát triển giữa tỉnh Kon Tum với các tỉnh, thành phố trong khu vực và cả nước được thúc đẩy và mở rộng, nhiều nhà đầu tư lớn, có tiềm lực đang triển khai các dự án trên địa bàn tỉnh; một số công trình giao thông quan trọng đã hoàn thành và đưa vào sử dụng. Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã có các nghị quyết chuyên đề để khai thác tiềm năng, lợi thế của tỉnh như: Nghị quyết về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến trên địa bàn tỉnh, nghị quyết về đầu tư, phát triển và chế biến dược liệu trên địa bàn tỉnh... là cơ sở quan trọng để các cấp, các ngành tập trung triển khai thực hiện.

- Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ tiếp tục có những cơ chế, chính sách phù hợp thiết thực, tạo điều kiện thuận lợi cho Tây Nguyên nói chung và tỉnh Kon Tum nói riêng phát triển nhanh và bền vững.

###### 1.2. Khó khăn

- Kon Tum là tỉnh miền núi, biên giới, đồng bào dân tộc thiểu số chiếm trên 53% dân số, địa hình rộng, chia cắt, dân cư thưa; hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn nhiều yếu kém, chưa đồng bộ; quy mô kinh tế còn nhỏ, sức cạnh tranh của doanh nghiệp và sản phẩm trên địa bàn tỉnh còn yếu, tăng trưởng thấp. Giá một số mặt hàng nông sản chủ lực của tỉnh không ổn định. Chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh còn thấp, năng suất lao động chưa cao.

- Tình hình chính trị và kinh tế trên thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, các thế lực thù địch tăng cường chống phá nước ta ngày càng quyết liệt, trực diện hơn. An ninh chính trị, nhất là an ninh nông thôn, an ninh tôn giáo, an ninh biên giới còn tiềm ẩn yếu tố gây mất ổn định. Biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh trên người và cây trồng, vật nuôi tiếp tục có nguy cơ xảy ra, ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống của Nhân dân. Đại dịch Covid-19 trên toàn cầu, ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của những năm đầu thực hiện kế hoạch và làm chậm đà phát triển, ảnh hưởng đến nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội...

- Nhận thức của một số bộ phận người dân về giảm nghèo còn nặng tâm lý trông chờ, ỷ lại; một số chế tài trong thời gian qua vẫn chưa đủ mạnh nên tình trạng khai thác, vận chuyển lâm sản trái phép, phá rừng làm nương rẫy; tình

trạng thanh thiếu niên hư, vi phạm pháp luật,... vẫn tiếp tục diễn ra.

- Năng lực thực tiễn và đạo đức công vụ của một bộ phận cán bộ, công chức còn hạn chế, đây là một trong những trở ngại trong việc cải thiện môi trường đầu tư và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh.

### **1.3. Quan điểm phát triển**

- Phát huy nội lực kết hợp với huy động các nguồn lực bên ngoài để phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kon Tum nhanh và bền vững.

- Kết hợp chặt chẽ tăng trưởng hài hòa và tăng trưởng xanh, phát triển bền vững gắn với tiến bộ và công bằng xã hội, an sinh xã hội; bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Chú trọng phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số; nắm bắt cơ hội, tận dụng tối đa thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 để phát triển kinh tế - xã hội.

- Gắn phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, tích cực, chủ động hội nhập quốc tế.

### **1.4. Mục tiêu tổng quát**

Huy động, khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tiềm năng, lợi thế của tỉnh; tập trung phát triển dược liệu, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; đầu tư phát triển đô thị, du lịch, dịch vụ và tăng cường cải cách hành chính; bảo đảm duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế ở mức cao. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và mức sống của Nhân dân; bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số trên địa bàn; tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ và đẩy mạnh đổi mới sáng tạo. Giữ vững ổn định quốc phòng, an ninh trong mọi tình huống, không để bị động bất ngờ. Đưa tỉnh Kon Tum phát triển nhanh và bền vững.

#### **1.4.1. Về kinh tế**

Tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2021-2025 phấn đấu đạt khoảng trên 10%/năm; giai đoạn 2026-2030 đạt trên 9,5%/năm; Cơ cấu ngành kinh tế ở giai đoạn 2021-2025 dự kiến với các ngành Công nghiệp - Xây dựng, Dịch vụ và Nông - Lâm - Thủy sản lần lượt là 32-33%, 42-43% và 19-20%; giai đoạn 2026-2030 lần lượt là 33-35%, 43-45% và 17-18%; GRDP bình quân đầu người đến năm 2030 đạt khoảng trên 110 triệu đồng/người; Tỷ trọng kinh tế số đạt khoảng trên 25% GRDP vào năm 2030; Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp vào tăng trưởng đến năm 2030 đạt khoảng trên 45%; Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân trên 6,5%/năm; Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2030 khoảng 52,3%. Trên 85% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 50% số xã

đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

#### *1.4.2. Về văn hóa - xã hội*

Chỉ số phát triển con người (*HDI*) năm 2030 đạt khoảng 0,7; Tuổi thọ bình quân đạt 75 tuổi; Tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị đạt trên 16%. Diện tích cây xanh bình quân trên mỗi người dân đô thị đạt khoảng 8-10m<sup>2</sup>. Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị đạt 30m<sup>2</sup>. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt trên 52% vào năm 2030; đạt 40 giường bệnh và 12 bác sĩ trên 1 vạn dân; tỷ lệ giường bệnh tư nhân đạt 10%.

#### *1.4.3. Về môi trường*

Đến năm 2030, tỷ lệ che phủ rừng đạt 64%; tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh khu vực đô thị đạt 99,0%, ở nông thôn đạt 97,0 trở lên; tỷ lệ rác thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý theo quy định đạt 95%.

#### *1.4.3. Về quốc phòng, an ninh*

Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

### **1.5. Nhiệm vụ trọng tâm và lĩnh vực đột phá**

- 05 nhiệm vụ trọng tâm, gồm: (1) Tiếp tục tái cơ cấu đồng bộ kinh tế của tỉnh theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; (2) Thực hiện đầy đủ, đồng bộ 3 chương trình mục tiêu quốc gia; (3) Tập trung bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số trên địa bàn; (4) Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; (5) Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; đảm bảo an ninh chính trị, an ninh biên giới, trật tự an toàn xã hội.

- 03 lĩnh vực đột phá, gồm: (1) Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, gắn với công nghiệp chế biến; (2) Đẩy mạnh phát triển du lịch với nhiều loại hình; (3) Tập trung đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng (*đô thị, các khu, cụm công nghiệp - đô thị - dịch vụ*).

## **2. Huyện Đắk Glei**

### **2.1. Thuận lợi**

Do yếu tố địa lý đặc thù, huyện Đắk Glei có lợi thế lớn<sup>42</sup> để giao lưu thương mại khi nằm trên tuyến Quốc lộ 14 (*đường Hồ Chí Minh*) và có 02 cặp cửa khẩu phụ (*Đắk Long - Văn Tắt; Đắk Plô - Đắk Ba*). Đồng thời, với thế mạnh về đất và rừng, là cơ sở để phát triển các loại cây công nghiệp, cây dược liệu và

<sup>42</sup> So với thành phố Kon Tum và các huyện khác của tỉnh.

chăn nuôi gia súc, thủy điện, khoáng sản, du lịch sinh thái. Bên cạnh đó, là địa bàn tiếp tục được thụ hưởng nhiều chính sách đặc thù trong phát triển kinh tế - xã hội, nhất là 03 chương trình mục tiêu quốc gia.

## **2.2. Khó khăn**

Là huyện miền núi, biên giới, trên 90% dân số là đồng bào dân tộc thiểu số, dân cư phân bố phân tán, trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực thấp, tập quán sinh sống và sản xuất có mặt còn lạc hậu. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu chưa được đầu tư hoàn chỉnh, thông suốt. Kinh tế chậm phát triển, thiếu động lực chính; kinh tế nông nghiệp giữ tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế, chủ thể kinh tế tập thể chưa được xác lập.

## **2.3. Mục tiêu phát triển đến năm 2025<sup>43</sup>**

### **2.3.1. Về kinh tế**

Tốc độ tăng trưởng bình quân GTSX các ngành (*giá so sánh 2010*) đạt 16,45%; giá trị sản xuất (*giá hiện hành*) đạt 5.176 tỷ đồng; cơ cấu giá sản xuất theo ngành: Nông - lâm - thủy sản 39%, Công nghiệp - xây dựng 26,5%, Thương mại - dịch vụ 34,5%; giữ ổn định độ che phủ của rừng 72%; Thu ngân sách nhà nước tại địa bàn đạt trên 52 tỷ đồng; Thu nhập bình quân đầu người đạt trên 48 triệu đồng; Có trên 380 ha dược liệu, trong đó có trên 350 ha Đảng sâm và trên 15 ha Sâm Ngọc Linh và 15 ha dược liệu khác; tổng diện tích cây trồng hàng năm đạt 6.980 ha; diện tích cây lâu năm đạt 3.592 ha. Đàn gia súc đạt 35.475 con. Tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải rắn đạt từ 75% trở lên.

### **2.3.2. Về văn hóa - xã hội**

Dân số trung bình đạt 53.210 người; Tỷ lệ học sinh được phân luồng sau THCS đạt trên 70%; tỷ lệ tham gia BHYT đạt trên 98%, BHXH đạt 18,6%; Có 06 xã đạt chuẩn nông thôn mới; Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn dưới 11,75%; bình quân mỗi năm giảm 6%; 100% thôn, làng có nhà rồng hoặc hội trường thôn; 90% thôn đạt danh hiệu thôn, làng văn hóa; 70% hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa.

## **II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI XÃ MƯỜNG HOONG**

### **1. Quan điểm**

- Phát huy nội lực, đi đôi với nâng cao tính chủ động cùng với tinh thần đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, quyết liệt trong hành động của xã nhằm tạo sự chuyển biến tích cực, rõ nét trên mọi lĩnh vực<sup>44</sup>.

<sup>43</sup> Theo Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 huyện Đăk Glei được Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei ban hành tại Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2020.

<sup>44</sup> Theo tinh thần Thông báo số 571-TB/VPTU ngày 03 tháng 7 năm 2020 của Văn phòng Tỉnh ủy.



- Kết hợp chặt chẽ và hài hòa giữa phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường, nhất là tài nguyên rừng; phát triển kinh tế bền vững gắn với công bằng xã hội, giải quyết tốt, có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, đảm bảo không có ai bị bỏ lại phía sau.

- Phát triển nguồn nhân lực. Bảo tồn và phát huy các giá trị bản sắc văn hóa của các dân tộc thiểu số.

- Gắn phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

## **2. Mục tiêu tổng quát**

Huy động tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, nhất là từ các chương trình mục tiêu quốc gia trong phát triển kinh tế - xã hội. Sớm đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, nhất là đường bê tông và công trình thủy lợi, thực hiện đa mục tiêu về đáp ứng nhu cầu đời sống, sản xuất và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Phát huy tiềm năng, lợi thế về tài nguyên của xã vào phát triển kinh tế rừng, Sâm Ngọc Linh và dược liệu, Cà phê xứ lạnh, chăn nuôi. Duy trì, thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể; hình thành các sản phẩm đặc trưng, gắn với thị trường tiêu thụ.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Từng bước cải thiện tập quán sinh sống và phương thức canh tác theo hướng hiện đại góp phần giảm nghèo nhanh và bền vững. Bảo tồn các giá trị văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc. Hỗ trợ nguồn lực đi đôi với chuyển giao kiến thức và các mô hình kinh tế phù hợp, sớm cải thiện mức sống của Nhân dân, thực hiện tốt việc giảm nghèo nhanh và bền vững, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập so với bình quân chung của cả huyện.

Đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao hiệu lực, hiệu quả của tổ chức bộ máy. Giữ vững ổn định quốc phòng, an ninh. Đưa xã phát triển nhanh, bền vững, sớm thoát khỏi xã đặc biệt khó khăn, tiến đến đạt chuẩn xã nông thôn mới.

## **3. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể**

### **3.1. Đến năm 2025**

- Phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo mỗi năm từ 10% trở lên theo tiêu chí mới.
- Thu nhập bình quân đầu người tăng ít nhất 05 triệu đồng/người/năm so với năm liền kề<sup>45</sup>.
- Phấn đấu xóa bỏ hoàn toàn hủ tục lạc hậu trên địa bàn xã.
- 100% hộ dân tộc thiểu số có đất ở, đất sản xuất; 100% hộ dân đủ điều kiện được tiếp cận các chính sách tín dụng cải thiện sinh kế, phát triển sản xuất.

<sup>45</sup> Thu nhập bình quân năm 2023 của xã là 28 triệu đồng/người/năm.

- Củng cố, kiện toàn nâng cao chất lượng hoạt động hợp tác xã, tổ hợp tác, phấn đấu có ít nhất 02 hợp tác xã, mỗi thôn có ít nhất 01 tổ hợp tác; có từ 2 - 3 sản phẩm OCOP; phấn đấu đến năm 2025 có 01 điểm bán sản phẩm OCOP và các sản phẩm đặc trưng của xã.

- Duy trì mở rộng diện tích lúa nước 2 vụ theo điều kiện thực tế gắn với nâng cao năng suất, sản lượng.

- Nghiên cứu tận dụng quỹ đất chưa khai thác và chuyển đổi một số diện tích cây trồng kém hiệu quả để mở rộng diện tích sang các loại cây có giá trị kinh tế cao như: Cây ăn quả, cây Mắc ca, cây Cà phê, Sâm Ngọc Linh và dược liệu khác,... Trong đó, mở rộng diện tích đảm bảo đạt tối thiểu 18 ha đối với cây ăn quả; 28,5 ha cây Mắc ca; 165 ha (*trồng mới khoảng 15 ha/năm*) cây Cà phê; 11 ha Sâm Ngọc Linh và 355 ha cây dược liệu khác; Đồng thời, duy trì và phát triển một số loại cây, rau màu hiện có.

- Duy trì, tăng tỷ lệ che phủ rừng hàng năm từ 83% trở lên; thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn xã, trong đó duy trì và phát triển 3.314,62 ha rừng đang thực hiện giao khoán quản lý bảo vệ rừng.

- Tiếp tục nâng tổng đàn gia súc theo hướng hàng hóa, đảm bảo trung bình mỗi gia đình có từ 02-03 con gia súc. Tổng đàn gia súc tối thiểu đạt 2.239 con (*trong đó: trâu 200 con, bò 770 con, heo 1.214 con, dê 55 con*); gia cầm khoảng 5.000 con<sup>46</sup>.

- Tỷ lệ thôn, làng đạt danh hiệu văn hóa đạt 100%; tỷ lệ hộ gia đình văn hóa đạt 90%; 100% thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số có nhà rông truyền thống, 100% thôn làng có đội công chiêng.

- Phấn đấu xóa 95 căn nhà tạm bợ, dột nát.

- Hàng năm tổ chức: Tối thiểu 04 lớp đào tạo nghề và tối thiểu 02 đợt tập huấn nâng cao năng lực, kỹ thuật, mô hình phát triển sản xuất, chăm sóc cây trồng, vật nuôi; tối thiểu 02 mô hình phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo; tối thiểu 02 mô hình hỗ trợ khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, thực hiện Đề án phục hồi cây cà phê xứ lạnh.

- Thực hiện luân chuyển, điều động/biệt phái cán bộ trẻ có trình độ, năng lực, nhiệt huyết, đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn về xã để giữ các chức danh chủ chốt.

### **3.2. Đến năm 2030**

Phấn đấu đến năm 2030, xã Mường Hoong ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn, đạt chuẩn xã nông thôn mới theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn

<sup>46</sup> Đảm bảo theo Kế hoạch 08-KH/TCT262 ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Tô Công tác 262.

2026-2030; kinh tế - xã hội phát triển trên mức bình quân của huyện Đắk Glei, đời sống của Nhân dân được nâng cao về mọi mặt; giá trị bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số được bảo tồn và phát huy; hệ thống chính trị vững mạnh; trật tự an toàn xã hội được giữ vững, ổn định.

### III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

#### 1. Phát triển kinh tế

Hoàn thiện các quy hoạch xã trên cơ sở đáp ứng nhu cầu ổn định đời sống và sản xuất của Nhân dân. Ưu tiên quỹ đất theo hạn mức của tỉnh để bố trí đủ đất ở, đất sản xuất cho các hộ gia đình. Cân đối, bố trí các nguồn lực đến mức tối đa cho xã theo quy định, nhất là các nguồn vốn từ chương trình mục tiêu quốc gia và các nguồn vốn đầu tư theo mục tiêu của tỉnh. Tập trung đầu tư hoàn thành hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu trên địa bàn xã. Xác định danh mục dự án phù hợp với tiềm năng, lợi thế của địa phương để thu hút nguồn lực xã hội đầu tư vào địa bàn.

Tổ chức thực hiện tốt việc giao nhận khoán, cho thuê và phát triển kinh tế rừng, gắn với sử dụng có hiệu quả, bền vững tài nguyên rừng; trong đó, phát triển mô hình trồng được liệu dưới tán rừng, tổ chức thí điểm trồng sâm Ngọc Linh dưới tán rừng đặc dụng khi đủ điều kiện. Tổ chức thực hiện có hiệu quả Dự án Quản lý rừng bền vững trên địa bàn tỉnh Kon Tum, Đề án giao đất, giao rừng cho cộng đồng gắn với hỗ trợ sinh kế và phát triển kinh tế rừng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, Đề án phát triển lâm nghiệp bền vững đến năm 2025, định hướng đến 2030 trên địa bàn tỉnh Kon Tum<sup>47</sup>.

Đẩy mạnh phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa đối với các sản phẩm thế mạnh của địa phương, gắn với thị trường tiêu thụ. Rà soát điều kiện thực tiễn, tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu, ứng dụng công nghệ cao gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030<sup>48</sup>.

Nghiên cứu triển khai các loại cây ăn quả phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu; rà soát, thống kê diện tích, thực hiện cải tạo vườn tạp tại các thôn, làng gắn với thực hiện đồng bộ các giải pháp và bố trí nguồn lực để hỗ trợ việc chuyển đổi từ cây trồng có hiệu suất thấp, kém hiệu quả sang cây trồng mang lại hiệu suất và giá trị kinh tế cao hơn. Tập trung phát triển nhanh và bền vững các loài cây dược liệu, nhất là Sâm Ngọc Linh, Đương quy và Đảng sâm; thực hiện tốt Đề án đầu tư, phát triển và chế biến dược liệu trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030<sup>49</sup>. Rà soát, đánh giá cụ thể diện

<sup>47</sup> Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt lần lượt tại Quyết định số 1528/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019, 1276/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Quyết định số 144/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2022.

<sup>48</sup> Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 27 tháng 2 năm 2023.

<sup>49</sup> Quyết định số 871/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022.

tích Cà phê chè để cải tạo, phục hồi bằng các biện pháp kỹ thuật tiên tiến, bền vững; sử dụng giống Cà phê chè có năng suất, chất lượng cao để trồng mới; phát triển diện tích Cà phê xứ lạnh. Triển khai thí điểm mô hình nuôi cá tầm và các loại cá nước lạnh khác phù hợp. Hỗ trợ chăn nuôi nông hộ đối với heo, bò, trâu từng bước chuyển dịch trong chăn thả, lựa chọn giống, thức ăn, điều kiện chăn nuôi, trang thiết bị chuồng trại, công tác vệ sinh thú ý nhằm nâng cao chất lượng, năng suất, mang lại giá trị kinh tế cao.

Hỗ trợ nguồn lực và các điều kiện cần thiết để xây dựng sản phẩm đặc trưng theo các tiêu chuẩn của quốc gia<sup>50</sup> gắn với định vị thị trường, sản phẩm. Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (*OCOP*) gắn mục tiêu hình thành sản phẩm tham gia vào chuỗi giá trị các sản phẩm quốc gia.

Hỗ trợ mọi điều kiện cần thiết để nâng cao năng lực của các chủ thể kinh tế tập thể là hợp tác xã và tổ hợp tác trong cung ứng các sản phẩm đầu vào (*như giống, vật tư, phân bón,...*), sản xuất và đưa vào lưu thông các sản phẩm đầu ra; thành lập thêm hợp tác xã trồng, chế biến dược liệu, nuôi ong rừng lấy mật. Lấy hợp tác xã và các tổ hợp tác làm nòng cốt trong thực hiện chức năng cung ứng, trao đổi mua bán sản phẩm, hàng hóa thiết yếu trên địa bàn. Quản lý, sử dụng hiệu quả, đúng mục đích nguồn vốn đầu tư ngân sách tỉnh đã bố trí hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 (*theo Quyết định số 421/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh*). Theo đó, hỗ trợ cho các Hợp tác xã trên địa bàn 02 xã Mường Hoong và xã Ngọc Linh là 1.500 triệu đồng.

Đẩy mạnh phát triển các hoạt động sản xuất nông nghiệp về nuôi ong lấy mật, trồng và chế biến sâm Ngọc Linh thông qua triển khai hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng nhằm nâng cao năng lực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ kinh doanh, tiến đến thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo, tạo thu nhập ổn định và nâng cao thu nhập cho người dân.

Nghiên cứu, hình thành một số loại hình du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng trên cơ sở kết hợp tài nguyên du lịch cảnh quan với bản sắc văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ. Rà soát, hỗ trợ kinh phí đầu tư cơ sở vật chất phục vụ lưu trú và các nhu cầu thiết yếu cơ bản khác phục vụ du lịch.

## **2. Văn hóa - xã hội và môi trường**

Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư hướng đến hoàn thiện cơ sở vật chất và trang thiết bị trường học theo hướng đồng bộ, phù hợp lộ trình xây dựng nông thôn mới theo Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và

---

<sup>50</sup> Viet Gap hoặc tương đương.

giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025<sup>51</sup>. Tăng cường nâng cao chất lượng dạy và học, xây dựng đội ngũ giáo viên đảm bảo về số lượng lẫn chất lượng; tiếp tục cụ thể hóa và thực hiện tốt Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số tính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030<sup>52</sup>.

Củng cố, nâng cao chất lượng mạng lưới y tế cơ sở. Thực hiện đồng bộ công tác y tế dự phòng, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe và chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình. Đẩy mạnh công tác truyền thông, kịp thời phát hiện, khống chế các loại dịch bệnh phát sinh và đẩy mạnh công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Thực hiện có hiệu quả các chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Quyết liệt triển khai các nhiệm vụ, giải pháp giảm nghèo bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới; nhân rộng các mô hình giảm nghèo hiệu quả, khuyến khích, động viên, tạo điều kiện cho các hộ gia đình thoát nghèo vươn lên làm giàu. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội và các chế độ, chính sách đối với người có công, gia đình chính sách; giải quyết việc thiếu đất ở, đất sản xuất và tạo sinh kế, việc làm, nâng cao thu nhập, đời sống cho hộ gia đình<sup>53</sup>.

Tiếp tục khôi phục, bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số. Đầu tư, sửa chữa, hoàn thiện cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động văn hóa, thể thao và thông tin truyền thông. Thường xuyên tổ chức các phong trào, hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao nhằm nâng cao thể chất, tinh thần cho người dân, nhất là các hoạt động mang tính cộng đồng. Xây dựng các quy ước, hương ước, thiết chế văn hóa; xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, tổ chức lễ hội.

Hoàn thiện công trình cấp nước tập trung phục vụ nhu cầu tiếp cận bền vững về nước sạch đạt quy chuẩn; tiếp tục hình thành các hố rác tập trung tại các thôn, triển khai việc thu gom và xử lý chất thải bằng các biện pháp phù hợp; thực hiện tốt Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025<sup>54</sup>.

Tiếp tục đầu tư kiên cố hóa hệ thống trường, lớp học và các trang thiết bị phục vụ việc giảng dạy, học tập theo hướng đồng bộ, hoàn chỉnh; đến năm 2030, hoàn thành việc đầu tư và đưa vào sử dụng 03 công trình về giáo dục<sup>55</sup>.

<sup>51</sup> Quyết định số 709/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2021.

<sup>52</sup> Quyết định số 720/QĐ-UBND ngày 6 tháng 8 năm 2021.

<sup>53</sup> Theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (*Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021*) và Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 (*Quyết định 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022*).

<sup>54</sup> Kế hoạch số 2342/KH-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2023.

<sup>55</sup> Gồm: (1) Phòng học trường TH và THCS (*1 dãy 2 tầng kiên cố, gồm 4 phòng học*); (2) Nhà văn hóa dân tộc (*khoảng 200m<sup>2</sup>*); (3) Công trình vệ sinh cho giáo viên (*khoảng 30m<sup>2</sup>*).

Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm. Chú trọng dạy nghề và giải quyết việc làm cho nông dân, thanh niên nông thôn, con em gia đình chính sách...; khuyến khích các doanh nghiệp thu hút, đào tạo và sử dụng lao động là người tại chỗ.

Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về tôn giáo, kiên quyết không để các tà đạo xâm nhập vào địa bàn và lợi dụng tôn giáo vi phạm pháp luật.

### **3. Bảo đảm quốc phòng, an ninh**

Thực hiện tốt công tác đảm bảo quốc phòng, an ninh; phát huy vai trò của công an xã chính quy trong bảo đảm an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Tăng cường công tác thông tin truyền cùng các giải pháp đồng bộ nhằm ngăn chặn và đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở địa bàn theo Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025<sup>56</sup>. Củng cố, nâng cao chất lượng Tổ hòa giải ở cơ sở.

Rà soát các cá nhân, hộ gia đình gặp vướng mắc về hộ khẩu và Chứng minh nhân dân, báo cáo cơ quan chức năng đề sớm giải quyết cho người dân.

### **4. Thông tin tuyên truyền**

Đa dạng hóa công tác thông tin, tuyên truyền các đường lối và chủ trương Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước bằng các hình thức thích hợp, hướng đến tạo sự đồng thuận, thống nhất trong nhân dân về các phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nhằm xây dựng xã Mường Hoong sớm thoát nghèo, nâng cao đời sống.

Tiếp tục đẩy mạnh triển khai nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào thi đua “*Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau*”, “*Cả nước chung tay xây dựng nông thôn mới*” và các cuộc vận động “*Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm trong đồng bào dân tộc thiểu số để từng bước vươn lên thoát nghèo bền vững*”, “*toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”. Thực hiện thiết thực có hiệu quả phương châm “*Dân cần, dân biết, dân bàn, dân đóng góp, dân làm, dân kiểm tra, dân hưởng thụ*”.

Triển khai xây dựng và nhân rộng các mô hình hay, việc làm hiệu quả từ các chương trình mục tiêu quốc gia nhằm tạo sự lan tỏa trong cộng đồng về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội.

### **5. Quy hoạch, kế hoạch; huy động, lồng ghép các nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu**

<sup>56</sup> Số 840/KH-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2023

Hoàn thiện các quy hoạch xã trên cơ sở đáp ứng nhu cầu ổn định đời sống và sản xuất, gắn với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Điều tra, khảo sát làm rõ thực trạng các đặc điểm về đất, kinh tế - xã hội phục vụ cho việc di dời các hộ dân của thôn Đăk Rế tới vùng định cư mới; ưu tiên dành quỹ đất theo hạn mức của tỉnh để bố trí đất ở, đất sản xuất cho các hộ gia đình thiếu đất trong khuôn khổ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Tổ chức rà soát, đánh giá xác định nhu cầu hỗ trợ nguồn lực đầu tư phát triển trên địa bàn. Trong đó, làm rõ thứ tự ưu tiên đầu tư dựa trên tính cấp thiết; khả năng cân đối, huy động của từng dự án đối với từng nguồn vốn; việc lồng ghép giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia với các nguồn vốn khác.

Ưu tiên cân đối bố trí mọi nguồn lực đến mức tối đa cho xã theo quy định, nhất là các nguồn vốn từ chương trình mục tiêu quốc gia và các nguồn vốn đầu tư theo mục tiêu của tỉnh.

Thường xuyên đánh giá lợi thế, tiềm năng làm cơ sở xác định danh mục dự án để thu hút nguồn lực đầu tư xã hội đầu tư vào địa bàn.

Tập trung đầu tư hoàn thành hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu trên địa bàn xã đáp ứng cho yêu cầu sản xuất. Trong đó, ưu tiên nguồn lực đầu tư tuyến đường Đường Ngọc Hoàng - Măng Bút - Tu Mơ Rông - Ngọc Linh (*nhánh 2*) từ Măng Ri đi Ngọc Linh đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn<sup>57</sup>.

## 6. Xây dựng nguồn nhân lực

Tập trung đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị đạt chuẩn theo quy định. Thực hiện thí điểm đưa cán bộ trẻ, có năng lực về xã đảm nhận các chức danh chủ chốt, như: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Phó Bí thư Đảng ủy xã, trưởng các tổ chức chính trị xã hội (*Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân*). Đồng thời, chú trọng tuyển chọn, đào tạo cán bộ trẻ dự nguồn bổ sung cho cán bộ lãnh đạo, quản lý và chuyên môn hóa sâu cho cả trước mắt và lâu dài.

## IV. DỰ KIẾN NGUỒN VỐN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

### 1. Tổng nhu cầu đầu tư

Tổng nhu cầu đầu tư hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn **2021-2030** trên địa bàn xã Mường Hoong khoảng **132.925** triệu đồng (*trong đó vốn đầu tư phát triển 112.296 triệu đồng; vốn sự nghiệp 20.629 triệu đồng*), cụ thể:

**1.1. Giai đoạn 2021 - 2025:** Tổng nhu cầu đầu tư hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn xã khoảng **64.560** triệu đồng (*trong đó*

<sup>57</sup> Phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế kinh tế - xã hội của 02 xã Mường Hoong, Ngọc Linh.

vốn đầu tư phát triển **53.631** triệu đồng; vốn sự nghiệp 10.929 triệu đồng), cụ thể:

**a) Các nguồn lực đã cân đối, bố trí trong giai đoạn 2021 - 2025:** 54.130 triệu đồng (trong đó vốn đầu tư phát triển 46.781 triệu đồng; vốn sự nghiệp 7.349 triệu đồng), cụ thể:

- Kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh, huyện đã bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 là 1.696 triệu đồng.

- Kế hoạch vốn ngân sách Trung ương bố trí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 là 52.434 triệu đồng (trong đó vốn đầu tư phát triển 45.085 triệu đồng; vốn sự nghiệp 7.349 triệu đồng).

**b) Nhu cầu bổ sung nguồn lực thực hiện giai đoạn 2024 - 2025:** Khoảng **10.430** triệu đồng (trong đó vốn đầu tư phát triển **6.850** triệu đồng; vốn sự nghiệp 3.580 triệu đồng) để tập trung xóa toàn bộ nhà tạm, nhà dột nát, đầu tư tuyến đường giao thông nông thôn thiết yếu và triển khai các hoạt động đào tạo nghề, hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện sinh kế, nâng cao thu nhập người dân, cụ thể:

**Định hướng các nguồn lực bổ sung thực hiện giai đoạn 2024 - 2025:**

- Ngân sách tỉnh **5.480** triệu đồng, trong đó:

+ Vốn đầu tư phát triển **2.100** triệu đồng: Rà soát, bố trí từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi hàng năm và rà soát, điều chuyển từ các dự án, hoạt động không có khả năng giải ngân hoặc chậm giải ngân theo quy định;

+ Vốn sự nghiệp **3.380** triệu đồng: Rà soát, bố trí bổ sung từ nguồn vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh hỗ trợ địa phương triển khai thực hiện theo quy định.

- Ngân sách huyện Đắk Glei **150** triệu đồng: Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei rà soát, bố trí bổ sung từ nguồn vốn sự nghiệp ngân sách huyện hỗ trợ địa phương triển khai thực hiện.

- Vốn huy động khác **4.275** triệu đồng (tập trung thực hiện xóa nhà tạm): Huy động, vận động nguồn lực hỗ trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân, các Ngân hàng (Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, TMCP Ngoại thương Việt Nam, TMCP Công thương Việt Nam,...); Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội vận động hỗ trợ, giúp đỡ hộ nghèo, hộ cận nghèo xây mới hoặc sửa chữa nhà ở; hỗ trợ các hộ gia đình đủ điều kiện vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội để xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở;...

- Nhân dân đóng góp **525** triệu đồng: Bằng tiền, hiện vật, ngày công lao động.

**1.2. Giai đoạn 2026 - 2030:** Dự kiến nhu cầu kinh phí hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội, trong đó trọng tâm là thực hiện hiện mục tiêu tăng cao thu nhập, giảm nhanh và bền vững hộ nghèo, cận nghèo, hoàn thiện cơ bản cơ sở hạ tầng thiết yếu khoảng **68.365** triệu đồng (trong đó vốn đầu tư phát triển 58.665 triệu



*đồng; vốn sự nghiệp 9.700 triệu đồng).*

Trên cơ sở sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện giai đoạn 2021-2025 và rà soát, đề xuất nhu cầu nguồn lực theo các quy định về chuẩn nghèo và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030 của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ tiếp tục tổng hợp, cân đối và đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí các nguồn lực triển khai thực hiện phù hợp theo quy định.

**Bảng 3. Nhu cầu đầu tư giai đoạn 2021 - 2030 xã Mường Hoong**

ĐVT: Triệu đồng.

T T	Nội dung đầu tư	Tổng nhu cầu giai đoạn 2024-2030	Nguồn vốn giai đoạn 2024-2025	Trong đó				Nhu cầu vốn giai đoạn 2026- 2030	Trong đó			
				Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã	Vốn huy động khác	Nhân dân đóng góp		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã	Vốn huy động khác	Nhân dân đóng góp
<b>TỔNG SỐ</b>		<b>78.795</b>	<b>10.430</b>	<b>5.480</b>	<b>150</b>	<b>4.275</b>	<b>525</b>	<b>68.365</b>	<b>44.580</b>	<b>17.960</b>	<b>1.208</b>	<b>4.618</b>
<b>I</b>	<b>Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu</b>	<b>65.515</b>	<b>6.850</b>	<b>2.100</b>		<b>4.275</b>	<b>475</b>	<b>58.665</b>	<b>35.930</b>	<b>17.060</b>	<b>1.208</b>	<b>4.468</b>
1	Kinh phí xóa nhà tạm (95 căn)	4.750	4.750			4.275	475					
2	Sửa chữa Đường giao thông từ thôn Làng Mới đi thôn Ngọc Nang xã Mường Hoong	2.100	2.100	2.100								
3	Đầu tư hạ tầng thiết yếu khác (giao thông, nước sinh hoạt, thủy lợi, trường học)	58.665						58.665	35.930	17.060	1.208	4.468
<b>II</b>	<b>Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện sinh kế, nâng cao thu nhập người dân</b>	<b>13.280</b>	<b>3.580</b>	<b>3.380</b>	<b>150</b>		<b>50</b>	<b>9.700</b>	<b>8.650</b>	<b>900</b>		<b>150</b>
1	Đào tạo nghề nông nghiệp	2.100	600	600				1.500	1.500			
2	Đào tạo nghề phi nông nghiệp	1.540	440	440				1.100	1.100			
3	Tổ chức các đợt tập huấn nâng cao năng lực, kỹ thuật sản xuất, chăm sóc cây trồng, vật nuôi	1.540	440	440				1.100	1.100			
4	Triển khai các mô hình phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, mô hình giảm nghèo	3.900	900	700	150		50	3.000	1.950	900		150
5	Hỗ trợ xây dựng mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, thực hiện Đề án phục hồi cây cà phê xứ lạnh	4.200	1.200	1200				3.000	3.000			

## **2. Nguồn lực thực hiện**

Huy động đa dạng nguồn vốn và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để triển khai thực hiện, bao gồm:

+ Nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng năm (*chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên*) theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành, bảo đảm đúng quy định.

+ Kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án, dự án đầu tư công giai đoạn 2021 - 2030 bảo đảm đúng quy định.

+ Kinh phí vận động, huy động từ các nhà tài trợ, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước.

+ Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định pháp luật.

### **Phần III**

## **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **I. CÁC CƠ QUAN CẤP TỈNH<sup>58</sup>**

#### **1. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Chủ trì đề xuất các giải pháp, biện pháp thực hiện các cơ chế, chính sách trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư; phối hợp Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei và các cơ quan có liên quan tổng hợp, cân đối nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu trong kế hoạch trung hạn và hàng năm, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật về đầu tư công và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách tỉnh.

- Hướng dẫn chính quyền xã trong việc lập và thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo thực hiện tốt các mục tiêu đề ra.

- Tập trung thu hút, mời gọi, kết nối với các doanh nghiệp, nhà đầu tư có nguồn lực, có kinh nghiệm hợp tác khai thác tiềm năng, lợi thế, hỗ trợ, chia sẻ lợi ích với địa phương và người dân; đồng thời, thường xuyên lồng ghép, xây dựng các chương trình, kế hoạch trợ giúp phát triển hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn xã.

- Phối hợp Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Thành phố Hồ Chí Minh hỗ trợ kết nối 01 Quận của Thành phố Hồ Chí Minh kết nghĩa, hỗ trợ huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum phát triển kinh tế - xã hội xã Mường Hoong và xã Ngọc Linh trong giai đoạn 2024-2025 trong khuôn khổ thỏa thuận hợp tác phát triển kinh tế - xã hội giữa Thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh vùng Tây Nguyên.

#### **2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Chủ trì đề xuất các giải pháp, biện pháp thực hiện các cơ chế, chính sách trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn. Chủ trì, phối hợp với Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Sở Y tế và các đơn vị có liên quan thôn hỗ trợ và giúp đỡ xây dựng hợp tác xã kiểu mới trong lĩnh vực trồng, chế biến dược liệu; chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hỗ trợ xã Mường Hoong, huyện Đắk Glei hình thành các vườn ươm, phát triển dược liệu, liên kết hợp tác xã với doanh nghiệp và người dân; việc xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện và theo dõi quá trình thực hiện của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã.

---

<sup>58</sup> Các cơ quan có chức năng quản lý nhà nước theo Thông báo số 04-TB/TCT262 ngày 07 tháng 02 năm 2022 của Tổ Công tác 262.

- Tham mưu, đề xuất cân đối kinh phí sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các nguồn vốn thuộc phạm vi theo dõi, đề xuất của ngành để giao Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei triển khai các hoạt động hỗ trợ sản xuất (*ưu tiên các loại cây dược liệu, cây Mắc ca, Cà phê xir lạnh và gia súc*).

- Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực công tác quản lý, điều hành của hợp tác xã; theo dõi việc duy trì sản xuất, chế biến Sâm dây an toàn của hợp tác xã Nông nghiệp và dược liệu Mường Hoong, hướng dẫn sản xuất an toàn thực phẩm theo quy định.

- Tập huấn, hướng dẫn người dân nuôi, quản lý đàn vật nuôi, thực hiện tốt công các phòng, chống dịch bệnh, kỹ thuật chăn nuôi, vệ sinh chuồng trại, hướng dẫn thực hiện làm chuồng trại, dự trữ thức ăn để nuôi nhốt gia súc trong mùa mưa rét; huy động các nguồn lực để hỗ trợ con giống cho người dân, tăng cường công tác khuyến nông; ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất nông - lâm nghiệp; phát triển ngành nghề theo thế mạnh tại địa phương.

- Nghiên cứu hỗ trợ nguồn lực, điều kiện để xây dựng sản phẩm đặc trưng theo các tiêu chuẩn của quốc gia<sup>59</sup> gắn với định vị thị trường, sản phẩm. Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (*OCOP*) gắn mục tiêu hình thành sản phẩm tham gia vào chuỗi giá trị các sản phẩm quốc gia.

- Hướng dẫn việc giao nhận khoán, cho thuê và phát triển kinh tế rừng, gắn với sử dụng có hiệu quả, bền vững tài nguyên rừng; hướng dẫn trồng dược liệu, trồng rừng, trồng cây phân tán, trồng cây cảnh quan, quản lý bảo vệ rừng, nghiên cứu hướng dẫn mô hình trồng dược liệu dưới tán rừng, tổ chức thí điểm trồng sâm Ngọc Linh dưới tán rừng đặc dụng khi đủ điều kiện. Đồng thời, tiếp tục phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei làm việc với Công ty Cổ phần Sâm Ngọc Linh Kon Tum và Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đăk Tô để tiếp tục hỗ trợ cây giống Sâm Ngọc Linh cho Nhân dân trên địa bàn xã Mường Hoong phục vụ xây dựng vườn giống và hỗ trợ Nhân dân tham gia trồng Sâm Ngọc Linh; thực hiện có hiệu quả Dự án Quản lý rừng bền vững trên địa bàn tỉnh Kon Tum, Đề án giao đất, giao rừng cho cộng đồng gắn với hỗ trợ sinh kế và phát triển kinh tế rừng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, Đề án phát triển lâm nghiệp bền vững đến năm 2025, định hướng đến 2030 trên địa bàn tỉnh Kon Tum<sup>60</sup>.

- Hỗ trợ cây giống trồng cây phân tán, trồng cây cảnh quan trên địa bàn xã.

- Tiếp tục hướng dẫn xã công tác xử lý và trữ nước an toàn hộ gia đình và công tác quản lý, vận hành các công trình cấp nước tập trung nhằm nâng cao

<sup>59</sup> Viet Gap hoặc tương đương.

<sup>60</sup> Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt lần lượt tại Quyết định số 1528/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019, 1276/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Quyết định số 144/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2022.

hiệu quả hoạt động công trình, từng bước nâng cao tỷ lệ số hộ dân trên địa bàn biết, áp dụng các biện pháp xử lý và trữ nước an toàn quy mô hộ gia đình.

- Chủ trì, phối hợp với Hội Nông dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei tiếp tục thực hiện hỗ trợ triển khai và đánh giá kết quả mô hình nuôi ong lấy mật trong rừng để có giải pháp triển khai thực hiện trong các vụ tiếp theo.

- Nghiên cứu, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei đề tu sửa các công trình thủy lợi bị hư hỏng nặng trên địa bàn xã; nghiên cứu bố trí nguồn Nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 đầu tư các tuyến đường giao thông nông thôn hiện trạng là đường đất tại xã.

- Phối hợp với địa phương nghiên cứu triển khai các loại cây dược liệu, cây ăn quả phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu; hướng dẫn thực hiện cải tạo vườn tạp tại các thôn, làng gắn với hỗ trợ việc chuyển đổi từ cây trồng có hiệu suất thấp, kém hiệu quả sang cây trồng mang lại hiệu suất và giá trị kinh tế cao hơn.

- Thường xuyên theo dõi, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei đánh giá kết quả thực hiện đối với các nội dung về phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới tại xã Mường Hoong.

### **3. Sở Giao thông vận tải**

- Chủ trì đề xuất các giải pháp, biện pháp thực hiện các cơ chế, chính sách trong lĩnh vực giao thông vận tải, đảm bảo giao thông thông suốt đối với các tuyến đường.

- Tổ chức triển khai dự án Sửa chữa nền, mặt đường, công trình thoát nước, an toàn giao thông đoạn từ Km0 - Km39+500, Tỉnh lộ 673; đồng thời đề xuất cấp có thẩm quyền sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Ngọc Hoàng - Măng Bút - Tu Mơ Rông - Ngọc Linh (nhánh 2) đoạn từ xã Măng Ri (huyện Tu Mơ Rông) đi xã Ngọc Linh (huyện Đăk Glei), sớm thực hiện và hoàn thành các dự án trong thời gian sớm nhất.

- Phối hợp tiến hành rà soát, đánh giá, hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống đường giao thông nông thôn tại xã (trong đó, tập trung sửa chữa, chỉnh trang, mở rộng và đầu tư mới đường liên thôn; đường giao thông nội đồng; ...).

### **4. Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Chủ trì đề xuất các giải pháp, biện pháp thực hiện các cơ chế, chính sách trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

- Chủ trì, định kỳ kiểm tra, hướng dẫn huyện, xã và đề xuất tỉnh chỉ đạo tăng cường triển khai các hoạt động để đạt chuẩn và tiếp tục duy trì các tiêu chí nông thôn mới thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Rà soát tình hình cơ sở vật

chất tại các Trường học theo hướng đồng bộ, phù hợp lộ trình xây dựng nông thôn mới theo Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025. Tăng cường nâng cao chất lượng dạy và học, xây dựng đội ngũ giáo viên đảm bảo về số lượng lẫn chất lượng; tiếp tục cụ thể hóa và thực hiện tốt Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số tính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Phối hợp Sở Y tế triển khai các hoạt động hỗ trợ giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em. Trước mắt, rà soát, đề xuất lồng ghép, vận động các nguồn lực triển khai Chương trình Sữa học đường từ năm học 2023-2024.

- Nghiên cứu, cân đối các nguồn vốn thuộc phạm vi quản lý, theo dõi của ngành, triển khai các hoạt động hỗ trợ cơ sở vật chất cho các đơn vị trường học.

### **5. Sở Y tế**

- Đề xuất giải pháp, biện pháp thực hiện các cơ chế, chính sách trong lĩnh vực y tế. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong hỗ trợ và giúp đỡ xây dựng hợp tác xã kiểu mới trong lĩnh vực trồng, chế biến dược liệu.

- Phối hợp, củng cố tổ chức, mạng lưới y tế cơ sở, hoàn thiện và nâng cao các dịch vụ y tế phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu và khám chữa bệnh; thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế. Triển khai các giải pháp nhằm giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi theo mục tiêu đã đề ra. Hướng dẫn, tổ chức triển khai các giải pháp nâng cao các tiêu chí nông thôn mới trong lĩnh vực y tế như: Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch, tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm,... Phối hợp, đẩy mạnh công tác truyền thông, kịp thời phát hiện, khống chế các loại dịch bệnh phát sinh và đẩy mạnh công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

### **6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

- Đề xuất các giải pháp, biện pháp thực hiện các cơ chế, chính sách trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; tổ chức nghiên cứu đánh giá tiềm năng về tài nguyên du lịch tiến đến xây dựng, đưa sản phẩm du lịch vào khai thác; tổ chức kiểm kê di sản văn hoá, tái hiện, phục dựng một không gian văn hoá công cộng, lễ hội truyền thống tốt đẹp; đề xuất xây dựng nhà văn hoá - thể thao xã, sửa chữa, nâng cấp nhà rông truyền thống các thôn, trang thiết bị sinh hoạt văn hoá, thể dục thể thao đáp ứng tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

- Phối hợp, tiếp tục triển khai sâu rộng và có hiệu quả cuộc vận động “*Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm của đồng bào dân tộc thiểu số, làm cho đồng bào dân tộc thiểu số vươn lên thoát nghèo bền vững*”, phong trào “*Toàn dân*

đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân xóa bỏ các hủ tục, phong tục lạc hậu, tập quán không còn phù hợp, phấn đấu xóa bỏ hoàn toàn hủ tục.

- Nâng cao ý thức bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; tăng cường công tác thu thập, bảo tồn và lưu giữ những tư liệu về giá trị truyền thống, các sản phẩm từ nghề truyền thống (*dệt thổ cẩm, đan lát, chế tác nhạc cụ, rượu cần...*), nhằm bảo tồn, gìn giữ và phát huy giá trị văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ. Mở các lớp truyền dạy về công chiêng, dệt thổ cẩm, phục dựng một số lễ nghi truyền thống tiêu biểu.

- Nghiên cứu, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei tổ chức ngày hội văn hóa, thể thao dân tộc Xơ đăng trên địa bàn tỉnh; phục dựng 01 số lễ hội như tết máng nước, mừng nhà rông mới, lễ cưới của người dân tộc thiểu số Xơ đăng để góp phần khôi phục, bảo tồn bản sắc văn hóa.

- Nghiên cứu các quy định của pháp luật và tình hình thực tiễn trên địa bàn xã Mường Hoang, trên cơ sở đó hướng dẫn cấp ủy, chính quyền và người dân, cộng đồng dân cư từng bước phát triển du lịch cộng đồng. Trường hợp gặp vướng mắc về cơ chế, chính sách, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

- Nghiên cứu, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei vận động, hướng dẫn người dân khi thực hiện công tác xóa nhà tạm (*sửa chữa hoặc xây dựng mới*) theo hướng gìn giữ nét đặc trưng của các công trình bản địa.

- Theo dõi, đồng thời phối hợp rà soát, đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei hoặc cấp có thẩm quyền đầu tư hoàn thành các mục tiêu về văn hóa trên địa bàn xã theo kế hoạch đề ra; trong đó, nghiên cứu hỗ trợ trang thiết bị cho nhà văn hóa các thôn; trang bị công chiêng, trống cho các thôn đồng bào dân tộc thiểu số chưa có công chiêng, trống; đầu tư khu thể thao... từ các nguồn vốn phù hợp.

## **7. Liên minh Hợp tác xã tỉnh**

- Đề xuất giải pháp, biện pháp thực hiện các chủ trương, cơ chế, chính sách trong lĩnh vực kinh tế hợp tác, xây dựng hợp tác xã, tổ hợp tác. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hỗ trợ và giúp đỡ xây dựng hợp tác xã kiểu mới trong lĩnh vực trồng, chế biến dược liệu.

- Tập trung nghiên cứu các giải pháp hỗ trợ đầu ra sản phẩm cho hợp tác xã và của bà con nhân dân trên địa bàn xã. Khuyến khích áp dụng các mô hình thương mại điện tử, B2C.



- Tiếp tục phối hợp hướng dẫn củng cố, kiện toàn hợp tác xã hiện có; thu hút thành viên tham gia trong xây dựng, hình thành, phát triển sản phẩm OCOP theo các sản phẩm có thế mạnh của địa phương.

- Huy động các nguồn lực hợp pháp, hướng dẫn các các tổ hợp tác liên kết với các doanh nghiệp (*có nhu cầu*) đầu tư cơ sở vật chất, nhà xưởng, máy móc thiết bị để phát triển sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

## **8. Ban Dân tộc tỉnh**

- Đề xuất giải pháp, biện pháp thực hiện các chủ trương, cơ chế, chính sách trong công tác dân tộc; việc xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện và theo dõi quá trình thực hiện của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn xã.

- Cân đối nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi triển khai dự án hỗ trợ bồn nước sinh hoạt phân tán cho các hộ dân tại xã.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở ngành, đơn vị có liên quan huy động nguồn lực, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; tập trung triển khai thực hiện một số nội dung như hỗ trợ đất ở, đất sản xuất; tuyên truyền, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cộng đồng, người có uy tín, cán bộ cơ sở,...; nghiên cứu lồng ghép các nguồn kinh phí để hỗ trợ xóa nhà tạm, xây dựng nhà tiêu, nhà tắm; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, chính sách hỗ trợ đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số để phát triển kinh tế - xã hội tại xã.

## **9. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh**

- Đề xuất giải pháp, biện pháp thực hiện công tác bảo đảm an toàn, an ninh tại khu vực trọng điểm về an ninh - quốc phòng.

- Chỉ đạo, hỗ trợ kinh phí, nhân lực hỗ trợ công tác xóa nhà tạm, xây dựng nhà tắm, nhà tiêu và triển khai thực hiện công tác dân vận, các hoạt động an sinh - xã hội tại xã.

- Xây dựng, duy trì và nhân rộng các mô hình hay, hiệu quả về giữ gìn an ninh trật tự; phát huy vai trò của già làng, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, lực lượng công an xã, vai trò tự quản, tích cực của Nhân dân tham gia đấu tranh; xử lý những vấn đề nhạy cảm phát sinh.

- Ngăn chặn và đẩy lùi các tệ nạn xã hội, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự xã hội trên địa bàn. Thực hiện tốt công tác xây dựng lực lượng dân quân vũng mạnh, rộng khắp, tích cực xây dựng địa bàn nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số vững mạnh toàn diện, bảo đảm giữ vững tiêu chí quân sự, quốc phòng.

## **10. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

- Đề xuất giải pháp, biện pháp thực hiện các chủ trương, cơ chế, chính sách trong lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội; việc xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện và theo dõi quá trình thực hiện của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn xã.

- Phối hợp, hướng dẫn triển khai thực hiện các giải pháp giảm nghèo bền vững (*trong đó, hỗ trợ công tác rà soát kỹ hộ nghèo, hộ cận nghèo, xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình, xây dựng kế hoạch hỗ trợ, lộ trình giảm nghèo phù hợp với thực tế và đảm bảo tính bền vững*); huy động và sử dụng tốt các nguồn lực từ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, đảm bảo mục tiêu giảm nghèo đề ra.

- Hướng dẫn, đôn đốc triển khai thực hiện công tác đào tạo nghề nhất là cho lực lượng lao động trẻ, phù hợp yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, phù hợp với nhu cầu của người lao động, gắn với hiệu quả giải quyết việc làm sau học nghề và có thu nhập cao hơn sau học nghề; hỗ trợ tư vấn giới thiệu việc làm và đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cho người lao động có nhu cầu tìm kiếm việc làm (*nếu có*).

## **11. Sở Công Thương**

- Đề xuất các giải pháp, biện pháp thực hiện các chủ trương, cơ chế, chính sách trong lĩnh vực công thương; hỗ trợ xây dựng, phát triển thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm có thể mạnh.

- Chủ trì, phối hợp hỗ trợ duy trì, xây dựng, từng bước hình thành, phát triển thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm có thể mạnh (*như Sâm Ngọc Linh, Đảng sâm, Đương quy và một số loài dược liệu khác,...*); hỗ trợ công tác quảng bá sản phẩm (*tham gia các chương trình hội chợ, triển lãm trong và ngoài tỉnh, đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại gắn với từng sản phẩm hàng hóa cụ thể*); hỗ trợ truy xuất nguồn gốc, xây dựng website quảng bá sản phẩm của Hợp tác xã; hỗ trợ công tác liên kết tiêu thụ sản phẩm.

- Phấn đấu hỗ trợ hình thành và phát triển thương hiệu đối với 01 sản phẩm của hợp tác xã Mừng Hoong đạt tiêu chuẩn tham gia các hội nghị, hội chợ, hỗ trợ xây dựng thương hiệu, hỗ trợ quảng bá thông qua kênh thương mại điện tử.

## **12. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh**

- Tổ chức triển khai hiệu quả các giải pháp về công tác tín dụng chính sách hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác, để đáp ứng nhu cầu vay vốn

kip thời cho người dân phục vụ đời sống, sản xuất; triển khai một số hoạt động an sinh xã hội.

- Thường xuyên nắm nhu cầu, hướng dẫn triển khai các nguồn vốn vay để hộ nghèo và các đối tượng chính sách tiếp cận nguồn vốn, phần đầu 100% đối tượng có nhu cầu vay vốn được vay vốn để hỗ trợ phát triển sản xuất, chăn nuôi (*gia súc, gia cầm*), vay hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất. Đồng thời thường xuyên phối hợp với chính quyền địa phương (*cấp huyện, xã*) hướng dẫn, hỗ trợ cho các hộ gia đình trong thủ tục vay vốn, biết cách lập kế hoạch chi tiêu để sử dụng vốn vay hiệu quả, tiết kiệm, đầu tư vào nuôi trồng, sản xuất kinh doanh, phát triển các mô hình sinh kế phù hợp.

- Hỗ trợ công tác xóa nhà tạm, xây dựng nhà tạm, nhà tiêu và triển khai các hoạt động an sinh - xã hội tại xã.

### **13. Sở Nội vụ**

Tham mưu, đề xuất triển khai các nhiệm vụ tập trung xây dựng nguồn nhân lực theo Đề án này.

Tham mưu đề xuất Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện thí điểm đưa cán bộ trẻ, giới tuyến tỉnh về xã đảm nhận các chức danh chủ chốt cấp phòng, cấp xã như: Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy xã, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội (*Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân*). Trong đó, ưu tiên thí điểm đối với công chức, viên chức thuộc các ngành quy hoạch, xây dựng, nông nghiệp.

### **14. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh**

Phối hợp với các cơ quan trong việc đôn đốc tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ Đề án và kịp thời báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh đối với những vấn đề phát sinh.

### **15. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị xã hội tỉnh**

- Thường xuyên cử cán bộ xuống giúp xã triển khai tuyên truyền, hướng dẫn Cuộc vận động "*Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm của đồng bào dân tộc thiểu số, làm cho đồng bào dân tộc thiểu số vươn lên thoát nghèo bền vững*", phong trào "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*" và cuộc vận động "*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*". Tạo sự chuyển biến và rõ rệt trong tư duy, nhận thức của bà con nhân dân.

- Đẩy mạnh triển khai các hoạt động dân vận, các đợt ra quân tuyên truyền, hướng dẫn "*cầm tay chỉ việc*", hỗ trợ bà con nhân dân trong lập kế hoạch kinh tế, kế hoạch chi tiêu, quản lý tài chính và các hoạt động sản xuất.

- Vận động, hỗ trợ, giúp đỡ hội viên, đoàn viên, thanh niên tiếp cận, ứng dụng khoa học kỹ thuật, chuyển đổi cây trồng, vật nuôi, sử dụng nguồn vốn vay hiệu quả, cách làm ăn mới, từng bước áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, kinh doanh, phát huy được tiềm năng, lợi thế về điều kiện tự nhiên, nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi; hỗ trợ cải tạo vườn tạp, hàng rào xung quanh nhà; nâng cao năng suất lao động, góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

- Tham gia, huy động các nguồn lực để hỗ trợ công tác xóa nhà tạm, xây dựng nhà tạm, nhà tiêu và thường xuyên triển khai các hoạt động an sinh - xã hội tại xã.

### **16. Chi nhánh Xăng dầu Kon Tum, Công ty Điện lực Kon Tum**

- Đảm bảo nguồn cung xăng dầu; thường xuyên bảo dưỡng, nâng cấp các công trình đảm bảo cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất, dịch vụ thương mại trên địa bàn xã.

- Hỗ trợ công tác xóa nhà tạm, xây dựng nhà tạm, nhà tiêu và tham gia triển khai các hoạt động an sinh - xã hội tại xã.

### **17. Hội Doanh nhân trẻ**

- Vận động hội viên đầu tư (*vốn, nhà xưởng, máy móc, thiết bị,...*), liên kết với người dân và hợp tác xã từ khâu sản xuất, chế biến, tiêu thụ đối với các sản phẩm, hàng hóa; phối hợp, hỗ trợ xây dựng và hình thành kênh bán hàng tại xã.

- Hỗ trợ công tác xóa nhà tạm, xây dựng nhà tạm, nhà tiêu và triển khai các hoạt động an sinh - xã hội tại xã.

## **II. HUYỆN ĐẮK GLEI**

1. Chịu trách nhiệm chính, toàn diện trước Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh trong triển khai thực hiện Đề án. Kịp thời đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ngành cấp tỉnh có liên quan trong công tác phối hợp với huyện, xã.

2. Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội; kịp thời đề xuất các biện pháp giải quyết nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nảy sinh trong quá trình thực hiện. Chủ động bố trí nguồn vốn từ ngân sách địa phương, kết hợp lồng ghép nguồn vốn của các chương trình, dự án và nguồn vốn hợp pháp khác trên địa bàn để triển khai thực hiện Đề án.

3. Tổ chức xây dựng và phê duyệt kế hoạch thực hiện Đề án; xây dựng, xác định danh mục các dự án đầu tư và các hoạt động hỗ trợ sản xuất đến năm 2030 theo từng năm. Phân công, phân nhiệm cụ thể đến từng cá nhân, tổ chức trong tổ chức thực hiện và giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện. Chỉ đạo các phòng, ban

và chính quyền các cấp phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể, quần chúng tích cực tham gia thực hiện Đề án; tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát; phổ biến nhân rộng các mô hình giảm nghèo hiệu quả, khuyến khích, động viên, tạo điều kiện cho các hộ gia đình thoát nghèo vươn lên làm giàu.

4. Tuân thủ đầy đủ hệ thống các quan điểm, mục tiêu của Đề án trong triển khai Đề án; tổ chức thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của Đề án.

5. Thực hiện chế độ báo cáo kết quả thực hiện Đề án định kỳ 06 tháng và hàng năm và theo yêu cầu, gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Cân đối ngân sách huyện và vận động các nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ:

Xây dựng Quy hoạch chung nông thôn mới, Quy hoạch chi tiết nông thôn mới và Quy hoạch trung tâm cụm xã. Trong đó, khuyến khích việc lấy ý kiến các sở, ngành tỉnh về Quy hoạch trung tâm cụm xã để thực hiện nhiệm vụ chỉnh trang, thay đổi diện mạo nông thôn vừa hiện đại vừa giữ vững bản sắc văn hóa dân tộc.

Hỗ trợ kinh phí, vận động nguồn lực, hỗ trợ xây dựng cơ bản cơ sở hạ tầng thiết yếu, hỗ trợ xóa nhà tạm,... Quản lý, sử dụng hiệu quả, đúng mục đích nguồn vốn đầu tư ngân sách tỉnh đã bố trí hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 (theo Quyết định số 421/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

Tổ chức các lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn, các đợt tập huấn nâng cao năng lực, kỹ thuật sản xuất, chăm sóc cây trồng, vật nuôi; giao chỉ tiêu hàng năm và hỗ trợ, hướng dẫn địa phương thực hiện cải tạo vườn tạp tại các thôn, làng gắn với chuyển đổi hợp lý cơ cấu cây trồng, vật nuôi. Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm; kết nối, khuyến khích các doanh nghiệp thu hút, đào tạo và sử dụng lao động là người tại chỗ.

Kịp thời rà soát, đề xuất các nội dung cần hỗ trợ xã (tập trung đề xuất các nội dung về đầu tư, nâng cấp, sửa chữa cơ sở hạ tầng nông thôn thiết, các hoạt động phát triển sản xuất, sinh kế, hỗ trợ bảo tồn văn hóa, an sinh xã hội), phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Thành phố Hồ Chí Minh hỗ trợ kết nối 01 Quận của Thành phố kết nghĩa, hỗ trợ huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum phát triển kinh tế - xã hội xã Mừng Hoong và xã Ngọc Linh trong giai đoạn 2024-2025 trong khuôn khổ thỏa thuận hợp tác phát triển kinh tế - xã hội giữa Thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh vùng Tây Nguyên.

7. Tuyên truyền khôi phục, bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số. Thường xuyên tổ chức các phong trào, hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao nhằm nâng cao thể chất, tinh thần cho người dân, nhất là các hoạt động mang tính cộng đồng.

8. Nghiên cứu Đề án đầu tư, phát triển và chế biến dược liệu trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Đề án phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu, ứng dụng công nghệ cao gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 để áp dụng, vận dụng hiệu quả.

9. Nghiên cứu, chỉ đạo và đảm bảo điều kiện tăng số lượng cấp phó của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã thành 02 người để đảm bảo triển khai mạnh mẽ các hoạt động dân vận. Có cơ chế tăng cường/lựa chọn/tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí cán bộ có năng lực, nhiệt huyết, có kinh nghiệm tham gia hỗ trợ phát triển kinh tế xã.

10. Chịu trách nhiệm toàn diện về sự phù hợp, tính chính xác của các thông tin, số liệu rà soát, cập nhật tại Đề án cũng như tiến độ trình phê duyệt, tổ chức triển khai thực hiện Đề án.

### **III. XÃ MƯỜNG HOONG**

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng bằng nhiều hình thức phù hợp đến đội ngũ cán bộ, công chức, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về ý nghĩa, mục đích và sự cần thiết của Đề án, vai trò của từng chủ thể, nhất là các đối tượng chính của Đề án biết; hướng đến tạo sự đồng thuận, hưởng ứng của cộng đồng về chủ trương, chính sách thực hiện của Đề án, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Phát huy nội lực, tự lực, tự cường, tính chủ động, sáng tạo, khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại từ cấp trên, bên ngoài.

2. Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch tổ chức thực hiện Đề án. Phân công, phân nhiệm cụ thể đến từng bộ phận, cá nhân trong tổ chức thực hiện và đánh giá việc tổ chức thực hiện Đề án.

3. Vận động, cân đối nguồn lực triển khai xây dựng khu thu gom rác thải tại các trường học theo quy định; kêu gọi đóng góp, vận động người dân chung tay xây dựng, xóa bỏ nhà tạm, dột nát. Phối hợp, tăng cường việc giao nhận khoán, cho thuê và phát triển kinh tế rừng, gắn với sử dụng có hiệu quả, bền vững tài nguyên rừng; triển khai giải pháp giảm nghèo bền vững, các chế độ chính sách an sinh xã hội; Xây dựng các quy ước, hương ước, thiết chế văn hóa; xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, tổ chức lễ hội.

4. Phối hợp nghiên cứu triển khai các loại cây trồng, vật nuôi, các mô hình sinh kế phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu; thực hiện cải tạo vườn tạp tại các thôn, làng gắn với chuyển đổi hợp lý cơ cấu cây trồng, vật nuôi; Tập trung phát triển nhanh và bền vững các loài cây dược liệu, nhất là Sâm Ngọc Linh, Đương quy và Đảng sâm.

5. Triển khai mạnh mẽ, quyết liệt Cuộc vận động “*Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm của đồng bào dân tộc thiểu số, làm cho đồng bào dân tộc thiểu số vươn lên thoát nghèo bền vững*”, phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” và cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”. Tạo sự chuyển biến và rõ rệt trong tư duy, nhận thức của bà con nhân dân để không trông chờ ỷ lại vào Nhà nước, phải tự phấn đấu, vươn lên và trở thành nét đặc sắc văn hóa trong tâm hồn, lối sống của người dân Mường Hoong.

6. Rà soát, đánh giá, đề xuất và tổ chức thực hiện theo thẩm quyền các nhiệm vụ, giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của xã. Cân đối, bố trí nguồn lực theo phân cấp; đề xuất cơ quan có thẩm quyền trong huy động các nguồn lực khác ngoài ngân sách. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các nguồn lực theo phân cấp./.

## Phụ lục 5: Nhu cầu nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia xã Mường Hoong

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Chương trình, hoạt động	Địa điểm	Thông số chủ yếu	Mục tiêu đầu tư	Thời gian	Tổng vốn đầu tư	Vốn đã bố trí GD 2021-2025	Trong đó		Vốn đã bố trí đến hết 2023	Trong đó		Kế hoạch 2024-2025	Trong đó	
								ĐTPT	SN		ĐTPT	SN		ĐTPT	SN
<b>TỔNG SỐ (A+B+C)</b>						<b>57.089</b>	<b>52.434</b>	<b>45.085</b>	<b>7.349</b>	<b>36.805</b>	<b>31.254</b>	<b>5.551</b>	<b>15.629</b>	<b>13.831</b>	<b>1.798</b>
<b>A</b>	<b>CTMTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐB ĐTTS VÀ MIỀN NÚI</b>					<b>53.220</b>	<b>48.565</b>	<b>43.379</b>	<b>5.186</b>	<b>33.926</b>	<b>29.548</b>	<b>4.378</b>	<b>14.639</b>	<b>13.831</b>	<b>808</b>
<b>I</b>	<b>Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt</b>					<b>2.818</b>	<b>2.818</b>	<b>2.818</b>		<b>2.818</b>	<b>2.818</b>				
<b>I.1</b>	<b>Hỗ trợ đất ở, đất sản xuất</b>					<b>718</b>	<b>718</b>	<b>718</b>		<b>718</b>	<b>718</b>				
1	Hỗ trợ đất ở đất ở	Xã Mường Hoong	6 hộ	Hỗ trợ đất ở	2022	174	174	174		174	174				
2	Hỗ trợ nhà ở	Xã Mường Hoong	9 hộ	Hỗ trợ nhà ở	2022-2023	298	298	298		298	298				
3	Hỗ trợ đất sản xuất	Xã Mường Hoong	15 hộ	Hỗ trợ đất sản xuất	2023-	246	246	246		246	246				
<b>I.2</b>	<b>Hỗ trợ nước sinh hoạt</b>					<b>2.100</b>	<b>2.100</b>	<b>2.100</b>		<b>2.100</b>	<b>2.100</b>				
1	Sửa chữa nước sinh hoạt tập trung thôn Làng Mới	Thôn Làng Mới	Làm mới đập đầu mới, ống dẫn nước, bồn chứa nước cho 144 hộ	Đảm bảo tiêu chí nước sinh hoạt	2022	2.100	2.100	2.100		2.100	2.100				
<b>II</b>	<b>Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết</b>					<b>23.600</b>	<b>23.600</b>	<b>23.600</b>		<b>14.568</b>	<b>14.568</b>		<b>9.032</b>	<b>9.032</b>	
1	Dự án sắp xếp, ổn định dân cư tại chỗ xã Mường Hoong, huyện Đăk Glei	Xã Mường Hoong	Bố trí ổn định dân cư tại chỗ cho 138 hộ	Ổn định dân cư	2022-2024	19.200	19.200	19.200		10.168	10.168		9.032	9.032	
2	Hỗ trợ làm nhà dự án định canh định cư tập trung thôn Ngọc Nang, xã Mường Hoong, huyện Đăk Glei	Thôn Ngọc Nang, xã Mường Hoong	Hỗ trợ bố trí nhà ở cho 110 hộ	Đảm bảo tiêu chí nhà ở	2023-2025	4.400	4.400	4.400		4.400	4.400				
<b>III</b>	<b>Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị</b>					<b>3.790</b>	<b>3.790</b>		<b>3.790</b>	<b>3.790</b>		<b>3.790</b>			



IV	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và miền núi					13.631	13.631	12.431	1.200	8.467	7.981	486	5.164	4.450	714
IV.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và miền núi					13.631	13.631	12.431	1.200	8.467	7.981	486	5.164	4.450	714
1	BQL dự án đầu tư xây dựng là chủ đầu tư					4.066	4.066	4.066		4.066	4.066				
1	Thủy lợi Đăk Xay thôn Xa Úa	Xã Mường Hoong	L= 600m; kích thước 30x40; xây mới đập đầu mối	Kiên cố hóa thủy lợi	2022	1.034	1.034	1.034		1.034	1.034				
2	Thủy lợi Long La thôn Làng Mới xã Mường Hoong	Xã Mường Hoong	Đập đầu mối, kiên cố hóa kênh mương	Kiên cố hóa thủy lợi	2022	855	855	855		855	855				
3	Thủy lợi Đăk Doang thôn Làng Đung	Xã Mường Hoong	Sửa chữa và làm mới các đường ống dẫn nước về từng hộ phục vụ nước cho 140 hộ của thôn	Kiên cố hóa thủy lợi	2023-2024	1.100	1.100	1.100		1.100	1.100				
4	Thủy lợi Đăk Nhoai thôn Đăk Rế (Nhánh 1)	Xã Mường Hoong	L=500m; kích thước 30x40; xây mới đập đầu mối	Kiên cố hóa thủy lợi	2024-2025	1.077	1.077	1.077		1.077	1.077				
2	Xã Mường Hoong làm chủ đầu tư					8.365	8.365	8.365		3.915	3.915		4.450	4.450	
2.1	Đường từ nhà A Thủy đi khu sản xuất thôn Đăk Rế	Thôn Đăk Rế	Đường GTNT loại C; L=950m;Bn=5m;Bm=3m	Kiên cố hóa giao thông	2022	1.315	1.315	1.315		1.315	1.315				
2.2	Đường đi KSX từ thôn Đăk Rế đến Đài truyền hình cũ thôn Đăk Rế	Thôn Đăk Rế	Đường GTNT loại C; L=1000m;Bn=5m;Bm=3m	Kiên cố hóa giao thông	2023-2024	1.300	1.300	1.300		1.300	1.300				
2.3	Đường đi KSX Măng Ri thôn Mô Po	Thôn Mô Po	Đường GTNT loại C; L=1300m;Bn=5m;Bm=3m	Kiên cố hóa giao thông	2023-2024	1.300	1.300	1.300		1.300	1.300				
2.4	Đường đi KSX từ Đăk Niêng đến Văng Pốt thôn Đăk Bề	Thôn Đăk Bề	Đường GTNT loại C; L=750m;Bn=5m;Bm=3m	Kiên cố hóa giao thông	2024-2025	950	950	950					950	950	
2.5	Đường đi KSX Đăk Ba thôn Tu Răng	Thôn Tu Răng	Đường GTNT loại C; L=1200m;Bn=5m;Bm=3m	Kiên cố hóa giao thông	2024-2025	1.400	1.400	1.400					1.400	1.400	
2.6	Đường đi KSX từ trường học đến Tân Rát (Giai đoạn 1) thôn Xa Úa	Thôn Xa Úa	Đường GTNT loại C; L=1100m;Bn=5m;Bm=3m	Kiên cố hóa giao thông	2025	1.200	1.200	1.200					1.200	1.200	
2.7	Đường đi KSX từ nhà A Bỏ tới Nong Mun thôn Làng Mới	Thôn Làng Mới	Đường GTNT loại C; L=500m;Bn=5m;Bm=3m	Kiên cố hóa giao thông	2025	900	900	900					900	900	

<b>V</b>	<b>Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực</b>					3.920	3.920	3.865	55	3.920	3.865	55		
<b>V.1</b>	<b>Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xoá mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số</b>					3.865	3.865	3.865		3.865	3.865			
1	Trường PTDTBT THCS xã Mường Hoong	Xã Mường Hoong	Xây mới: 04 phòng bộ môn, 01 phòng sinh hoạt-giáo dục dân tộc; cung cấp 01 công trình vệ sinh nước sạch	Đảm bảo tiêu chí 5 - Trường học	2022	3.865	3.865	3.865		3.865	3.865			
<b>VI</b>	<b>Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch</b>					316	316	316		316	316			
<b>VI.2</b>	<b>6.3 Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá thể thao tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</b>					316	316	316		316	316			
1	Xây dựng nhà rông thôn làng mới xã Mường Hoong	Thôn làng mới	Công trình dân dụng cấp IV	Đảm bảo tiêu chí 6 - cơ sở vật chất văn hóa	2023-2024	158	158	158		158	158			
2	Xây dựng nhà rông thôn Xã Úa xã Mường Hoong	Thôn Xã Úa	Công trình dân dụng cấp IV	Đảm bảo tiêu chí 6 - cơ sở vật chất văn hóa	2023-2025	158	158	158		158	158			
<b>VIII</b>	<b>Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em</b>					141	141		141	47		47	94	94
<b>IX</b>	<b>Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn</b>													
<b>X</b>	<b>Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình</b>					5.004	349	349					349	349
<b>B</b>	<b>CTMTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG</b>					<b>1.980</b>	<b>1.980</b>		<b>1.980</b>	<b>990</b>		<b>990</b>	<b>990</b>	<b>990</b>
<b>C</b>	<b>CTMTQG NÔNG THÔN MỚI</b>					<b>1.889</b>	<b>1.889</b>	<b>1.706</b>	<b>183</b>	<b>1.889</b>	<b>1.706</b>	<b>183</b>		
-	Đường GTNT từ nhà A Tiếc đến nhà A Tim thôn Đăk Bê	Xã Mường Hoong			2022	200	200	200		200	200			
-	Đường từ nhà A Cam đi đến đường liên thôn	Xã Mường Hoong			2022	160	160	160		160	160			
-	Đường đi khu sản xuất Vân Long thôn Ngọc Nang (giai đoạn 1)	Xã Mường Hoong			2022	1.346	1.346	1.346		1.346	1.346			
-	Thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới: Mua bộ công Chiêng trang bị cho thôn Làng Mới	Xã Mường Hoong			2022	50	50		50	50		50		

-	Duy tu sửa chữa NSH thôn Đăk Bê	Xã Mường Hoong			2023	50	50		50	50		50		
-	Kinh phí hoạt động của cơ quan chỉ đạo Chương trình	Xã Mường Hoong			2022- 2023	28	28		28	28		28		
-	Các hoạt động khác tại các địa phương: Duy tu sửa chữa Thủy lợi Đăk Ré, thôn Đăk Ré	Xã Mường Hoong			2023	25	25		25	25		25		
-	Nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn: Xây dựng nhà đốt rác	Xã Mường Hoong			2022- 2023	30	30		30	30		30		



12	Đường từ trường Mầm Non đi KSX từ Đăk Non thôn Đăk Bê	L=900	Đảm bảo cứng hóa đường GTNT nội thôn, đường nội đồng	2026-2030	1.350						1.350	1.215			135
13	Đường đi KSX Đăk Tung thôn Ngọc Lâng	L=1km	Đảm bảo cứng hóa đường GTNT nội thôn, đường nội đồng	2026-2030	1.500						1.500	1.350			150
14	Đường đi KSX Măng Rú thôn Tu Răng	L=1,6km	Đảm bảo cứng hóa đường GTNT nội thôn, đường nội đồng	2026-2030	2.400						2.400	2.160			240
15	Đường từ Thôn Tu Răng 1 đến Thôn Tu Răng 2	L=1km	Đảm bảo cứng hóa đường GTNT nội thôn, đường nội đồng	2026-2030	1.500						1.500	1.350			150
16	Đường đi KSX Đăk Klông thôn Đăk Rê	L=650	Đảm bảo cứng hóa đường GTNT nội thôn, đường nội đồng	2024-2025	975						975	955			20
17	Đường nội thôn Thôn Ngọc Lâng	L=0.8 km	Đảm bảo cứng hóa đường GTNT nội thôn, đường nội đồng	2024-2025	1.200						1.200	1.180			20
18	Đường đi khu sản xuất Chang Đing thôn Ngọc Lâng	L=1,4 km	Đảm bảo cứng hóa đường GTNT nội thôn, đường nội đồng	2026-2030	2.100						2.100	1.890			210
19	Đường đi khu sản xuất Mong Ding thôn Xa Úa	L=1,5 km	Đảm bảo cứng hóa đường GTNT nội thôn, đường nội đồng	2026-2030	2.250						2.250	2.025			225
20	Đường đi KSX Đăk Tuông thôn Đăk Bôi	L=1,4 km	Đảm bảo cứng hóa đường GTNT nội thôn, đường nội đồng	2026-2030	2.100						2.100		1.890		210
21	Thủy lợi Đăk Môm 1 thôn Đăk Bê	Chiều dài kênh L=1km	Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi, giúp ổn định và mở rộng diện tích lúa 02 vụ	2026-2030	1.250						1.250	1.125			125

22	Thủy lợi Nóc Mường thôn Ngọc Lãng	Chiều dài kênh L=1km	Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi, giúp ổn định và mở rộng diện tích lúa 02 vụ	2026-2030	1.250						1.250		1.125		125
23	Thủy lợi Long Ngan thôn Ngọc Lãng	Chiều dài kênh L=1km	Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi, giúp ổn định và mở rộng diện tích lúa 02 vụ	2026-2030	1.250						1.250	1.125			125
24	Thủy lợi Mang Prè thôn Ngọc Lãng	Chiều dài kênh L=1km	Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi, giúp ổn định và mở rộng diện tích lúa 02 vụ	2026-2030	1.250						1.250	1.125			125
25	Thủy lợi Diếp Hiêu 1 thôn Xa Úa	Chiều dài kênh L=1km	Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi, giúp ổn định và mở rộng diện tích lúa 02 vụ	2026-2030	1.250						1.250	1.125			125
26	Thủy lợi Đăk Rao thôn Mô Po	Chiều dài kênh L=2.5km	Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi, giúp ổn định và mở rộng diện tích lúa 02 vụ	2026-2030	3.125						3.125	2.813			313
27	Thủy lợi Nong Mun thôn Làng Mới	Chiều dài kênh L=1km	Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi, giúp ổn định và mở rộng diện tích lúa 02 vụ	2026-2030	1.250						1.250		1.125		125
28	Thủy lợi Long La thôn Làng Mới	Chiều dài kênh L=0.7km	Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi, giúp ổn định và mở rộng diện tích lúa 02 vụ	2026-2030	875						875		788		88

29	Thủy lợi Đăk Rung thôn Ngọc Nang	Chiều dài kênh L=2km	Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi, giúp ổn định và mở rộng diện tích lúa 02 vụ	2026-2030	2.500						2.500	2.250			250
30	Thủy lợi Đăk Răng thôn Đăk Bối	Chiều dài kênh L=1.5km	Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi, giúp ổn định và mở rộng diện tích lúa 02 vụ	2026-2030	1.250						1.250	1.125			125
31	Thủy lợi Đăk Nhoai thôn Đăk Ré (Nhánh 1)	Chiều dài kênh 1km	Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi, giúp ổn định và mở rộng diện tích lúa 02 vụ	2026-2030	1.250						1.250	1.125			125
32	Thủy lợi Đăk Doang thôn Làng Đung (Nhánh 1)	Chiều dài kênh L=1km	Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi, giúp ổn định và mở rộng diện tích lúa 02 vụ	2026-2030	1.250						1.250		1.125		125
33	Thủy lợi Đăk Mết thôn Làng Đung	Chiều dài kênh L=1km	Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi, giúp ổn định và mở rộng diện tích lúa 02 vụ	2026-2030	1.250						1.250	1.125			125
<b>II</b>	<b>Hỗ trợ đào tạo nghề, phát triển sản xuất, cải thiện sinh kế, nâng cao thu nhập người dân</b>				<b>13.280</b>	<b>3.580</b>	<b>3.380</b>	<b>150</b>		<b>50</b>	<b>9.700</b>	<b>8.650</b>	<b>900</b>		<b>150</b>
1	Đào tạo nghề nông nghiệp		Tối thiểu 02 lớp/năm (khoảng 35 học viên/lớp)	2024-2030	2.100	600	600				1.500	1.500			
2	Đào tạo nghề phi nông nghiệp		Tối thiểu 02 lớp/năm (khoảng 35 học viên/lớp)	2024-2030	1.540	440	440				1.100	1.100			

3	Tổ chức các đợt tập huấn nâng cao năng lực, kỹ thuật sản xuất, chăm sóc cây trồng, vật nuôi		Tối thiểu 02 đợt/năm (khoảng 35 học viên/đợt)	2024-2030	1.540	440	440				1.100	1.100			
4	Triển khai các mô hình phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo		Tối thiểu 02 mô hình/năm	2024-2030	3.900	900	700	150		50	3.000	1.950	900		150
5	Hỗ trợ xây dựng mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, thực hiện Đề án phục hồi cây cà phê xứ lạnh		Tối thiểu 02 mô hình/năm	2024-2030	4.200	1.200	1.200				3.000	3.000			



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐỀ ÁN  
HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI XÃ NGỌC LINH, HUYỆN  
ĐẮK GLEI, TỈNH KON TUM ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN  
NĂM 2030**

**MỞ ĐẦU**

**1. Sự cần thiết phải xây dựng Đề án**

Xã Ngọc Linh, huyện Đăk Glei là một trong những xã đặc biệt khó khăn của tỉnh Kon Tum. Kinh tế có phát triển nhưng còn chậm, phương thức sản xuất có mặt còn lạc hậu, quy mô kinh tế nhỏ, tỷ lệ nghèo ở mức cao. Văn hóa, xã hội ổn định, nhưng một số hủ tục lạc hậu chưa được xóa bỏ, trong khi một số tập tục truyền thống chưa được quan tâm đúng mức trong việc bảo tồn, gìn giữ.

Việc phát triển kinh tế - xã hội xã Ngọc Linh là yêu cầu cấp thiết, nhưng xã hiện chưa có văn bản mang tính kế hoạch cơ bản, toàn diện cùng với lộ trình phù hợp. Việc xây dựng Đề án là bước cụ thể hóa các chủ trương, định hướng của Tỉnh ủy Kon Tum trong hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội xã Ngọc Linh.

**2. Cơ sở xây dựng Đề án**

- Thông báo số 333-TB/VPTU ngày 26 tháng 4 năm 2023 về ý kiến của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh tại buổi làm việc với Tổ công tác 262 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy năm 2023.

- Công văn số 1346/UBND-KTTH ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện ý kiến của Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Tổ công tác 262.

- Công văn số 1529/UBND-KTTH ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Đề cương Đề án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội 02 xã Mường Hoong và Ngọc Linh, huyện Đăk Glei.

- Công văn số 1204-CV/TU ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Tỉnh ủy về việc hoàn thiện Đề án Hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội tại xã Mường Hoong và xã Ngọc Linh, huyện Đăk Glei.

- Công văn số 370/UBND-KTTH ngày 30 tháng 01 năm 2024 về việc hoàn thiện Đề án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội tại xã Mường Hoong và Ngọc Linh, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum.

- Kết luận số 1770-KL/TU ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đề án Hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội tại xã Mường Hoong, Ngọc Linh, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Thông báo số 128/TB-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả Phiên họp trực tuyến Ủy ban nhân dân tỉnh với các địa phương tháng 3 năm 2024.

### **3. Mục tiêu xây dựng Đề án**

Đánh giá, làm rõ thực trạng, xác định cụ thể các nguyên nhân của các hạn chế, bất cập trong phát triển kinh tế - xã hội; đề xuất các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp, trong đó trọng tâm là cải thiện sinh kế nâng cao thu nhập cho người dân, giảm nhanh tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo, gắn với phát triển kinh tế - xã hội xã Ngọc Linh theo hướng đạt mức bình quân của huyện Đăk Glei, đời sống người dân cải thiện từ vật chất đến tinh thần.

### **4. Đối tượng nghiên cứu của Đề án**

Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội tại xã Ngọc Linh, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum.

### **5. Phạm vi xây dựng của Đề án**

- Phạm vi không gian: Xã Ngọc Linh, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum.

- Phạm vi thời gian: Đề án phân tích thực trạng phát triển kinh tế - xã hội xã Ngọc Linh, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum; đề xuất mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030..

- Phạm vi nội dung: Các mặt kinh tế - xã hội của xã Ngọc Linh, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum.

### **6. Phương pháp xây dựng Đề án**

Sử dụng cả hai phương pháp là định tính và định lượng (bao gồm phương pháp SWOT) để đánh giá thực trạng; đề xuất mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Số liệu được thu thập bằng phương pháp thứ cấp, từ các văn bản, báo cáo, đề án, kế hoạch của các cấp, các ngành qua các năm.

### **7. Kết cấu của Đề án**

Ngoài phần Mở đầu, Đề án có kết cấu 03 phần, gồm:

- Phần I: Điều kiện tự nhiên và tình hình kinh tế - xã hội xã Ngọc Linh.

- Phần II: Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Phần III: Tổ chức thực hiện.

## Phần I

### ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI XÃ NGỌC LINH, HUYỆN ĐẮK GLEI, TỈNH KON TUM

#### I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

##### 1. Vị trí địa lý

Xã Ngọc Linh nằm phía đông bắc huyện Đăk Glei, cách trung tâm huyện khoảng 53Km. Phía bắc của xã giáp xã Mưong Hoong (*huyện Đăk Glei*), phía nam giáp xã Măng Ri và xã Ngọc Lây (*huyện Tu Mơ Rông*), phía đông giáp xã Trà Linh (*huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam*), phía Tây giáp xã Xốp và xã Đăk Choong (*huyện Đăk Glei*). Tổng diện tích tự nhiên của xã 7.528,47 ha<sup>61</sup>, phân bố trên 12 thôn.

##### 2. Địa hình, địa mạo

Xã có địa hình đồi núi cao với độ cao từ 1.500 - 2.218m, các dãy núi chạy theo hướng Bắc Nam, cao ở đỉnh rồi thoải về phía Tây Nam. Địa hình chia cắt hiểm trở và có xu hướng thấp dần từ Bắc xuống Nam. Xã Ngọc Linh có đỉnh Ngọc Linh (2.603m).

##### 3. Khí hậu, thủy văn

Nhiệt độ trung bình năm khoảng 20°C. Nhiệt độ trung bình tháng cao nhất đạt 32,5°C (*tháng 4*), nhiệt độ trung bình tháng thấp nhất đạt 7°C (*tháng 1*), chênh lệch nhiệt độ giữa ngày đêm từ 7 - 16,5°C. Do đặc điểm địa hình nên ở những nơi thung lũng hẹp khuất gió nhiệt độ tăng cao về ban ngày và thấp về ban đêm.

Lượng mưa trung bình năm đạt 2.100 - 2.600 mm. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, chiếm tới trên 90% tổng lượng mưa cả năm; mưa đạt cực đại vào tháng 7 - 9 và thường gây lũ lớn ở các khu địa hình dốc và ngập lụt ở các thung lũng. Mùa khô từ tháng 11 năm trước đến tháng 4 năm sau. Mùa khô mưa ít, lượng mưa chiếm khoảng 10% lượng mưa cả năm. Thời gian này có gió mùa Đông Bắc thịnh hành làm tăng thêm sự khô hạn và gây thiếu nước, ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp.

Độ ẩm không khí trung bình năm 89%. Lượng bốc hơi trung bình khoảng 1.000mm/năm.

Gió thịnh hành chủ yếu theo hai hướng chính là Đông Bắc và Tây Nam. Gió Đông Bắc xuất hiện khoảng từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau, tốc độ gió từ

<sup>61</sup> Báo cáo Tổng kết hoạt động của Ủy ban nhân dân xã Ngọc Linh, nhiệm kỳ 2016 – 2021 và phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2021 – 2026 ngày 07 tháng 5 năm 2021 là 75,15Km; Số cập nhật đến tháng 6 năm 2023.

3,5 - 5,4 m/s. Gió Tây và Tây Nam xuất hiện từ tháng 5 đến tháng 11, tốc độ gió từ 1,2 - 2,5m/s.

Xã có hệ thống sông Đăk Mek, bắt nguồn từ phía đông núi Ngọc Linh (*xã Ngọc Linh*)<sup>62</sup>, là nguồn nước phục vụ tưới, sinh hoạt cung cấp cho xã và 03 xã phía Đông Bắc Huyện, gồm Đăk Choong, Mường Hoong và Xốp.

#### **4. Tài nguyên thiên nhiên**

##### **4.1. Tài nguyên đất**

Tổng diện tích tự nhiên 7.528,47 ha. Việc sử dụng 03 loại đất trên địa bàn từ năm 2020 đến năm 2023 có sự thay đổi lớn nhưng không đáng kể. Nhóm đất nông nghiệp có diện tích 7.361,05 ha vào năm 2020, giảm nhẹ còn 7.360,88 ha trong hai năm 2021, 2022 và còn 7.330,06 ha vào năm 2023; tương ứng từ năm 2020 đến năm 2023 giảm 30,99 ha. Đất phi nông nghiệp, tăng từ 142,26 ha năm 2020 lên 142,44 ha trong hai năm 2021, 2022 và tăng lên 187,9 ha năm 2023; tương ứng mức tăng từ năm 2020 đến năm 2023 là 45,64 ha. Đất chưa sử dụng không có sự chuyển biến lớn, giảm từ 25,16 ha giai đoạn 2020-2022 xuống còn 20,36 ha vào năm 2023; tương ứng với mức giảm là 4,80 ha. (*Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo*)

##### **4.2. Tài nguyên rừng**

Tổng diện tích rừng năm 2023 khoảng 4.791,32 ha, với 02 loại rừng, rừng đặc dụng 3.790,33ha, rừng sản xuất 1.000,99 ha (100% rừng tự nhiên); giảm 60,28 ha sản xuất (*rừng tự nhiên*) so với giai đoạn 2020-2022.

Hệ thực vật rừng phong phú, đa dạng. Một số loài cây gỗ quý hiếm có tính khoa học và giá trị kinh tế cao (*như thông Đà Lạt “5 lá”, Đinh Tùng, thông Nàng,...*); một số loại cây gỗ khác phục vụ cho nhu cầu xây dựng, gia dụng (*giổi đỏ, giổi xanh, đinh hương, Thông 3 lá, Dẻ đỏ,...*); trong khi một số loại đáp ứng nhu cầu làm nguyên liệu giấy (*Thông 3 lá, xoan đào, Sồi Trắng,...*), điêu khắc nghệ thuật (*Thông nàng, Dầu gió, Xoan đào,...*) hoặc khai thác phục vụ chế biến công nghiệp (*Nhựa thông 2 lá, 3 lá*)<sup>63</sup>.

Với kiểu rừng đặc trưng, rừng trên địa bàn xã là nơi sở hữu nhiều loài cây dược liệu quý hiếm (*Lan kim tuyến, Vàng đắng, Mã tiền, Bình vôi, Hoàng đắng, Ngũ gia bì, hà thủ ô, quế, củ ram,...*), đặc biệt là các loại cây dược liệu quý như sâm Ngọc Linh và sa nhân<sup>64</sup>. (*Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo*)

##### **4.3. Tài nguyên nước**

<sup>62</sup> nơi bắt nguồn của sông Tranh, sông Cái chảy về phía Đông Bắc vào hệ thống sông Thu Bồn là thượng nguồn của sông Thu Bồn tỉnh Quảng Nam

<sup>63</sup> Phân bố nhiều nơi trên địa bàn huyện.

<sup>64</sup> Phân bố ở ven khe sông suối trong kiểu rừng kín lá rộng thường xanh.

4.3.1. *Nguồn nước mặt*: Bao gồm nước mưa và nước từ hệ thống sông suối. Với lượng mưa trung bình hằng năm lớn (2100 - 2600 mm), nên nguồn nước mặt của xã khá lớn. Tuy nhiên, do hệ thống sông suối nhỏ hẹp, ngắn, sườn có độ dốc lớn (trung bình các lưu vực 5 - 6%) nên thời gian giữ nước rất hạn chế.

4.3.2. *Nguồn nước ngầm*: Nguồn nước ngầm tương đối dồi dào về trữ lượng, chất lượng nước ngầm tốt do thảm thực vật, độ che phủ cao, mực nước ngầm cao (mạch nước ngầm nông) phục vụ tốt cho sinh hoạt và tưới tiêu của nhân dân.

#### **4.4. Tài nguyên khoáng sản**

Chủ yếu là nhóm khoáng sản vật liệu xây dựng, gồm đá, cát và sỏi, nhưng được phân bố rải rác, trữ lượng nhỏ.

#### **4.5. Tài nguyên du lịch**

Xã nằm trong vùng Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh, một quần thể núi đồi rộng lớn trên diện tích 36.148,37 ha. Quần thể núi đồi Ngọc Linh cao 2.596m có vai trò rất lớn trong điều hành hệ sinh thái cho khu vực Tây Nguyên và Duyên hải Miền trung, ý nghĩa cao trong nghiên cứu khoa học.

Đặc điểm phức tạp của địa hình đã tạo ra hệ thống các sông, hồ, thác, núi có cảnh quan thiên nhiên đẹp, đặc trưng. Hiện khối núi Ngọc Linh được chuyển thành rừng đặc dụng để bảo vệ, chăm sóc các nguồn gen động thực vật quý hiếm.

Ngoài ra, với đặc trưng trên 98,7%% dân số là người dân tộc thiểu số Xơ Đăng, Ngọc Linh có một nền văn hóa cổ truyền đặc sắc (như kiến trúc nhà Rông và các ruộng bậc thang).

Theo Đề án Phát triển du lịch cộng đồng, du lịch nông thôn gắn với công tác xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030<sup>65</sup>, ngoài một số di sản văn hoá phi vật thể của người Xơ Đăng, xã Ngọc Linh không có di tích lịch sử cách mạng, văn hóa, danh lam - thắng cảnh, điểm du lịch được xếp hạng.

### **5. Đánh giá về điều kiện tự nhiên xã Ngọc Linh**

#### **5.1. Thế mạnh**

Xã Ngọc Linh có mạng lưới giao thông tương đối thuận lợi, có tuyến đường Ngọc Hoàng – Măng Bút – Tu Mơ Rông – Ngọc Linh xuyên qua Bắc – Nam của xã tạo điều kiện thuận lợi trong việc giao thương hàng hóa và góp phần giao thoa văn hóa giữa các vùng. Hệ thống tài nguyên trên địa bàn xã phù hợp

<sup>65</sup> Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 757/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2022

cho phát triển nông nghiệp, kinh tế rừng và du lịch sinh thái; là tiền đề làm cơ sở thu hút đầu tư.

## **5.2. Hạn chế**

Thời tiết khắc nghiệt cùng địa hình phức tạp, là thách thức lớn trong sản xuất nông nghiệp, nhất là hình thành các vùng sản xuất tập trung chuyên canh quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao. Các loại tài nguyên khoáng sản còn hạn chế, không đủ điều kiện để phát triển ngành xây dựng. Quỹ đất để xây dựng phân tán và manh mún, chưa thuận lợi trong thu hút đầu tư.

## **II. TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI**

### **1. Hiện trạng phát triển kinh tế năm 2023**

#### **1.1. Thực trạng phát triển các hoạt động kinh tế**

##### **1.1.1. Nông, lâm nghiệp và thủy sản**

###### **a. Trồng trọt:**

- Cây trồng chủ yếu là nước ruộng bậc thang và các loại dược liệu như sâm Ngọc Linh, sâm dây, đương quy.

- Đã triển khai mô hình sản xuất lúa 2 vụ trên diện tích 5 ha<sup>66</sup>, với 08 hộ tham gia<sup>67</sup>. Đã tổ chức thực hiện có hiệu quả các biện pháp hỗ trợ, khuyến khích phát triển sản xuất, hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng; hoạt động phòng trừ sâu bệnh gây hại trên cây trồng được giám sát chặt chẽ, kịp thời. Năm 2023, diện tích lúa 255/255 ha, đạt 100% kế hoạch, cây ngô đạt 5/2 ha, đạt 250% kế hoạch, cây rau đạt 7,9/7,9ha, đạt 100% kế hoạch.

- Việc đầu tư phát triển các cây trồng chủ lực tiếp tục được chỉ đạo quyết liệt. Năm 2023, diện tích cây Sâm Ngọc Linh là 22,1/22,1 ha đạt 100% kế hoạch. (Trong đó trồng mới 1,5/1,5 ha đạt 100% so với kế hoạch giao năm 2023). Diện tích Đẳng sâm (sâm dây) diện tích lũy kế đạt 300 ha.

- Diện tích cà phê 108,3/108,3 ha đạt 100% kế hoạch năm 2023. Trong đó, năng suất bình quân đạt 0,336 tấn tươi/ha, sản lượng 36,39 tấn/năm; năm 2023 diện tích cây ăn quả 19,1/19,1 ha đạt 100 % kế hoạch, trồng mới 3,64 ha cây Mắc ca.

###### **b. Lâm nghiệp:**

Công tác kiểm tra, giám sát và tuần tra bảo vệ rừng của các cộng đồng thôn được khoán bảo vệ rừng được duy trì thường xuyên. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng: Trên địa bàn đang tích cực triển khai rà soát, vận động người dân tham gia trồng rừng nhằm phấn đấu đạt chỉ tiêu, kế hoạch

<sup>66</sup> Do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Ngọc Linh thực hiện

<sup>67</sup> Các hộ tham gia mô hình được hỗ trợ 100 % giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Hiện nay cây lúa sinh trưởng phát triển tốt, chưa xuất hiện sâu bệnh hại nguy hiểm

giao<sup>68</sup>, giai đoạn 2021-2023 đã trồng mới 15,31 ha/24 ha, đạt 63,79% so với kế hoạch; tiếp tục khoán quản lý bảo vệ rừng với diện tích 3.399.66 ha nhằm quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng trên địa bàn.

c. *Chăn nuôi*: Hoạt động phát triển đàn tiếp tục ổn định. Năm 2023, tổng đàn trâu, bò, lợn là 1.098/1.095 con<sup>69</sup>, đạt 100,3% kế hoạch, dê 140 con.

d. *Thủy sản*: Diện tích thủy sản có 01 ha.

So với một số chỉ tiêu tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Xã lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020-2025 số 01-NQ/ĐH ngày 15 tháng 6 năm 2020, một số chỉ tiêu ước thực hiện năm 2023 vượt mục tiêu đến năm 2025, gồm có: diện tích cây cà phê 135,38% (108,3/80ha), sâm Ngọc Linh là 4.420% (22,1/0,5ha), sâm dây 150% (300/200ha), trâu 148% (370/250 con), bò 124,33% (373/300con); một số chỉ tiêu đạt thấp, có khả năng không đạt mục tiêu đến năm 2025, như: diện tích gieo trồng cây hàng năm 63,47% (272,9/430ha), diện tích ngô 10% (5/50ha), heo 24,46% (352/1500 con).

(Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo)

### 1.1.2. Công nghiệp và Xây dựng

Hoạt động kinh tế trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng chưa có điều kiện phát triển do tài nguyên khoáng sản không đáng kể, công trình xây dựng chưa được hình thành. Nội dung thu từ khu vực công thương nghiệp - ngoài quốc doanh (trong chỉ tiêu thu ngân sách trên địa bàn) không phản ánh mức thu. Công tác quản lý nhà nước về quy hoạch, xây dựng được chú trọng triển khai và đạt hiệu quả, thông qua điều chỉnh, bổ sung quy hoạch làm cơ sở tổ chức thực hiện các dự án đầu tư<sup>70</sup>.

### 1.1.3. Thương mại và Dịch vụ

Hoạt động thương mại, dịch vụ mang tính nhỏ lẻ, nhưng có số lượng tương đối phong phú với 57 cửa hàng thương mại nhỏ và vừa. Sản phẩm hàng hóa được trao đổi, mua bán là các loại hàng hóa thiết yếu, và các sản phẩm nông nghiệp được hình thành trên địa bàn (nông sản, sâm dây, mật ong rừng).

## 1.2. Thu, chi ngân sách; hoạt động tín dụng

### 1.2.1. Thu ngân sách

<sup>68</sup> Chỉ tiêu trồng rừng năm 2021 trên địa bàn xã là 8,0 ha; năm 2022 là 9,0 ha; năm 2023 7,0 ha.

<sup>69</sup> Trâu 370 con, bò 373 con, heo 355 con

<sup>70</sup> Đề án quy hoạch xây dựng Cụm trụ sở xã Ngọc Linh đến nay đã hoàn thành xong phần giải phóng mặt bằng. Hiện đang xây mới 05 phòng ở cho GV và 03 phòng ở cho HS và khu sinh hoạt chung của HS, nguồn vốn từ Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, số vốn 3.487 triệu đồng. Về giao thông: Triển khai thi công hoàn thành 320m đường bê tông nội thôn Ngọc Súc đạt 16% kế hoạch năm 2023 là 2000 m. Về nhà ở: Hiện đang vận động nguồn lực để thực hiện chỉ tiêu xóa bỏ từ 25 căn nhà tạm trở lên. Trong quý I năm 2023 UBND xã đang triển khai xóa 03 nhà tạm theo nguồn vốn của Cty Điện lực tỉnh Kon Tum hỗ trợ 60 tr đồng/căn. Dự kiến trong quý II hoàn thành đưa vào sử dụng.



Nguồn thu ngân sách của xã từ NSNN cấp trên bổ sung do không phát sinh các hoạt động kinh tế. Các khoản thu trên địa bàn chủ yếu tập trung vào 04 dòng thuế: thuế thu nhập cá nhân, thuế lệ trước bạ, phí và lệ phí, thu khác; không phát sinh các khoản thu từ nhà đất. Thu ngân sách năm 2021, 2022 lần lượt là 16,679 và 15,715 triệu đồng. Tổng thu NSNN năm 2023 là 19,5 triệu đồng.

### 1.2.2. Chi ngân sách

Chi ngân sách trên địa bàn đạt 6.133,9 triệu đồng năm 2021, và 6.005,1 triệu đồng vào năm 2022. Năm 2023 chi khoảng 12.000 triệu đồng cả năm.

### 1.2.3. Đầu tư phát triển

Chi đầu tư phát triển với đối tượng chính là hình thành cơ sở hạ tầng thiết yếu trên địa bàn đáp ứng nhu cầu cho sinh hoạt, sản xuất. Tổng vốn đạt 9.274 triệu đồng vào năm 2022, và 6.500 triệu đồng trong kế hoạch năm 2023.

Giai đoạn 2021-2025, trên địa bàn xã tập trung 03 công trình thiết yếu sử dụng vốn đầu tư phát triển nguồn cân đối ngân sách địa phương. Tổng vốn đã bố trí đến hết năm 2023 (đã bố trí đủ kế hoạch trung hạn) đạt 17.190 triệu đồng.

**Bảng 1. Vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 nguồn cân đối NSDP**

TT	Danh mục công trình	Thông tin cơ bản của công trình	KH 2021-2025	Đã bố trí đến hết năm 2023	Dự kiến giải ngân đến hết 2023
<b>Tổng cộng</b>			<b>17.190</b>	<b>17.190</b>	<b>17.190</b>
1	Trụ sở làm việc Đảng ủy HĐND, UBND xã Ngọc Linh huyện Đăk Glei	Nhà làm việc 2 tầng, nhà hội trường và các công trình phụ trợ	14.990	14.990	14.990
2	Nước sinh hoạt thôn Cung Rang xã Ngọc Linh	Mua 04 bồn nước loại 2m <sup>3</sup> , ống nhựa D32mm dài 200m, ống nhựa D63mm dài 50m, làm sân bồn nước	200	200	200
3	Trường PTDTBT THCS Ngọc Linh	Xây dựng 2 phòng học, sửa chữa 5 phòng học tại thôn Tư Kú và xây mới sân và hàng rào	2.000	2.000	2.000

(Nguồn: Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei)

### 1.2.4. Hoạt động tín dụng

Năm 2023, tổng số dư nợ toàn xã đạt 15.303.800.000 đồng với 348 hộ vay, chiếm 45,49 % số hộ toàn xã.

**1.3. Thu hút đầu tư xã hội:** Hiện trên địa bàn chưa thu hút được các dự án đầu tư có vốn đầu tư từ xã hội.

### 1.4. Kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội thiết yếu

#### 1.4.1. Giao thông

Mạng lưới đường giao thông của xã có 19 tuyến đường với tổng chiều dài hiện hữu khoảng 39,3km phục vụ cho đi lại và đến khu sản xuất. Trong đó, đường giao thông được đầu tư hoàn chỉnh theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn loại C<sup>71</sup> với kết cấu bê tông xi măng là 31,3km, đường giao thông có hiện trạng đường đất là 8km.

Hiện một số tuyến đường giao thông tại khu vực các xã Mường Hoong, Ngọc Linh đang được<sup>72</sup> sửa chữa, duy tu nhằm đảm bảo các tuyến đường<sup>73</sup> được kết nối thông suốt.

Về cơ bản, hệ thống giao thông trên địa bàn xã còn hạn chế, chậm được cải thiện, chưa đáp ứng nhu cầu trong sinh hoạt và sản xuất. Hiện còn 3/12 thôn (*Kon Tuông, Đăk Nai và Tu Dốp*) chưa có đường bê tông đến thôn, tỷ lệ đường ngõ xóm được cứng hóa đạt 54,86%, tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm đạt 17,65%.

#### 1.4.2. Thủy lợi

Trên địa bàn quy hoạch 04 công trình thủy lợi. Đã đưa vào hoạt động 02 công trình (*Thủy lợi Chiếm Tuông thôn Kung Rang và Thủy lợi Đăk Kôn thôn Kung Rang*), 02 công trình chưa đưa vào hoạt động (*Thủy lợi Krao Man thôn Kung Rang và Thủy lợi Ngọc Pông*).

#### 1.4.3. Điện

Trên địa bàn xã đã đầu tư 11 trạm biến áp, trong đó có 01 trạm biến áp được đầu tư mới trong năm 2023 (*Xây dựng mới TBA và đường dây hạ thế sau TBA Lê Ngọc*).

#### 1.4.4. Cấp, thoát nước và thu gom xử lý chất thải rắn

Người dân trên địa bàn sử dụng nước tự chảy, giếng đào. Về công trình cấp nước sinh hoạt tập trung, trên địa bàn xã<sup>(74)</sup> có 05 công trình cấp nước tự chảy nhưng có 03 công trình cấp nước sinh hoạt (*tại các thôn Kon Tua, Đăk Nai, Kon Tuông*) đã bị hư hỏng, xuống cấp và 02 công trình cấp nước sinh hoạt (*tại các*

<sup>71</sup> Nền đường 5m, mặt đường 3,5m

<sup>72</sup> Sở Giao thông vận tải

<sup>73</sup> như (1) Dự án Sửa chữa nền, mặt đường, công trình thoát nước, an toàn giao thông đoạn từ Km0-Km39+500, Tỉnh lộ 673: khởi công ngày 06 tháng 4 năm 2023, hoàn thành ngày 26 tháng 3 năm 2025, Hiện tại đang triển khai thi công phần nền đường, cống thoát nước, mặt đường bê tông xi măng... giá trị sản lượng đạt 17/85 tỷ, đạt 20% giá trị hợp đồng; (2) Đường Ngọc Hoàng - Măng Bút - Tu Mơ Rông - Ngọc Linh (nhánh 2): Do ảnh hưởng của mưa bão năm 2021, tuyến đường đã bị hư hỏng nặng, Sở Giao thông vận tải đã dùng kinh phí sửa chữa thường xuyên và nguồn kinh phí bão lũ năm 2022 khắc phục tạm thời để thông xe. Hiện chưa có kinh phí để khắc phục triệt để.

<sup>74</sup> Quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố kết quả thu thập, cập nhật Bộ chỉ số Theo dõi - Đánh giá nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2022

thôn Đăk Dít, Tu Cú) không còn hoạt động, tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 78%.

Hệ thống thoát nước và thu gom, xử lý chất thải rắn và vệ sinh môi trường của xã chưa được đầu tư bài bản. Nước thải sinh hoạt hầu hết thấm tự nhiên xuống mặt đất hoặc được dẫn chảy vào hệ thống thoát nước mặt hai bên đường rồi chảy ra sông suối, ao hồ theo hướng dốc của địa hình. Việc thu gom, xử lý chất thải rắn được thực hiện bởi phương pháp giản đơn thông qua xây hố rác (*hộ gia đình hoặc cụm dân cư*) và đốt tiêu hủy.

Hiện tỷ lệ sử dụng công trình cấp nước tập trung còn thấp; số lượng hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch đạt 67,9%.

### ***1.5. Phát triển kinh tế tập thể***

Xã có 01 Hợp tác xã<sup>75</sup> với 07 thành viên tham gia đang hoạt động; 28 Tổ hợp tác khoảng hơn 522 thành viên. Kinh phí hoạt động bình quân của THT trồng sâm dây và dược liệu khác từ 200 - 300 triệu đồng/năm, đối với THT trồng Sâm Ngọc Linh từ 300 - 500 triệu đồng/năm. Năm 2023 thành tập thêm 02 tổ hợp tác nuôi ong lấy mật tự nhiên.

Về phát triển kinh tế hộ gia đình, đa số các hộ dân đã trồng sâm dây, phát triển nhiều nhóm hộ liên kết trồng sâm ngọc linh, có khoảng trên 11 nhóm hộ, diện tích các mô hình còn nhỏ do các hộ dân còn thiếu vốn. Nhìn chung tình hình phát triển kinh tế có sự chuyển biến tích cực hơn so cùng kỳ; tuy nhiên còn có những khó khăn về giá bán ra của một số nông sản chưa ổn định, đầu ra phụ thuộc vào thị trường thương lái tự do trên địa bàn xã.

Mô hình Tổ Liên kết “Phụ nữ trồng sâm dây”<sup>76</sup> các thôn Tân Rát, Kung Ran và Kon Tua gắn với luân chuyển vốn hỗ trợ cho các hộ mới được duy trì và không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động. Trong 6 tháng đầu năm đã luân chuyển vốn cho 13 hộ với số tiền 65 triệu đồng, nâng tổng số thành viên tham gia mô hình Tổ liên kết lên 56 hộ.

Hiện chưa có sản phẩm chủ lực được chứng nhận VietGap hoặc tương đương, bước đầu đã thành lập tổ khuyến nông cộng đồng.

### ***1.6. Tình hình thực hiện quản lý tài nguyên; bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu***

Công tác quản lý Nhà nước về đất, tài nguyên, khoáng sản và rừng được đảm bảo, không phát sinh các vụ việc vi phạm trong khai thác các loại tài nguyên và rừng. Công tác phòng chống thiên tai bão lũ trên địa bàn xã được chỉ đạo tổ

<sup>75</sup> Hợp tác xã Nông – Lâm nghiệp và Dược liệu Ngọc Linh (HTX NLN&DL NL).

<sup>76</sup> Cùng với các thôn tại thôn Làng Mới, thôn Mô Po xã Mường Hoong

chức thực hiện kịp thời, góp phần hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra.

Công tác triển khai rà soát thu hồi lại 19 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bị cấp chồng lên lâm phần Ban Quản lý Khu bảo tồn Thiên nhiên Ngọc Linh cơ bản đạt hiệu quả. Đến nay, đã thu hồi 17/19 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không phát sinh vướng mắc, kiến nghị hiện còn 02 hộ chưa thu được<sup>77</sup>.

Duy trì thực hiện thường xuyên công tác tuyên truyền cho người dân trong giữ gìn vệ sinh môi trường, xây dựng nhà vệ sinh, đổ rác tập trung và xử lý đốt các loại rác khó phân hủy (*như chai nhựa, ni lông*), vệ sinh nhà cửa, làng xóm; thực hiện ăn chín uống sôi, tắm rửa thường xuyên để bảo vệ sức khỏe phòng tránh dịch bệnh; hình thành các hố rác tập trung tại các thôn. Công tác bảo vệ và phát triển rừng được tổ chức thực hiện có hiệu quả, độ che phủ rừng ước thực hiện năm 2023 khoảng 77,91%.

## **2. Hiện trạng văn hóa - xã hội (chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo)**

### **2.1. Giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực**

Đã thực hiện tốt công tác rà soát, sắp xếp mạng lưới trường lớp phù hợp với điều kiện thực tiễn, trên cơ sở đảm bảo chất lượng giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa. Tháng 9 năm 2022, hình thành trường PTDTBT TH-THCS xã Ngọc Linh trên cơ sở sáp nhập Trường Tiểu học xã Ngọc Linh với trường PTDTBT THCS xã Ngọc Linh<sup>78</sup>. Cơ sở vật chất được đầu tư xây dựng kiên cố, đảm bảo đủ mỗi lớp học có 01 phòng học riêng biệt, nhưng trang thiết bị dạy học còn thiếu, chưa có phòng học bộ môn.

Công tác tuyên truyền vận động các em học sinh đến trường, đến lớp được duy trì thường xuyên. Việc thực hiện Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số cơ bản đảm bảo<sup>79</sup>. Công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ đã được hoàn thành<sup>80</sup>. Công tác phổ cập đối với trẻ 5 tuổi đã hoàn thành; phổ cập giáo dục tiểu học và THCS đúng độ tuổi. Tỷ lệ huy động học sinh ra lớp hàng năm đều đạt tỉ lệ 100%.

Năm học 2022-2023<sup>81</sup>, toàn xã có 32 lớp học với 757 học sinh<sup>82</sup>, 50 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên<sup>83</sup>. Chất lượng giáo dục năm học 2021-2022 đạt ở mức cao. Đối với cấp Mầm non, trẻ em huy động đến lớp 204/204 (100%), trẻ em 5 tuổi huy động đến lớp 59/59 em (100%), trẻ 5 - 6 tuổi được chuẩn bị điều

<sup>77</sup> Hộ Y Hồng (*thôn Lê Ngọc*) đã chuyển về Quảng Nam định cư, hộ A Im (*thôn Tân Rát*) sai tên

<sup>78</sup> Báo cáo Huyện ủy Đăk Glei

<sup>79</sup> Chỉ tiêu Hạnh kiểm HS DTTS cấp THCS đạt; chỉ tiêu Học lực HS DTTS cấp THCS đạt chỉ tiêu

<sup>80</sup> phổ cập trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập THCS đúng độ tuổi

<sup>81</sup> Theo Văn bản số 720/UBND-TCKH ngày 06 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei.

<sup>82</sup> Trong đó Mầm non: 9 lớp, 215 học sinh; Tiểu học: 16 lớp, 327 học sinh; THCS: 7 lớp, 215 học sinh

<sup>83</sup> Cấp mầm non: Tổng số: 13, trong đó: CBQL 02, Giáo viên 11. Cấp tiểu học: Tổng số 23, trong đó: CBQL 01, Giáo viên 22. Cấp THCS: Tổng số 14, trong đó: CBQL 02, Giáo viên 11, Nhân viên 01

kiện vào lớp 1 là 59/59 (100%). Đối với cấp Tiểu học, học sinh cấp tiểu học được đánh giá hoàn thành chương trình lớp học 301/327 em (92,05%). Đối với cấp THCS, học sinh có hạnh kiểm từ trung bình trở lên 215/215 em (100%), học sinh THCS có học lực từ trung bình trở lên 209/215 em (97,21%). Về phổ cập giáo dục, xã đã hoàn thành phổ cập trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập THCS đúng độ tuổi. Tỷ lệ phân luồng học sinh đạt 53,84%<sup>84</sup>.

## **2.2. Dân số và y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân**

### **2.2.1. Dân số**

Dân số của xã khoảng 2.810 người<sup>85</sup> với 765 hộ; trong đó, dân tộc thiểu số 2.758 người, chiếm 98,15% với người Xơ Đăng chủ yếu<sup>86</sup>. Theo giới tính, nam có 1.370 người, chiếm 48,8%, nữ 1.388 người, chiếm 51,2%.

Dân cư phân bố trên 12 thôn<sup>87</sup>; đông nhất ở thôn Kung Rang với 350 người, tiếp theo là thôn Long Năng và Lê Toan với dân số lần lượt là 310, 309 người; thấp nhất ở thôn Kon Tua với 81 người, tiếp theo là thôn Tu Dốp và Đăk Sun lần lượt là 149, 177 người. (Chi tiết tại phụ lục 3 kèm theo)

### **2.2.2. Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân**

Nhân lực y tế của xã có 06 người<sup>88</sup>. Trạm Y tế đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã với số điểm 86,5.

Công tác tuyên truyền phòng, chống các loại dịch bệnh<sup>89</sup> được tăng cường. Đã thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh, tiêm phòng và triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu y tế quốc gia. Các chỉ tiêu y tế đối với trẻ em có bước biến chuyển theo hướng tích cực. Tỷ trẻ em trong độ tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin tăng từ 96,6% năm 2021 lên 97,8% năm 2022 và đạt 97% năm 2023 (Chỉ tiêu Đại hội XX từ 97-99%); tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm từ 30,4% năm 2021 xuống còn 26,3% năm 2022 và còn khoảng 23,4% năm 2023; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi giảm từ 50,8% năm 2021 xuống 48,4% năm 2022 và còn 47,1% năm 2023<sup>90</sup>.

Năm 2023, tỷ lệ bao phủ y tế đạt 100%, tỷ lệ bao phủ bảo hiểm xã hội đạt 10,66%.

<sup>84</sup> 08 HS đăng ký theo học THPT tại các trường Lương Thế vinh, trường PTDTNT huyện Đăk Glei, 20 HS đăng ký học nghề tại trường Cao đẳng cộng đồng Kon Tum, 24 HS tiếp tục vận động đăng ký học nghề và dự tuyển vào các trường khác.

<sup>85</sup> Theo Văn bản số 720/UBND-TCKH ngày 06 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei.

<sup>86</sup> Theo Báo cáo số 85/BC-UBND, dân tộc thiểu số 2.711 khẩu, chiếm 98,6%

<sup>87</sup> Gồm: (1) Kung Rang (trung tâm xã) (2) Sa Múc; (3) Long Năng; (4) Tu Dốp; (5) Ngọc Súc; (6) Đăk Sun; (7) Tân Rát; (8) Lê Ngọc; (9) Lê Toan; (10) Kon Tuông; (11) Kon Tua; (12) Đăk Nai.

<sup>88</sup> Mỗi người cho mỗi vị trí, gồm: bác sĩ, y sĩ, điều dưỡng, dược tá; nữ hộ sinh, cán bộ công tác dân số

<sup>89</sup> Như: Covid - 19, sốt xuất huyết, thủy đậu...

<sup>90</sup> ĐH XX đặt mục tiêu cho 02 chỉ tiêu này vào năm 2025 là cùng 25,1%

### **2.3. Văn hóa, thể thao và thông tin truyền thông**

Xã có các tập tục văn hóa truyền thống điển hình của người dân tộc thiểu số tại chỗ, như: Mừng lúa mới, mừng lúa về kho, lễ cúng máng nước (*tết nước*), văn hóa cồng chiêng, múa xoang. Hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục – thể thao được duy trì tổ chức và diễn ra sôi nổi nhân các ngày lễ. Công tác tuyên truyền được thực hiện thường xuyên, nhất là triển khai Cuộc vận động “*Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm của đồng bào dân tộc thiểu số, làm cho đồng bào dân tộc thiểu số vươn lên thoát nghèo bền vững*”, phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” và cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”. Việc bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc được chú trọng, lồng ghép trong các hoạt động văn hóa, văn nghệ; trong năm 2023, đã tổ chức 01 lớp truyền dạy cồng chiêng, xoang dân tộc Xơ Đăng tại thôn Kung Rang, cử nghệ nhân dân gian và cán bộ địa phương tham gia lớp tập huấn kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể năm 2023.

Tuy nhiên cơ sở vật chất của xã chưa được đầu tư hoàn chỉnh và không đồng bộ. Bên cạnh đang duy trì hoạt động Bưu điện văn hóa xã, xã có 01 Trạm phát sóng Đài Tiếng nói Việt Nam VOV1 nhưng hiện hư hỏng nặng, 11/12 thôn được lắp đầu thu không dây<sup>91</sup> nhưng không sử dụng được do hư hỏng, chưa có nhà văn hóa riêng để tổ chức các phong trào; một số nghề truyền thống (*đan, lát, dệt, làm rượu ghè, làm nhạc cụ truyền thống*), các lễ hội, trò chơi dân gian, dân ca, truyện cổ đã bị mai một. Đối với nhà rông, hiện có 10/12 thôn có nhà rông (*thôn Tu Dốp và Lê Ngọc chưa có*), nhưng 02 nhà rông tại 02 thôn Sa Múc và Long Năng hiện bị hư hỏng nặng do mưa bão. Cồng chiêng tập thể chỉ mới trang bị tại thôn Kung Rang<sup>92</sup>, còn 11 thôn còn lại chỉ có cồng chiêng đơn lẻ thuộc sở hữu cá nhân.

### **2.4. Lao động, việc làm, đời sống nhân dân và các vấn đề xã hội**

#### **2.4.1. Lao động, việc làm**

Đã tổ chức rà soát và xác định được nhu cầu học nghề từ 70 học viên đối với 02 nghề là nông nghiệp và phi nông nghiệp. Việc khảo sát nhu cầu tìm kiếm việc làm của người lao động trên địa bàn cũng được tổ chức đồng thời. Các hoạt động tập huấn nhằm nâng cao kỹ năng bán hàng, năng lực quản lý các tổ hợp tác, kỹ thuật canh tác, nuôi trồng và đào tạo nghề được tổ chức thường xuyên, liên tục. Cuối năm 2023, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ trên địa bàn đạt 28,7%.

#### **2.4.2. An sinh xã hội và giảm nghèo**

<sup>91</sup> Thôn Tu Dốp chưa lắp đặt.

<sup>92</sup> được đầu tư trong quý I năm 2023 từ nguồn NSNN

Chính sách đối với người có công, người cao tuổi và các đối tượng bảo trợ xã hội được thực hiện kịp thời, thường xuyên. Công tác đền ơn đáp nghĩa, thăm hỏi ốm đau hay nhân dịp tết nguyên đán được duy trì. Việc phê duyệt danh sách đối tượng vay ưu đãi, cho các tổ chức hội vay vốn tại Ngân hàng chính sách để có vốn làm ăn, giải quyết việc làm và các chính sách khác về hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, cấp phát, hỗ trợ cây, con giống, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, trẻ em dưới 06 tuổi trên địa bàn được tổ chức đúng đối tượng, đạt hiệu quả cao.

Thu nhập bình quân đầu người năm 2023 là 28 triệu đồng<sup>93</sup>. Đến cuối năm 2023, xã Ngọc Linh có 245 hộ nghèo (*chiếm 32% số hộ*), hộ cận nghèo 151 hộ (*chiếm 19,7%*). Tỷ lệ hộ nghèo tại 12 thôn nằm ở mức cao, trong ngưỡng từ khoảng 5,5% – 62,5%; cao nhất tại thôn Đăk Nai với 62,5%, tiếp theo là 02 thôn Lê Toan và Lê Ngọc là 48% và 46,3%, thấp nhất tại thôn Kung Rang với 5,5%.

Về nhà ở, xã có 689 căn nhà kiên cố (87,7%), hiện còn 97 căn nhà tạm (12,3%).

#### 2.4.3. Dân tộc, tôn giáo

Công tác quản lý Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo được thực hiện chặt chẽ, thường xuyên, liên tục và có hiệu quả, hiện chưa phát hiện tín đồ các tôn giáo hoạt động tại địa bàn.

### 3. Quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội

#### 3.1. Quốc phòng

Nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân được chỉ đạo thường xuyên, chủ động đảm bảo về số lượng, chất lượng<sup>94</sup>. Đã tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ quân sự, quốc phòng qua các năm về công tác huấn luyện dân quân tự vệ, tuyển quân<sup>95</sup>. Xây dựng kế hoạch và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để thực hiện nhiệm vụ diễn tập chiến đấu, phòng thủ. Chuẩn bị tốt lực lượng, phương tiện vật chất, sẵn sàng tham gia xử lý có hiệu quả khi có tình huống xảy ra trên địa bàn.

#### 3.2. An ninh

Công tác tuyên truyền giáo dục về pháp luật, quản lý hành chính phòng chống tội phạm được thực hiện thường xuyên và đạt hiệu quả cao. Đẩy mạnh

<sup>93</sup> Thấp hơn mức bình quân chung của huyện 39 triệu đồng năm 2022

<sup>94</sup> Quán triệt đầy đủ và triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Đảng ủy Quân khu về “Đổi mới nâng cao chất lượng huấn luyện trong tình hình mới”, tổ chức huấn luyện theo phương châm “Cơ bản, thiết thực, vững chắc” coi trọng huấn luyện chuyên sâu, sát với từng tình huống, địa hình, đối tượng. Tổ chức huấn luyện DQ đúng đủ nội dung và thời gian quy định, Ban Chỉ huy Quân sự xã tổ chức huấn luyện các lực lượng dân quân với 46/86 chiến sĩ tham gia<sup>94</sup> chiếm 53,48% so với kế hoạch giao; quá trình tổ chức huấn luyện được diễn ra đảm bảo an toàn về người và vũ khí trang bị, hoàn thành tốt các nội dung yêu cầu.

<sup>95</sup> Công tác tuyển quân năm 2022 đạt chỉ tiêu huyện giao 5/5 công dân, năm 2023 đạt 04 công dân

công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, xử lý nghiêm các đối tượng chế tạo, vận chuyển, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; công tác tuần tra, kiểm soát, xử lý, ngăn ngừa tai nạn giao thông được tăng cường. Chế độ trực sẵn sàng chiến đấu được duy trì nghiêm, nhiệm vụ xây dựng lực lượng dân quân thường trực vững mạnh được thực hiện tốt. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, không phát sinh các vụ, việc nổi cộm, phức tạp.

#### **4. Quản lý nhà nước**

Công tác tiếp công dân được tổ chức thực hiện theo quy định<sup>96</sup>; việc tiếp nhận, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân kịp thời. Thực hiện tốt công tác quy chế dân chủ cơ sở. Công tác cải cách hành chính tiếp tục được đẩy mạnh thực hiện đồng bộ và có hiệu quả, đã ban hành và tổ chức tuyên truyền Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2030 và hằng năm. Đã thực hiện tốt việc tiếp nhận và trả kết quả thuộc thẩm quyền của xã theo tại bộ phận một cửa theo hướng công công khai, minh bạch<sup>97</sup>. Công tác quản lý nhà nước về đất, rừng, khoáng sản và tài nguyên được chú trọng, không phát sinh các vụ việc vi phạm. Công tác quản lý hoạt động xây dựng chặt chẽ, theo quy hoạch. Đội ngũ cán bộ được chú trọng bồi dưỡng trên nhiều mặt nhằm nâng cao trình độ, trách nhiệm của người đứng đầu nhằm đáp ứng yêu cầu hiện đại hoá nền hành chính.

Tuy nhiên, việc cải cách hành chính chậm thay đổi. Năng lực, vai trò, trách nhiệm của một số cán bộ, công chức còn hạn chế, chưa đáp ứng theo yêu cầu. Việc giải quyết thủ tục hành chính vẫn được thực hiện bằng hình thức truyền thống, chưa thực hiện bằng hình thức trực tuyến.

#### **5. Tình hình triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia**

Tổng vốn thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia của xã giai đoạn 2021-2035 dự kiến là 42.584 triệu đồng (*đã bố trí đến năm 2023 là 11.059 triệu đồng, giai đoạn 2024-2025 là 31.525 triệu đồng*); bao gồm: chi đầu tư phát triển là 40.917 triệu đồng, chi sự nghiệp là 1.667 triệu đồng.

Trong đó: Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là 2.333 triệu đồng (*chiếm 5,5%*); Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững là 1.040 triệu đồng (*chiếm 2,4%*); Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 39.211 triệu đồng (*chiếm 92,1%*).

Lũy kế đến năm 2023, tổng kế hoạch vốn đã bố trí là 11.059 triệu đồng, tương đương 26% kế hoạch giai đoạn 2021-2025 (*trong đó, vốn chi đầu tư phát*

<sup>96</sup> Giai đoạn 2016-2021 có 01 vụ việc tố cáo, năm 2022 có 01 vụ việc

<sup>97</sup> Năm 2022 giải quyết 1.289 hồ sơ. Trong đó: Khai sinh 72 trường hợp; khai tử 25 trường hợp; đăng ký kết hôn 15 trường hợp; chứng thực bản sao 1.163 trường hợp; chứng thực hợp đồng 03 trường hợp, xác nhận tình trạng hôn nhân 11 trường hợp



*triển: 10.539 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 520 triệu đồng). Dự kiến đến cuối năm 2023, giải ngân khoảng 5.605 triệu đồng đạt 50,68% kế hoạch vốn bố trí.*

**Bảng 2. Tình hình bố trí vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025**

Công trình, hoạt động	Tổng vốn đầu tư DA	Vốn đã bố trí 21-25	Trong đó		Vốn đã bố trí đến hết 2023	Trong đó		Kế hoạch 2024-2025	Trong đó	
			ĐTPT	SN		ĐTPT	SN		ĐTPT	SN
	<b>42.584</b>	<b>42.584</b>	<b>40.917</b>	<b>1.667</b>	<b>11.059</b>	<b>10.539</b>	<b>520</b>	<b>31.525</b>	<b>30.378</b>	<b>1.147</b>
<b>CTMTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐBDTTS VÀ MIỀN NÚI</b>	39.211	39.211	39.211		10.539	10.539		28.672	28.672	
<b>CTMTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG</b>	1.040	1.040		1.040	520		520	520		520
<b>CTMTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI</b>	2.333	2.333	1.706	627				2.333	1.706	627

### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

#### 1. Kết quả đạt được

Hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền được nâng lên. Việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch hằng năm cơ bản đạt, năm sau cao hơn năm trước. Kinh tế có bước phát triển, nhiều diện tích nông nghiệp, được liệu đã được thực hiện vượt kế hoạch 05 năm. Đời sống của người dân không ngừng được nâng cao, từ vật chất đến tinh thần. Hệ thống trường lớp tiếp tục được đầu tư hoàn thiện, chất lượng giáo dục và đào tạo được nâng cao. Công tác khám chữa bệnh, phòng chống dịch được tổ chức thực hiện tốt, đạt hiệu quả cao. Chính sách an sinh xã hội được thực hiện kịp thời, đúng đối tượng, góp phần đáng kể trong giảm nhẹ những khó khăn cho các đối tượng thụ hưởng. Hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao ở cơ sở được tổ chức thường xuyên trong các ngày lễ trong năm, góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa, dân tộc và phong phú đời sống tinh thần. Quốc phòng, an ninh được củng cố, tăng cường; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định, giữ vững.

#### 2. Tồn tại, hạn chế; nguyên nhân

##### 2.1. Tồn tại, hạn chế

Một số chỉ tiêu kế hoạch không đạt, chậm được cải thiện qua hàng năm<sup>98</sup>. Phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” chưa thật sự đi vào chiều sâu. Một số tệ nạn xã hội còn xảy ra (*trộm cắp, nghiện rượu; bia, bạo lực gia đình...*), tác động nhất định đến trật tự xã hội. Vệ sinh môi trường nông thôn chưa đảm bảo vệ sinh. Việc áp dụng các thành tựu khoa học, công nghệ vào sản xuất nông nghiệp còn hạn chế, năng suất một số loại cây trồng chưa cao. Hệ thống đường giao thông và kết cấu hạ tầng thiết yếu chưa được đầu tư toàn diện, đồng bộ<sup>99</sup>. Một số phong tục, tập quán lạc hậu vẫn còn tồn tại.

##### 2.2. Nguyên nhân

Xã có điều kiện tự nhiên còn khó khăn<sup>100</sup>, địa hình phức tạp trong khi có vị trí cách xa với trung tâm huyện. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là mạng lưới giao thông từ xã đến huyện và mạng lưới giao thông liên thôn còn hạn chế, không đồng bộ, chậm được cải thiện; suất đầu tư cao, nhu cầu đầu tư lớn trong khi khả năng cân đối<sup>101</sup> có hạn, số lượng các chương trình, dự án đầu tư trên địa bàn có quy mô nhỏ, chưa đáp ứng nhu cầu. Quy mô kinh tế của xã quá nhỏ, phương thức sản xuất lạc hậu, có mặt kém phát triển; quan hệ sản xuất lỏng lẻo, chưa kêu gọi được các nhà đầu tư phát triển nông nghiệp (*sản xuất, chế biến*)

<sup>98</sup> thu ngân sách

<sup>99</sup> Hệ thống giao thông liên thôn, nội thôn, đường đi khu sản xuất chưa được đầu tư đồng bộ.

<sup>100</sup> Thời tiết mưa nhiều, lạnh, lượng mưa phân bố không đều, địa hình phức tạp.

<sup>101</sup> Từ ngân sách cấp trên

được thiết lập chủ yếu bởi hình thức kinh tế hộ với quy mô nhỏ lẻ. Nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế nhưng có hiệu suất và hiệu quả thấp, chưa có sản phẩm đặc trưng. Trình độ dân trí thấp, lực lượng lao động qua đào tạo còn hạn chế trong khi ngành nghề đào tạo chủ yếu là giản đơn; tập quán sinh sống và sản xuất của người dân còn tồn tại một số hủ tục. Công tác thông tin, tuyên truyền chưa đi vào chiều sâu với phương thức chưa đa dạng. Một bộ phận cán bộ, nhân dân còn có tâm lý ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ từ nhà nước. Năng lực, trách nhiệm của một phần cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu, một số vụ việc được xử lý có hiệu quả chưa cao, mất nhiều thời gian. Cải cách hành chính, công vụ chưa được quan tâm, thiếu kiên quyết.

### **3. Bài học kinh nghiệm**

- Xác định đúng đắn các lợi thế, tiềm năng, kết hợp thực hiện tốt có hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền. Qua đó, quán triệt đầy đủ các mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội đến các cấp, các ngành, chủ thể có liên quan nhằm tạo sự thống nhất về tư tưởng, hành động của xã hội.

- Tăng cường thể chế hóa các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ trong phát triển kinh tế - xã hội trong các quy hoạch, kế hoạch, đề án phát triển.

- Tăng cường hơn nữa trong việc đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính.

- Phát huy vai trò chủ động, sáng tạo, tự lực, tự cường của đảng viên, cán bộ và nhân dân xã.

- Đất, rừng và phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng hàng hóa, gắn với thị trường là thành tố quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của xã.

## Phần II

### PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

#### I. BỐI CẢNH, TÌNH HÌNH

##### 1. Tỉnh Kon Tum

###### 1.1. Thuận lợi

- Tình hình chính trị - xã hội tiếp tục được giữ vững ổn định; quan hệ hợp tác, đối ngoại với các tỉnh của các nước Thái Lan, Lào, Campuchia được mở rộng; hợp tác phát triển giữa tỉnh Kon Tum với các tỉnh, thành phố trong khu vực và cả nước được thúc đẩy và mở rộng, nhiều nhà đầu tư lớn, có tiềm lực đang triển khai các dự án trên địa bàn tỉnh; một số công trình giao thông quan trọng đã hoàn thành và đưa vào sử dụng. Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã có các nghị quyết chuyên đề để khai thác tiềm năng, lợi thế của tỉnh như: Nghị quyết về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến trên địa bàn tỉnh, nghị quyết về đầu tư, phát triển và chế biến dược liệu trên địa bàn tỉnh... là cơ sở quan trọng để các cấp, các ngành tập trung triển khai thực hiện.

- Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ tiếp tục có những cơ chế, chính sách phù hợp thiết thực, tạo điều kiện thuận lợi cho Tây Nguyên nói chung và tỉnh Kon Tum nói riêng phát triển nhanh và bền vững.

###### 1.2. Khó khăn

- Kon Tum là tỉnh miền núi, biên giới, đồng bào dân tộc thiểu số chiếm trên 53% dân số, địa hình rộng, chia cắt, dân cư thưa; hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội còn nhiều yếu kém, chưa đồng bộ; quy mô kinh tế còn nhỏ, sức cạnh tranh của doanh nghiệp và sản phẩm trên địa bàn tỉnh còn yếu, tăng trưởng thấp. Giá một số mặt hàng nông sản chủ lực của tỉnh không ổn định. Chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh còn thấp, năng suất lao động chưa cao.

- Tình hình chính trị và kinh tế trên thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, các thế lực thù địch tăng cường chống phá nước ta ngày càng quyết liệt, trực diện hơn. An ninh chính trị, nhất là an ninh nông thôn, an ninh tôn giáo, an ninh biên giới còn tiềm ẩn yếu tố gây mất ổn định. Biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh trên người và cây trồng, vật nuôi tiếp tục có nguy cơ xảy ra, ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống của Nhân dân. Đại dịch Covid-19 trên toàn cầu, ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của những năm đầu thực hiện kế hoạch và làm chậm đà phát triển, ảnh hưởng đến nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội...

- Nhận thức của một số bộ phận người dân về giảm nghèo còn nặng tâm lý trông chờ, ỷ lại; một số chế tài trong thời gian qua vẫn chưa đủ mạnh nên tình trạng khai thác, vận chuyển lâm sản trái phép, phá rừng làm nương rẫy; tình

trạng thanh thiếu niên hư, vi phạm pháp luật,... vẫn tiếp tục diễn ra.

- Năng lực thực tiễn và đạo đức công vụ của một bộ phận cán bộ, công chức còn hạn chế, đây là một trong những trở ngại trong việc cải thiện môi trường đầu tư và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh.

### ***1.3. Quan điểm phát triển***

- Phát huy nội lực kết hợp với huy động các nguồn lực bên ngoài để phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kon Tum nhanh và bền vững.

- Kết hợp chặt chẽ tăng trưởng hài hòa và tăng trưởng xanh, phát triển bền vững gắn với tiến bộ và công bằng xã hội, an sinh xã hội; bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Chú trọng phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số; nắm bắt cơ hội, tận dụng tối đa thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 để phát triển kinh tế - xã hội.

- Gắn phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, tích cực, chủ động hội nhập quốc tế.

### ***1.4. Mục tiêu tổng quát***

Huy động, khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tiềm năng, lợi thế của tỉnh; tập trung phát triển dược liệu, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; đầu tư phát triển đô thị, du lịch, dịch vụ và tăng cường cải cách hành chính; bảo đảm duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế ở mức cao. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và mức sống của Nhân dân; bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số trên địa bàn; tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ và đẩy mạnh đổi mới sáng tạo. Giữ vững ổn định quốc phòng, an ninh trong mọi tình huống, không để bị động bất ngờ. Đưa tỉnh Kon Tum phát triển nhanh và bền vững.

#### ***1.4.1. Về kinh tế***

Tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2021-2025 phấn đấu đạt khoảng trên 10%/năm; giai đoạn 2026-2030 đạt trên 9,5%/năm; Cơ cấu ngành kinh tế ở giai đoạn 2021-2025 dự kiến với các ngành Công nghiệp - Xây dựng, Dịch vụ và Nông - Lâm - Thủy sản lần lượt là (32-33%), (42-43%) và (19-20%); giai đoạn 2026-2030 lần lượt là (33-35%), (43-45%) và (17-18%); GRDP bình quân đầu người đến năm 2030 đạt khoảng trên 110 triệu đồng/người; Tỷ trọng kinh tế số đạt khoảng trên 25% GRDP vào năm 2030; Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (*TFP*) vào tăng trưởng đến năm 2030 đạt khoảng trên 45%; Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân trên 6,5%/năm; Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2030 khoảng 52,3%. Trên 85% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó

50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

#### *1.4.2. Về văn hóa - xã hội*

Chỉ số phát triển con người (*HDI*) năm 2030 đạt khoảng 0,7; Tuổi thọ bình quân đạt 75 tuổi; Tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị đạt trên 16%. Diện tích cây xanh bình quân trên mỗi người dân đô thị đạt khoảng 8-10m<sup>2</sup>. Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị đạt 30m<sup>2</sup>. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt trên 52% vào năm 2030; đạt 40 giường bệnh và 12 bác sĩ trên 1 vạn dân; tỷ lệ giường bệnh tư nhân đạt 10%.

#### *1.4.3. Về môi trường*

Đến năm 2030, tỷ lệ che phủ rừng đạt 64%; tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh khu vực đô thị đạt 99,0%, ở nông thôn đạt 97,0 trở lên; tỷ lệ rác thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý theo quy định đạt 95%.

#### *1.4.3. Về quốc phòng, an ninh*

Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

### **1.5. Nhiệm vụ trọng tâm và lĩnh vực đột phá**

- Nhiệm vụ trọng tâm: (1) Tiếp tục tái cơ cấu đồng bộ kinh tế của tỉnh theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. (2) Thực hiện đầy đủ, đồng bộ 3 chương trình mục tiêu quốc gia. (3) Tập trung bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số trên địa bàn. (4) Đẩy mạnh cải cách hành chính; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. (5) Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; đảm bảo an ninh chính trị, an ninh biên giới, trật tự an toàn xã hội.

- Lĩnh vực đột phá: (1) Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, gắn với công nghiệp chế biến. (2) Đẩy mạnh phát triển du lịch với nhiều loại hình. (3) Tập trung đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng (đô thị, các khu, cụm công nghiệp - đô thị - dịch vụ).

## **2. Huyện Đắk Glei**

### **2.1. Thuận lợi**

Do yếu tố địa lý đặc thù, huyện Đắk Glei có lợi thế lớn<sup>102</sup> để giao lưu thương mại khi nằm trên tuyến Quốc lộ 14 (đường Hồ Chí Minh), và có 02 cặp cửa khẩu phụ (Đắk Long-Văn Tắt; Đắk Plô-Đắk Ba). Đồng thời, với thế mạnh

<sup>102</sup> So với thành phố và các huyện khác của tỉnh

về đất và rừng, là cơ sở để phát triển các loại cây công nghiệp, cây dược liệu và chăn nuôi gia súc, thủy điện, khoáng sản, du lịch sinh thái. Bên cạnh đó, là địa bàn tiếp tục được thụ hưởng nhiều chính sách đặc thù trong phát triển kinh tế - xã hội, nhất là 03 chương trình mục tiêu quốc gia.

## **2.2. Khó khăn**

Là huyện miền núi, biên giới, trên 90% dân số là đồng bào dân tộc thiểu số, dân cư phân bố phân tán, trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực thấp, tập quán sinh sống và sản xuất có mặt còn lạc hậu. Kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội thiết yếu chưa được đầu tư hoàn chỉnh, thông suốt. Kinh tế chậm phát triển, thiếu động lực chính; kinh tế nông nghiệp giữ tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế, chủ thể kinh tế tập thể chưa được xác lập.

## **2.3. Mục tiêu phát triển đến năm 2025<sup>103</sup>**

### **2.3.1. Về kinh tế**

Tốc độ tăng trưởng bình quân GTSX các ngành (giá so sánh 2010) đạt 16,45%; giá trị sản xuất (giá hiện hành) đạt 5.176 tỷ đồng; cơ cấu giá sản xuất theo ngành: nông-lâm-thủy sản 39%, công nghiệp-xây dựng 26,5%, thương mại-dịch vụ 34,5%; giữ ổn định độ che phủ của rừng 72%; Thu ngân sách nhà nước tại địa bàn đạt trên 52 tỷ đồng; Thu nhập bình quân đầu người đạt trên 48 triệu đồng; Có trên 380 ha dược liệu, trong đó có trên 350 ha Đảng sâm và trên 15 ha Sâm Ngọc Linh và 15 ha dược liệu khác; tổng diện tích cây trồng hàng năm đạt 6.980 ha; diện tích cây lâu năm đạt 3.592 ha. Đàn gia súc đạt 35.475 con. Tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải rắn đạt từ 75% trở lên.

### **2.3.2. Về văn hóa-xã hội**

Dân số trung bình đạt 53.210 người; Tỷ lệ học sinh được phân luồng sau THCS đạt trên 70%; tỷ lệ tham gia BHYT đạt trên 98%, BHXH đạt 18,6%; Có 06 xã đạt chuẩn nông thôn mới; Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn dưới 11,75%; bình quân mỗi năm giảm 6%; 100% thôn, làng có nhà rồng hoặc hội trường thôn; 90% thôn, làng đạt danh hiệu thôn văn hóa; 70% hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa.

## **II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI XÃ NGỌC LINH**

### **1. Quan điểm**

- Phát huy nội lực, đi đôi với nâng cao tính chủ động cùng với tinh thần đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, quyết liệt trong hành động của Xã nhằm

<sup>103</sup> Theo Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 huyện Đắk Glei được Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei ban hành tại Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2020



tao sự chuyển biến tích cực, rõ nét trên mọi lĩnh vực<sup>104</sup>.

- Kết hợp chặt chẽ và hài hòa giữa phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường, nhất là tài nguyên rừng; phát triển kinh tế bền vững gắn với công bằng xã hội, giải quyết tốt, có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, đảm bảo không có ai bị bỏ lại phía sau.

- Phát triển nguồn nhân lực. Bảo tồn và phát huy các giá trị bản sắc văn hóa của các dân tộc thiểu số.

- Gắn phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

## **2. Mục tiêu tổng quát**

Huy động tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, nhất là từ các chương trình mục tiêu quốc gia trong phát triển kinh tế - xã hội. Sớm đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, nhất là đường bê tông và công trình thủy lợi, thực hiện đa mục tiêu về đáp ứng nhu cầu đời sống, sản xuất và Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới.

Phát huy tiềm năng, lợi thế về tài nguyên của xã vào phát triển kinh tế rừng, sâm Ngọc Linh và dược liệu, cà phê xứ lạnh, chăn nuôi. Duy trì, thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể; hình thành các sản phẩm đặc trưng, gắn với thị trường tiêu thụ.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Từng bước cải thiện tập quán sinh sống và phương thức canh tác theo hướng hiện đại góp phần giảm nghèo nhanh và bền vững. Bảo tồn các giá trị văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc. Hỗ trợ nguồn lực đi đôi với chuyển giao kiến thức và các mô hình kinh tế phù hợp, sớm cải thiện mức sống của Nhân dân, thực hiện tốt việc giảm nghèo nhanh và bền vững, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập so với bình quân chung của cả huyện.

Đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao hiệu lực, hiệu quả của tổ chức bộ máy. Giữ vững ổn định quốc phòng, an ninh. Đưa xã phát triển nhanh, bền vững, sớm thoát khỏi xã đặc biệt khó khăn, tiến đến đạt chuẩn xã nông thôn mới.

## **3. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể**

### **3.1. Đến năm 2025**

- Phần đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo mỗi năm từ 10% trở lên theo tiêu chí mới.
- Thu nhập bình quân đầu người tăng ít nhất 05 triệu đồng/người/năm so

<sup>104</sup> Theo tinh thần các Thông báo của Văn phòng Tỉnh ủy, số 572-TB/VPTU ngày 03 tháng 7 năm 2020 và số 114-TB/VPTU ngày 17 tháng 9 năm 2021

với năm liền kề<sup>105</sup>.

- Phân đầu xóa bỏ hoàn toàn hủ tục lạc hậu trên địa bàn xã.
- 100% hộ dân tộc thiểu số có đất ở, đất sản xuất; 100% hộ dân đủ điều kiện được tiếp cận các chính sách tín dụng cải thiện sinh kế, phát triển sản xuất.
- Củng cố, kiện toàn nâng cao chất lượng hoạt động hợp tác xã, tổ hợp tác, mỗi thôn có ít nhất 01 tổ hợp tác; thành lập và duy trì đảm bảo có 02 tổ liên kết cánh đồng Sâm và 3 tổ liên kết nuôi ong lấy mật.
- Nghiên cứu tận dụng quỹ đất chưa khai thác và chuyển đổi một số diện tích cây trồng kém hiệu quả để mở rộng diện tích sang các loại cây có giá trị kinh tế cao như: Cây ăn quả, cây Mắc ca, cây cà phê, Sâm Ngọc Linh và dược liệu khác... Trong đó, mở rộng diện tích đảm bảo đạt tối thiểu đến năm 2025 đạt 143,3 ha đối với cây cà phê (*trong đó trồng mới 30 ha*)<sup>106</sup>, 22 ha đối với cây ăn quả, 24,5 ha sâm Ngọc Linh và 308 ha dược liệu khác. Tổ chức đào tạo nâng cao kiến thức về thương mại hóa, đóng gói, tiêu thụ sản phẩm.
- Duy trì, tăng tỷ lệ che phủ rừng hàng năm từ 80% trở lên; thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn xã, trong đó duy trì và phát triển 3.399,66 ha rừng đang thực hiện giao khoán quản lý bảo vệ rừng.
- Tiếp tục nâng tổng đàn gia súc theo hướng hàng hóa, đảm bảo trung bình mỗi gia đình có từ 02-03 con gia súc. Tổng đàn gia súc tối thiểu đạt 1.640 con (*trong đó: trâu 400 con, bò 490 con, heo 750 con*); gia cầm khoảng 1.655 con.
- Diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 01 ha.
- Phân đầu xóa 97 căn nhà tạm bợ, dột nát.
- Phân đầu 100% hộ dân có nhu cầu được vay vốn để phát triển sản xuất.
- Hàng năm tổ chức: Tối thiểu 04 lớp đào tạo nghề và tối thiểu 02 đợt tập huấn nâng cao năng lực, kỹ thuật, mô hình phát triển sản xuất, chăm sóc cây trồng, vật nuôi, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, làm thay đổi cách làm của người đồng bào dân tộc thiểu số; tối thiểu 02 mô hình phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo; tối thiểu 02 mô hình hỗ trợ khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh.
- Thực hiện luân chuyển, điều động/biệt phái cán bộ trẻ có trình độ, năng lực, nhiệt huyết, đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn về xã để giữ các chức danh chủ chốt.

### 3.2. Đến năm 2030

<sup>105</sup> Thu nhập bình quân năm 2023 của xã là 28 triệu đồng/người/năm.

<sup>106</sup> Theo Kế hoạch giúp đỡ năm 2024 số 04-KH/TCT262 của Tổ Công tác 262.

Phấn đấu đến năm 2030, xã Ngọc Linh ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn, đạt chuẩn xã nông thôn mới theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030; kinh tế - xã hội phát triển trên mức bình quân của huyện Đăk Glei, đời sống của Nhân dân được nâng cao về mọi mặt; giá trị bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số được bảo tồn và phát huy; hệ thống chính trị vững mạnh; giữ vững quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

### **III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

#### **1. Phát triển kinh tế**

Hoàn thiện các quy hoạch xã trên cơ sở đáp ứng nhu cầu ổn định đời sống và sản xuất của Nhân dân. Ưu tiên quỹ đất theo hạn mức của tỉnh để bố trí đủ đất ở, đất sản xuất cho các hộ gia đình. Cân đối, bố trí các nguồn lực đến mức tối đa cho xã theo quy định, nhất là các nguồn vốn từ chương trình mục tiêu quốc gia và các nguồn vốn đầu tư theo mục tiêu của tỉnh. Tập trung đầu tư hoàn thành hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu trên địa bàn xã. Xác định danh mục dự án phù hợp với tiềm năng, lợi thế của địa phương để thu hút nguồn lực xã hội đầu tư vào địa bàn.

Tổ chức thực hiện tốt việc giao nhận khoán, cho thuê và phát triển kinh tế rừng, gắn với sử dụng có hiệu quả, bền vững tài nguyên rừng; trong đó, phát triển mô hình trồng dược liệu dưới tán rừng, tổ chức thí điểm trồng sâm Ngọc Linh dưới tán rừng đặc dụng khi đủ điều kiện. Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ trồng rừng nguyên liệu theo quy hoạch; thực hiện tốt phương án quản lý rừng bền vững. Thực hiện cơ chế hưởng lợi từ rừng đảm bảo người dân sống được bằng nghề rừng. Tổ chức thực hiện có hiệu quả Dự án Quản lý rừng bền vững trên địa bàn tỉnh Kon Tum, Đề án giao đất, giao rừng cho cộng đồng gắn với hỗ trợ sinh kế và phát triển kinh tế rừng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, Đề án phát triển lâm nghiệp bền vững đến năm 2025, định hướng đến 2030 trên địa bàn tỉnh Kon Tum<sup>107</sup>.

Đẩy mạnh phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa đối với các sản phẩm thế mạnh của địa phương, gắn với thị trường tiêu thụ. Rà soát điều kiện thực tiễn, tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu, ứng dụng công nghệ cao gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030<sup>108</sup>.

Nghiên cứu triển khai các loại cây ăn quả phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu; rà soát, thống kê diện tích, thực hiện cải tạo vườn tạp tại các thôn, làng gắn với thực hiện đồng bộ các giải pháp và bố trí nguồn lực để hỗ trợ

<sup>107</sup> Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt lần lượt tại Quyết định số 1528/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019, 1276/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Quyết định số 144/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2022

<sup>108</sup> 46/QĐ-UBND ngày 27/2/23

việc chuyển đổi từ cây trồng có hiệu suất thấp, kém hiệu quả sang cây trồng mang lại hiệu suất và giá trị kinh tế cao hơn; tăng thời vụ canh tác, sản xuất, không bỏ hoang ruộng, rẫy. Tập trung phát triển nhanh và bền vững các loài cây dược liệu, nhất là sâm Ngọc Linh và Đảng sâm; mỗi hộ dân đều được bố trí đất để trồng Đảng sâm<sup>109</sup>. Thực hiện tốt Đề án đầu tư, phát triển và chế biến dược liệu trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030<sup>110</sup>; phát triển mô hình trồng dược liệu dưới tán rừng, tổ chức thí điểm trồng sâm Ngọc Linh dưới tán rừng đặc dụng khi đủ điều kiện. Duy trì ổn định diện tích cây cà phê, trong đó thực hiện tốt chủ trương phát triển cà phê xứ lạnh; Rà soát, đánh giá cụ thể từng diện tích cà phê để có các biện pháp trồng tái canh, cải tạo, phục hồi; sử dụng các giống cà phê có năng suất, chất lượng cao đã được công nhận để trồng tái canh. Hỗ trợ chăn nuôi nông hộ đối với heo, bò, trâu từng bước chuyển dịch trong chăn thả, lựa chọn giống, thức ăn, điều kiện chăn nuôi, trang thiết bị chuồng trại, công tác vệ sinh thú ý nhằm nâng cao chất lượng, năng suất, mang lại giá trị kinh tế cao.

Hỗ trợ nguồn lực và các điều kiện cần thiết để xây dựng sản phẩm đặc trưng theo các tiêu chuẩn của quốc gia<sup>111</sup>, gắn với định vị thị trường, sản phẩm. Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (*OCOP*) gắn mục tiêu hình thành sản phẩm tham gia vào chuỗi giá trị các sản phẩm quốc gia.

Hỗ trợ mọi điều kiện cần thiết để nâng cao năng lực của các chủ thể kinh tế tập thể là hợp tác xã và tổ hợp tác trong cung ứng các sản phẩm đầu vào (*như giống, vật tư, phân bón,...*), sản xuất và đưa vào lưu thông các sản phẩm đầu ra; thành lập thêm hợp tác xã trồng, chế biến dược liệu, nuôi ong rừng lấy mật. Lấy hợp tác xã và các tổ hợp tác làm nòng cốt trong thực hiện chức năng cung ứng, trao đổi mua bán sản phẩm, hàng hóa thiết yếu trên địa bàn. Quản lý, sử dụng hiệu quả, đúng mục đích nguồn vốn đầu tư ngân sách tỉnh đã bố trí hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 (*theo Quyết định số 421/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh*). Theo đó, hỗ trợ cho các Hợp tác xã trên địa bàn 02 xã Mường Hoong và xã Ngọc Linh là 1.500 triệu đồng.

Đẩy mạnh phát triển các hoạt động sản xuất nông nghiệp về nuôi ong lấy mật, trồng và chế biến sâm Ngọc Linh thông qua triển khai hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng nhằm nâng cao năng lực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ kinh doanh, tiến đến thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo, tạo thu nhập ổn định và nâng cao thu nhập cho người dân.

<sup>109</sup> Thông báo số 572-TB/VPTU ngày 03 tháng 7 năm 2020

<sup>110</sup> 871/QĐ-UBND ngày 30/12/2022)

<sup>111</sup> Viet Gap hoặc tương đương

Nghiên cứu, hình thành một số loại hình du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng trên cơ sở kết hợp tài nguyên du lịch cảnh quan với bản sắc văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ. rà soát, hỗ trợ kinh phí đầu tư cơ sở vật chất phục vụ lưu trú và các nhu cầu thiết yếu cơ bản khác phục vụ du lịch.

## 2. Văn hóa - xã hội và môi trường

Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư hướng đến hoàn thiện cơ sở vật chất và trang thiết bị trường học theo hướng đồng bộ, phù hợp lộ trình xây dựng nông thôn mới theo Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025<sup>112</sup>. Tăng cường nâng cao chất lượng dạy và học, xây dựng đội ngũ giáo viên đảm bảo về số lượng lẫn chất lượng; tiếp tục cụ thể hóa và thực hiện tốt Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số tính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030<sup>113</sup>.

Củng cố, nâng cao chất lượng mạng lưới y tế cơ sở. Thực hiện đồng bộ công tác y tế dự phòng, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe và chính sách dân số-kế hoạch hóa gia đình. Đẩy mạnh công tác truyền thông, kịp thời phát hiện, khống chế các loại dịch bệnh phát sinh và đẩy mạnh công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Thực hiện có hiệu quả các chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Quyết liệt triển khai các nhiệm vụ, giải pháp giảm nghèo bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới; nhân rộng các mô hình giảm nghèo hiệu quả, khuyến khích, động viên, tạo điều kiện cho các hộ gia đình thoát nghèo vươn lên làm giàu. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội và các chế độ, chính sách đối với người có công, gia đình chính sách; giải quyết việc thiếu đất ở, đất sản xuất và tạo sinh kế, việc làm, nâng cao thu nhập, đời sống cho hộ gia đình<sup>114</sup>.

Tiếp tục khôi phục, bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số. Đầu tư, sửa chữa, hoàn thiện cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động văn hóa, thể thao và thông tin truyền thông. Thường xuyên tổ chức các phong trào, hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao nhằm nâng cao thể chất, tinh thần cho người dân, nhất là các hoạt động mang tính cộng đồng. Xây dựng các quy ước, hương ước, thiết chế văn hóa; xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, tổ chức lễ hội.

<sup>112</sup> Quyết định số 709/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2021

<sup>113</sup> Quyết định số 720/QĐ-UBND ngày 6 tháng 8 năm 2021

<sup>114</sup> Theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021) và Chương trình Bồi dưỡng dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 (Quyết định 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022)

Chú trọng giáo dục truyền thống, lịch sử dân tộc, địa phương; khôi phục các giá trị văn hóa truyền thống, lễ hội, nghề thủ công mỹ nghệ trên địa bàn theo Đề án “Bảo tồn, phát huy di sản không gian văn hóa công chiêm tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 - 2025” và Đề án “bảo tồn và phát huy giá trị nghề truyền thống của các dân tộc thiểu số tại chỗ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kon Tum”<sup>115</sup>. Đầu tư, sửa chữa tiến đến hoàn thiện cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động văn hóa, thể thao và thông tin truyền thông<sup>116</sup>.

Hoàn thiện công trình cấp nước tập trung phục vụ nhu cầu tiếp cận bền vững về nước sạch đạt quy chuẩn; tiếp tục hình thành các hố rác tập trung tại các thôn, triển khai việc thu gom và xử lý chất thải bằng các biện pháp phù hợp; thực hiện tốt Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025<sup>117</sup>.

Tiếp tục đầu tư kiên cố hóa hệ thống trường, lớp học và các trang thiết bị phục vụ việc giảng dạy, học tập theo hướng đồng bộ, hoàn chỉnh; đến năm 2030, hoàn thành việc đầu tư và đưa vào sử dụng 03 công trình về giáo dục<sup>118</sup>.

Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm. Chú trọng dạy nghề và giải quyết việc làm cho nông dân, thanh niên nông thôn, con em gia đình chính sách...; khuyến khích các doanh nghiệp thu hút, đào tạo và sử dụng lao động là người tại chỗ.

Đầu tư mới trụ sở Ủy ban nhân dân xã<sup>119</sup>. Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về tôn giáo, kiên quyết không để các tà đạo xâm nhập vào địa bàn và lợi dụng tôn giáo vi phạm pháp luật.

### **3. Bảo đảm quốc phòng, an ninh**

Thực hiện tốt công tác đảm bảo quốc phòng, an ninh; phát huy vai trò của công an xã chính quy trong bảo đảm an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Tăng cường công tác thông tin truyền cùng các giải pháp đồng bộ nhằm ngăn chặn và đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở địa bàn theo Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025<sup>120</sup>. Thực hiện có hiệu quả phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”.

<sup>115</sup> Quyết định số 681/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2021 và 465/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2022

<sup>116</sup> Nhà văn hóa và sân vận động xã, nhà văn hóa cộng đồng thôn Long Năng (Thông báo số 572-TB/VPTU ngày 03 tháng 7 năm 2020)

<sup>117</sup> Số 2342/KH-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2023

<sup>118</sup> Gồm: (1) Phòng học trường TH và THCS (1 dãy 2 tầng kiên cố, gồm 4 phòng học); (2) Nhà văn hóa dân tộc (khoảng 200m<sup>2</sup>); (3) Công trình vệ sinh cho giáo viên (khoảng 30m<sup>2</sup>)

<sup>119</sup> Thông báo số 572-TB/VPTU ngày 03 tháng 7 năm 2020

<sup>120</sup> Số 840/KH-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2023

Rà soát các cá nhân, hộ gia đình gặp vướng mắc về hộ khẩu và Chứng minh nhân dân, báo cáo cơ quan chức năng đề sớm giải quyết cho người dân.

#### **4. Thông tin tuyên truyền**

Đa dạng hóa công tác thông tin, tuyên truyền các đường lối và chủ trương Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước bằng các hình thức thích hợp, hướng đến tạo sự đồng thuận, thống nhất trong nhân dân về các phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nhằm xây dựng xã Ngọc Linh sớm thoát nghèo, nâng cao đời sống.

Tiếp tục đẩy mạnh triển khai nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào thi đua “*Cả nước chung tay vì người nghèo – Không để ai bị bỏ lại phía sau*”, “*Cả nước chung tay xây dựng nông thôn mới*” và các cuộc vận động “*Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm trong đồng bào dân tộc thiểu số để từng bước vươn lên thoát nghèo bền vững*”, “*toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”. Thực hiện thiết thực có hiệu quả phương châm “*Dân cần, dân biết, dân bàn, dân đóng góp, dân làm, dân kiểm tra, dân hưởng thụ*”.

Triển khai xây dựng và nhân rộng các mô hình hay, việc làm hiệu quả từ các Chương trình mục tiêu quốc gia nhằm tạo sự lan tỏa trong cộng đồng về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội.

#### **5. Quy hoạch, kế hoạch; huy động, lồng ghép các nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu**

Hoàn thiện các quy hoạch xã trên cơ sở đáp ứng nhu cầu ổn định đời sống và sản xuất, gắn với thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới. Thực hiện có hiệu quả chỉnh trang khu dân cư, cảnh quan môi trường, nhất là khu dân cư trung tâm xã và khu cụm Ngọc Súc, Đắk Sur<sup>121</sup>. Điều tra, khảo sát làm rõ thực trạng các đặc điểm về đất, kinh tế - xã hội để xây dựng Khu dân cư tập trung tại thôn Long Năng<sup>122</sup>; ưu tiên dành quỹ đất theo hạn mức của tỉnh để bố trí đất ở, đất sản xuất cho các hộ gia đình thiếu đất trong khuôn khổ Chương trình mục tiêu Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Tổ chức rà soát, đánh giá xác định nhu cầu hỗ trợ nguồn lực đầu tư phát triển trên địa bàn. Trong đó, làm rõ thứ tự ưu tiên đầu tư dựa trên tính cấp thiết; khả năng cân đối, huy động của từng dự án đối với từng nguồn vốn; việc lồng ghép giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia với các nguồn vốn khác.

Ưu tiên cân đối bố trí mọi nguồn lực đến mức tối đa cho xã theo quy định, nhất là các nguồn vốn từ chương trình mục tiêu quốc gia, và các nguồn vốn đầu

<sup>121</sup> Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã nhiệm kỳ 2020-2025 số 01-NQ/ĐH ngày 15 tháng 6 năm 2020

<sup>122</sup> Thông báo số 572-TB/VPTU ngày 03 tháng 7 năm 2020

tư theo mục tiêu của tỉnh.

Thường xuyên đánh giá lợi thế, tiềm năng làm cơ sở xác định danh mục dự án để thu hút nguồn lực đầu tư xã hội đầu tư vào địa bàn.

Tập trung đầu tư hoàn thành hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu trên địa bàn xã đáp ứng cho yêu cầu sản xuất. Trong đó, ưu tiên nguồn lực đầu tư tuyến đường Đường Ngọc Hoàng - Măng Bút - Tu Mơ Rông - Ngọc Linh (*nhánh 2*) từ Măng Ri đi Ngọc Linh đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn<sup>123</sup>.

## 6. Xây dựng nguồn nhân lực

Tập trung đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị đạt chuẩn theo quy định. Thực hiện thí điểm đưa cán bộ trẻ, có năng lực về xã đảm nhận các chức danh chủ chốt, như: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Phó Bí thư Đảng ủy xã, trưởng các tổ chức chính trị xã hội (*Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân*). Đồng thời, chú trọng tuyển chọn, đào tạo cán bộ trẻ dự nguồn bổ sung cho cán bộ lãnh đạo, quản lý và chuyên môn hóa sâu cho cả trước mắt và lâu dài.

## IV. DỰ KIẾN NGUỒN VỐN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

### 1. Tổng nhu cầu đầu tư

Tổng nhu cầu đầu tư hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn **2021-2030** trên địa bàn xã Ngọc Linh khoảng **117.094** triệu đồng (*trong đó vốn đầu tư phát triển 102.627 triệu đồng; vốn sự nghiệp 14.467 triệu đồng*), cụ thể:

**1.1. Giai đoạn 2021 - 2025:** Tổng nhu cầu đầu tư hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn xã khoảng **69.824** triệu đồng (*trong đó vốn đầu tư phát triển 65.057 triệu đồng; vốn sự nghiệp 4.767 triệu đồng*), cụ thể:

*a) Các nguồn lực đã cân đối, bố trí trong giai đoạn 2021 - 2025:* 59.774 triệu đồng (*trong đó vốn đầu tư phát triển 58.107 triệu đồng; vốn sự nghiệp 1.667 triệu đồng*), cụ thể:

- Kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh, huyện đã bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 là 17.190 triệu đồng.

- Kế hoạch vốn ngân sách Trung ương bố trí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 là 42.584 triệu đồng (*trong đó vốn đầu tư phát triển 40.917 triệu đồng; vốn sự nghiệp 1.667 triệu đồng*).

*b) Nhu cầu bổ sung nguồn lực thực hiện giai đoạn 2024 - 2025:* Khoảng 10.050 triệu đồng (*trong đó vốn đầu tư phát triển 6.950 triệu đồng; vốn sự nghiệp 3.100 triệu đồng*) để tập trung xóa toàn bộ nhà tạm, nhà dột nát, đầu tư tuyển

<sup>123</sup> phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế kinh tế - xã hội của 02 xã Mường Hoong, Ngọc Linh



đường giao thông nông thôn thiết yếu và triển khai các hoạt động đào tạo nghề, hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện sinh kế, nâng cao thu nhập người dân, cụ thể:

***Định hướng các nguồn lực bổ sung thực hiện giai đoạn 2024 - 2025:***

- Ngân sách tỉnh **5.000** triệu đồng, trong đó:

+ Vốn đầu tư phát triển 2.100 triệu đồng: Rà soát, bố trí từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi hàng năm và rà soát, điều chuyển từ các dự án, hoạt động không có khả năng giải ngân hoặc chậm giải ngân theo quy định;

+ Vốn sự nghiệp 2.900 triệu đồng: Rà soát, bố trí bổ sung từ nguồn vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh hỗ trợ địa phương triển khai thực hiện theo quy định.

- Ngân sách huyện Đăk Glei **150** triệu đồng: Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei rà soát, bố trí bổ sung từ nguồn vốn sự nghiệp ngân sách huyện hỗ trợ địa phương triển khai thực hiện.

- Vốn huy động khác **4.365** triệu đồng (*tập trung thực hiện xóa nhà tạm*): Huy động, vận động nguồn lực hỗ trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân, các Ngân hàng (*Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, TMCP Ngoại thương Việt Nam, TMCP Công thương Việt Nam,...*); Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội vận động hỗ trợ, giúp đỡ hộ nghèo, hộ cận nghèo xây mới hoặc sửa chữa nhà ở; hỗ trợ các hộ gia đình đủ điều kiện vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội để xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở;...

- Nhân dân đóng góp **535** triệu đồng: Bằng tiền, hiện vật, ngày công lao động.

**1.2. Giai đoạn 2026 - 2030:** Dự kiến nhu cầu kinh phí hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội, trong đó trọng tâm là thực hiện hiện mục tiêu tăng cao thu nhập, giảm nhanh và bền vững hộ nghèo, cận nghèo, hoàn thiện cơ bản cơ sở hạ tầng thiết yếu khoảng **47.270** triệu đồng (*trong đó vốn đầu tư phát triển 37.570 triệu đồng; vốn sự nghiệp 9.700 triệu đồng*).

Trên cơ sở sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện giai đoạn 2021-2025 và rà soát, đề xuất nhu cầu nguồn lực theo các quy định về chuẩn nghèo và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030 của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ tiếp tục tổng hợp, cân đối và đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí các nguồn lực triển khai thực hiện phù hợp theo quy định.

**Bảng 3. Nhu cầu đầu tư giai đoạn 2024 - 2030 xã Ngọc Linh**

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung đầu tư	Tổng nhu cầu giai đoạn 2024-2030	Nguồn vốn giai đoạn 2024-2025	Trong đó				Nhu cầu vốn giai đoạn 2026-2030	Trong đó			
				Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã	Vốn huy động khác	Nhân dân đóng góp		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã	Vốn huy động khác	Nhân dân đóng góp
<b>TỔNG SỐ</b>		<b>57.320</b>	<b>10.050</b>	<b>5.000</b>	<b>150</b>	<b>4.365</b>	<b>535</b>	<b>47.270</b>	<b>25.228</b>	<b>17.478</b>	<b>2.579</b>	<b>1.985</b>
<b>I</b>	<b>Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu</b>	<b>44.520</b>	<b>6.950</b>	<b>2.100</b>		<b>4.365</b>	<b>485</b>	<b>37.570</b>	<b>16.578</b>	<b>16.578</b>	<b>2.579</b>	<b>1.835</b>
1	Kinh phí xóa nhà tạm (97 căn)	4.850	4.850			4.365	485					
2	Đường GTNT từ đường Ngọc Hoàng - Mãng Bút đi thôn Đăk Nai, xã Ngọc Linh	2.100	2.100	2.100								
3	Đầu tư hạ tầng thiết yếu khác (giao thông, nước sinh hoạt, trường học)	37.570						37.570	16.578	16.578	2.579	1.835
<b>II</b>	<b>Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện sinh kế, nâng cao thu nhập người dân</b>	<b>12.800</b>	<b>3.100</b>	<b>2.900</b>	<b>150</b>		<b>50</b>	<b>9.700</b>	<b>8.650</b>	<b>900</b>		<b>150</b>
1	Đào tạo nghề nông nghiệp	2.100	600	600				1.500	1.500			
2	Đào tạo nghề phi nông nghiệp	1.540	440	440				1.100	1.100			
3	Tổ chức các đợt tập huấn nâng cao năng lực, kỹ thuật sản xuất, chăm sóc cây trồng, vật nuôi	1.540	440	440				1.100	1.100			
4	Triển khai các mô hình phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	3.900	900	700	150		50	3.000	1.950	900		150
5	Hỗ trợ xây dựng mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh	3.720	720	720				3.000	3.000			

## **2. Nguồn lực thực hiện**

Huy động đa dạng nguồn vốn và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để triển khai thực hiện, bao gồm:

+ Nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng năm (*chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên*) theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành, bảo đảm đúng quy định.

+ Kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án, dự án đầu tư công giai đoạn 2021 - 2030 bảo đảm đúng quy định.

+ Kinh phí vận động, huy động từ các nhà tài trợ, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước.

+ Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định pháp luật.

### Phần III

## TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### I. CÁC CƠ QUAN CẤP TỈNH<sup>124</sup>

#### 1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì đề xuất các giải pháp, biện pháp thực hiện các cơ chế, chính sách trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư; phối hợp Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei và các cơ quan có liên tổng hợp, cân đối nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu trong kế hoạch trung hạn và hàng năm, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật về đầu tư công và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách tỉnh.

- Hướng dẫn chính quyền xã trong việc lập và thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo thực hiện tốt các mục tiêu đề ra.

- Tập trung thu hút, mời gọi, kết nối với các doanh nghiệp, nhà đầu tư có nguồn lực, có kinh nghiệm hợp tác khai thác tiềm năng, lợi thế, hỗ trợ, chia sẻ lợi ích với địa phương và người dân; đồng thời, thường xuyên lồng ghép, xây dựng các chương trình, kế hoạch trợ giúp phát triển hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn xã.

- Phối hợp Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Thành phố Hồ Chí Minh hỗ trợ kết nối 01 Quận của Thành phố Hồ Chí Minh kết nghĩa, hỗ trợ huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum phát triển kinh tế - xã hội xã Mường Hoang và xã Ngọc Linh trong giai đoạn 2024-2025 trong khuôn khổ thỏa thuận hợp tác phát triển kinh tế - xã hội giữa Thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh vùng Tây Nguyên.

#### 2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì đề xuất các giải pháp, biện pháp thực hiện các cơ chế, chính sách trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn. Chủ trì, phối hợp với Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Sở Y tế và các đơn vị có liên quan thôn hỗ trợ và giúp đỡ xây dựng Hợp tác xã kiểu mới trong lĩnh vực trồng, chế biến dược liệu. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hỗ trợ xã Ngọc Linh, huyện Đắk Glei hình thành các vườn ươm, phát triển dược liệu, liên kết hợp tác xã với doanh nghiệp và người dân; việc xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện và theo dõi quá trình thực hiện của Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới trên địa bàn xã.

- Tham mưu, đề xuất cân đối kinh phí sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các nguồn vốn thuộc phạm vi theo dõi,

<sup>124</sup> Các cơ quan có chức năng quản lý nhà nước theo Thông báo số 04-TB/TCT262 ngày 07 tháng 02 năm 2022 của Tô Công tác 262

đề xuất của ngành để giao Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei triển khai các hoạt động hỗ trợ sản xuất (*ưu tiên Sâm Ngọc Linh, các loại cây dược liệu, Cà phê xir lạnh và gia súc*).

- Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực công tác quản lý, điều hành của hợp tác xã; theo dõi việc duy trì sản xuất, chế biến dược liệu, hướng dẫn sản xuất an toàn thực phẩm theo quy định.

- Tập huấn, hướng dẫn người dân nuôi, quản lý đàn vật nuôi, thực hiện tốt công các phòng, chống dịch bệnh, kỹ thuật chăn nuôi, vệ sinh chuồng trại, hướng dẫn thực hiện làm chuồng trại, dự trữ thức ăn để nuôi nhốt gia súc trong mùa mưa rét; huy động các nguồn lực để hỗ trợ cây giống, con giống cho người dân, tăng cường công tác khuyến nông; ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất nông - lâm nghiệp; phát triển ngành nghề theo thế mạnh tại địa phương.

- Nghiên cứu hỗ trợ nguồn lực, điều kiện để xây dựng sản phẩm đặc trưng theo các tiêu chuẩn của quốc gia<sup>125</sup> gắn với định vị thị trường, sản phẩm. Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (*OCOP*) gắn mục tiêu hình thành sản phẩm tham gia vào chuỗi giá trị các sản phẩm quốc gia.

- Hướng dẫn việc giao nhận khoán, cho thuê và phát triển kinh tế rừng, gắn với sử dụng có hiệu quả, bền vững tài nguyên rừng; hướng dẫn trồng dược liệu, trồng rừng, trồng cây phân tán, trồng cây cảnh quan, quản lý bảo vệ rừng, nghiên cứu hướng dẫn mô hình trồng dược liệu dưới tán rừng, tổ chức thí điểm trồng sâm Ngọc Linh dưới tán rừng đặc dụng khi đủ điều kiện.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei làm việc với Công ty Cổ phần Sâm Ngọc Linh Kon Tum và Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đăk Tô hỗ trợ cây giống Sâm Ngọc Linh phục vụ xây dựng vườn giống và hỗ trợ Nhân dân tham gia trồng Sâm Ngọc Linh; thực hiện có hiệu quả Dự án Quản lý rừng bền vững trên địa bàn tỉnh Kon Tum, Đề án giao đất, giao rừng cho cộng đồng gắn với hỗ trợ sinh kế và phát triển kinh tế rừng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, Đề án phát triển lâm nghiệp bền vững đến năm 2025, định hướng đến 2030 trên địa bàn tỉnh Kon Tum<sup>126</sup>.

- Tiếp tục hướng dẫn xã công tác xử lý và trữ nước an toàn hộ gia đình và công tác quản lý, vận hành các công trình cấp nước tập trung nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động công trình, từng bước nâng cao tỷ lệ số hộ dân trên địa bàn biết, áp dụng các biện pháp xử lý và trữ nước an toàn quy mô hộ gia đình.

<sup>125</sup> Viet Gap hoặc tương đương.

<sup>126</sup> Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt lần lượt tại Quyết định số 1528/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019, 1276/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Quyết định số 144/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2022.

- Chủ trì, phối hợp với Hội Nông dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei tiếp tục thực hiện hỗ trợ triển khai và đánh giá kết quả mô hình cánh đồng Sâm, nuôi ong lấy mật trong rừng để có giải pháp triển khai thực hiện trong các vụ tiếp theo.

- Nghiên cứu bố trí nguồn Nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 đầu tư các tuyến đường giao thông nông thôn hiện trạng là đường đất tại xã.

- Phối hợp với địa phương nghiên cứu triển khai các loại cây dược liệu, cây ăn quả phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu; hướng dẫn thực hiện cải tạo vườn tạp tại các thôn, làng gắn với hỗ trợ việc chuyển đổi từ cây trồng có hiệu suất thấp, kém hiệu quả sang cây trồng mang lại hiệu suất và giá trị kinh tế cao hơn.

- Thường xuyên theo dõi, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei đánh giá kết quả thực hiện đối với các nội dung về phát triển nông nghiệp và đẩy nhanh hoàn thành các hạng mục xây dựng nông thôn mới tại xã Ngọc Linh.

### **3. Sở Giao thông vận tải**

- Chủ trì đề xuất các giải pháp, biện pháp thực hiện các cơ chế, chính sách trong lĩnh vực giao thông vận tải, đảm bảo giao thông thông suốt đối với các tuyến đường.

- Tổ chức triển khai dự án Sửa chữa nền, mặt đường, công trình thoát nước, an toàn giao thông đoạn từ Km0 - Km39+500, Tỉnh lộ 673; đồng thời đề xuất cấp có thẩm quyền sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Ngọc Hoàng - Măng Bút - Tu Mơ Rông - Ngọc Linh (*nhánh 2*) đoạn từ xã Măng Ri (*huyện Tu Mơ Rông*) đi xã Ngọc Linh (*huyện Đăk Glei*), sớm thực hiện và hoàn thành các dự án trong thời gian sớm nhất.

- Phối hợp tiến hành rà soát, đánh giá, hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống đường giao thông nông thôn tại xã (*trong đó, tập trung sửa chữa, chỉnh trang, mở rộng và đầu tư mới đường liên thôn; đường giao thông nội đồng; ...*).

### **4. Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Chủ trì đề xuất các giải pháp, biện pháp thực hiện các cơ chế, chính sách trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

- Chủ trì, định kỳ kiểm tra, hướng dẫn huyện, xã và đề xuất tỉnh chỉ đạo tăng cường triển khai các hoạt động để đạt chuẩn và tiếp tục duy trì các tiêu chí nông thôn mới thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Rà soát tình hình cơ sở vật chất tại các Trường học theo hướng đồng bộ, phù hợp lộ trình xây dựng nông thôn mới theo Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025.

Tăng cường nâng cao chất lượng dạy và học, xây dựng đội ngũ giáo viên đảm bảo về số lượng lẫn chất lượng; tiếp tục cụ thể hóa và thực hiện tốt Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số tính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Phối hợp Sở Y tế triển khai các hoạt động hỗ trợ giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em. Trước mắt, rà soát, đề xuất lồng ghép, vận động các nguồn lực triển khai Chương trình Sữa học đường từ năm học 2023-2024.

- Nghiên cứu, cân đối các nguồn vốn thuộc phạm vi quản lý, theo dõi của ngành, triển khai các hoạt động hỗ trợ cơ sở vật chất cho các đơn vị trường học.

### **5. Sở Y tế**

- Đề xuất giải pháp, biện pháp thực hiện các cơ chế, chính sách trong lĩnh vực y tế. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong hỗ trợ và giúp đỡ xây dựng hợp tác xã kiểu mới trong lĩnh vực trồng, chế biến dược liệu.

- Phối hợp, củng cố tổ chức, mạng lưới y tế cơ sở, hoàn thiện và nâng cao các dịch vụ y tế phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu và khám chữa bệnh; thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế. Triển khai các giải pháp nhằm giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi theo mục tiêu đã đề ra. Hướng dẫn, tổ chức triển khai các giải pháp nâng cao các tiêu chí nông thôn mới trong lĩnh vực y tế như: Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch, tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm,... Phối hợp, đẩy mạnh công tác truyền thông, kịp thời phát hiện, khống chế các loại dịch bệnh phát sinh và đẩy mạnh công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

### **6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

- Đề xuất các giải pháp, biện pháp thực hiện các cơ chế, chính sách trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; tổ chức nghiên cứu đánh giá tiềm năng về tài nguyên du lịch tiến đến xây dựng, đưa sản phẩm du lịch vào khai thác; tổ chức kiểm kê di sản văn hoá, tái hiện, phục dựng một không gian văn hóa công cộng, lễ hội truyền thống tốt đẹp; đề xuất xây dựng nhà văn hoá - thể thao xã, sửa chữa, nâng cấp nhà Rông truyền thống các thôn, trang thiết bị sinh hoạt văn hoá, thể dục thể thao đáp ứng tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

- Phối hợp, tiếp tục triển khai sâu rộng và có hiệu quả cuộc vận động “*Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm của đồng bào dân tộc thiểu số, làm cho đồng bào dân tộc thiểu số vươn lên thoát nghèo bền vững*”, phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”, Phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*”. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận

động Nhân dân xóa bỏ các hủ tục, phong tục lạc hậu, tập quán không còn phù hợp, phấn đấu xóa bỏ hoàn toàn hủ tục.

- Nâng cao ý thức bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; tăng cường công tác thu thập, bảo tồn và lưu giữ những tư liệu về giá trị truyền thống, các sản phẩm từ nghề truyền thống (*dệt thổ cẩm, đan lát, chế tác nhạc cụ, rượu cần...*), nhằm bảo tồn, gìn giữ và phát huy giá trị văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ. Mở các lớp truyền dạy về công chiêng, dệt thổ cẩm, phục dựng một số lễ nghi truyền thống tiêu biểu.

- Nghiên cứu, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei tổ chức ngày hội văn hóa, thể thao dân tộc Xơ đăng trên địa bàn tỉnh; phục dựng 01 số lễ hội như tết máng nước, mừng nhà rông mới, lễ cưới của người dân tộc thiểu số Xơ đăng để góp phần khôi phục, bảo tồn bản sắc văn hóa.

- Nghiên cứu các quy định của pháp luật và tình hình thực tiễn trên địa bàn xã Ngọc Linh, trên cơ sở đó hướng dẫn cấp ủy, chính quyền và người dân, cộng đồng dân cư từng bước phát triển du lịch cộng đồng. Trường hợp gặp vướng mắc về cơ chế, chính sách, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

- Nghiên cứu, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei vận động, hướng dẫn người dân khi thực hiện công tác xóa nhà tạm (*sửa chữa hoặc xây dựng mới*) theo hướng gìn giữ nét đặc trưng của các công trình bản địa.

- Theo dõi, đồng thời phối hợp rà soát, đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei hoặc cấp có thẩm quyền đầu tư hoàn thành các mục tiêu về văn hóa trên địa bàn xã theo kế hoạch đề ra; trong đó, nghiên cứu hỗ trợ trang thiết bị cho nhà văn hóa các thôn; trang bị công chiêng, trống cho các thôn đồng bào dân tộc thiểu số chưa có công chiêng, trống; đầu tư khu thể thao... từ các nguồn vốn phù hợp.

## **7. Sở Thông tin và Truyền thông**

- Ưu tiên triển khai đầu tư xây dựng, sửa chữa Trạm phát sóng truyền thanh tại xã Ngọc Linh.

- Tham mưu, kêu gọi bố trí nguồn thuộc phạm vi quản lý để đầu tư 28 cụm loa phát thanh tại các thôn.

## **8. Liên minh Hợp tác xã tỉnh**

- Đề xuất giải pháp, biện pháp thực hiện các chủ trương, cơ chế, chính sách trong lĩnh vực kinh tế hợp tác, xây dựng hợp tác xã, tổ hợp tác. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hỗ trợ và giúp đỡ xây dựng Hợp tác xã kiểu mới trong lĩnh vực trồng, chế biến dược liệu.



- Tập trung nghiên cứu các giải pháp hỗ trợ đầu ra sản phẩm cho Hợp tác xã và của bà con nhân dân trên địa bàn xã. Khuyến khích áp dụng các mô hình thương mại điện tử, B2C.

- Tiếp tục phối hợp hướng dẫn củng cố, kiện toàn hợp tác xã hiện có; thu hút thành viên tham gia trong xây dựng, hình thành, phát triển sản phẩm OCOP theo các sản phẩm có thế mạnh của địa phương.

- Huy động các nguồn lực hợp pháp, hướng dẫn các các tổ hợp tác liên kết với các doanh nghiệp (*có nhu cầu*) đầu tư cơ sở vật chất, nhà xưởng, máy móc thiết bị để phát triển sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

### **9. Ban Dân tộc**

- Đề xuất giải pháp, biện pháp thực hiện các chủ trương, cơ chế, chính sách trong công tác dân tộc; việc xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện và theo dõi quá trình thực hiện của Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn xã.

- Cân đối nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi triển khai dự án đầu tư xây dựng nước sinh hoạt tập trung, phân tán tại các thôn Tân Rát, Tu Dốp, Lê Ngọc, Sa Múc.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở ngành, đơn vị có liên quan huy động nguồn lực, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trong đó bố trí, đẩy nhanh hoàn thành các dự án đầu tư xây dựng đường giao thông nông thôn, dự án sắp xếp ổn định dân cư tại chỗ, xây dựng nhà rông; tập trung triển khai thực hiện một số nội dung như hỗ trợ đất ở, đất sản xuất; tuyên truyền, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cộng đồng, người có uy tín, cán bộ cơ sở,...; nghiên cứu lồng ghép các nguồn kinh phí để hỗ trợ xóa nhà tạm, xây dựng nhà tiêu, nhà tắm; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, chính sách hỗ trợ đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số để phát triển kinh tế - xã hội tại xã.

### **10. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh**

- Đề xuất giải pháp, biện pháp thực hiện công tác bảo đảm an toàn, an ninh tại khu vực trọng điểm về an ninh - quốc phòng.

- Chỉ đạo, hỗ trợ kinh phí, nhân lực hỗ trợ công tác xóa nhà tạm, xây dựng nhà tắm, nhà tiêu và triển khai thực hiện công tác dân vận, các hoạt động an sinh - xã hội tại xã.

- Xây dựng, duy trì và nhân rộng các mô hình hay, hiệu quả về giữ gìn an ninh trật tự; phát huy vai trò của già làng, người có uy tín trong đồng bào dân

tộc thiểu số, lực lượng công an xã, vai trò tự quản, tích tích cực của Nhân dân tham gia đấu tranh; xử lý những vấn đề nhạy cảm phát sinh.

- Ngăn chặn và đẩy lùi các tệ nạn xã hội, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự xã hội trên địa bàn. Thực hiện tốt công tác xây dựng lực lượng dân quân vũng mạnh, rộng khắp, tích cực xây dựng địa bàn nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số vũng mạnh toàn diện, bảo đảm giữ vũng tiêu chí quân sự, quốc phòng.

### **11. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

- Đề xuất giải pháp, biện pháp thực hiện các chủ trương, cơ chế, chính sách trong lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội; việc xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện và theo dõi quá trình thực hiện của Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vũng trên địa bàn xã.

- Phối hợp, hướng dẫn triển khai thực hiện các giải pháp giảm nghèo bền vũng (*trong đó, hỗ trợ công tác rà soát kỹ hộ nghèo, hộ cận nghèo, xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình, xây dựng kế hoạch hỗ trợ, lộ trình giảm nghèo phù hợp với thực tế và đảm bảo tính bền vũng*); huy động và sử dụng tốt các nguồn lực từ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vũng, đảm bảo mục tiêu giảm nghèo đề ra.

- Hướng dẫn, đôn đốc triển khai thực hiện công tác đào tạo nghề nhất là cho lực lượng lao động trẻ, phù hợp yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, phù hợp với nhu cầu của người lao động, gắn với hiệu quả giải quyết việc làm sau học nghề và có thu nhập cao hơn sau học nghề; hỗ trợ tư vấn giới thiệu việc làm và đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cho người lao động có nhu cầu tìm kiếm việc làm (*nếu có*).

### **12. Sở Công Thương**

- Đề xuất các giải pháp, biện pháp thực hiện các chủ trương, cơ chế, chính sách trong lĩnh vực công thương; hỗ trợ xây dựng, phát triển thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm có thể mạnh.

- Chủ trì, phối hợp hỗ trợ duy trì, xây dựng, từng bước hình thành, phát triển thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm có thể mạnh (*như Sâm Ngọc Linh, Sâm dây và một số loài dược liệu khác,...*); hỗ trợ công tác quảng bá sản phẩm (*tham gia các chương trình hội chợ, triển lãm trong và ngoài tỉnh, đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại gắn với từng sản phẩm hàng hóa cụ thể*); hỗ trợ truy xuất nguồn gốc, xây dựng website quảng bá sản phẩm của Hợp tác xã; hỗ trợ công tác liên kết giới thiệu, đóng gói, tiêu thụ sản phẩm.

- Phân đấu hỗ trợ hình thành và phát triển thương hiệu đối với 01 sản phẩm của hợp tác xã Ngọc Linh đạt tiêu chuẩn tham gia các hội nghị, hội chợ,

hỗ trợ xây dựng thương hiệu, hỗ trợ quảng bá thông qua kênh thương mại điện tử.

### **13. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách và Xã hội tỉnh, Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh**

- Tổ chức triển khai hiệu quả các giải pháp về công tác tín dụng chính sách hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác, để đáp ứng nhu cầu vay vốn kịp thời cho người dân phục vụ đời sống, sản xuất; triển khai một số hoạt động an sinh xã hội.

- Thường xuyên nắm nhu cầu, hướng dẫn triển khai các nguồn vốn vay để hộ nghèo và các đối tượng chính sách tiếp cận nguồn vốn, phần đầu 100% đối tượng có nhu cầu vay vốn được vay vốn để hỗ trợ phát triển sản xuất, chăn nuôi (*gia súc, gia cầm*), vay hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất. Đồng thời thường xuyên phối hợp với chính quyền địa phương (*cấp huyện, xã*) hướng dẫn, hỗ trợ cho các hộ gia đình trong thủ tục vay vốn, biết cách lập kế hoạch chi tiêu để sử dụng vốn vay hiệu quả, tiết kiệm, đầu tư vào nuôi trồng, sản xuất kinh doanh, phát triển các mô hình sinh kế phù hợp.

- Hỗ trợ công tác xóa nhà tạm, xây dựng nhà tạm, nhà tiêu và triển khai các hoạt động an sinh - xã hội tại xã.

### **14. Sở Nội vụ**

- Tham mưu, đề xuất triển khai các nhiệm vụ tập trung xây dựng nguồn nhân lực theo Đề án này.

- Tham mưu đề xuất BTV Tỉnh ủy, UBND tỉnh thực hiện thí điểm đưa cán bộ trẻ, giỏi tuyển tỉnh về xã đảm nhận các chức danh chủ chốt cấp phòng, cấp xã như: Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy xã, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội (*Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân*). Trong đó, ưu tiên thí điểm đối với công chức, viên chức thuộc các ngành quy hoạch, xây dựng, nông nghiệp.

### **15. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh**

Phối hợp với các cơ quan trong việc đôn đốc tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ Đề án và kịp thời báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh đối với những vấn đề phát sinh.

### **16. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị xã hội tỉnh**

- Thường xuyên cử cán bộ xuống giúp xã triển khai tuyên truyền, hướng dẫn Cuộc vận động “*Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm của đồng bào dân tộc thiểu số, làm cho đồng bào dân tộc thiểu số vươn lên thoát nghèo bền vững*”,

phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Tạo sự chuyển biến và rõ rệt trong tư duy, nhận thức của bà con nhân dân.

- Đẩy mạnh triển khai các hoạt động dân vận, các đợt ra quân tuyên truyền, hướng dẫn "cầm tay chỉ việc", hỗ trợ bà con nhân dân trong lập kế hoạch kinh tế, kế hoạch chi tiêu, quản lý tài chính và các hoạt động sản xuất.

- Vận động, hỗ trợ, giúp đỡ hội viên, đoàn viên, thanh niên tiếp cận, ứng dụng khoa học kỹ thuật, chuyển đổi cây trồng, vật nuôi, sử dụng nguồn vốn vay hiệu quả, cách làm ăn mới, từng bước áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, kinh doanh, phát huy được tiềm năng, lợi thế về điều kiện tự nhiên, nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi; hỗ trợ cải tạo vườn tạp, hàng rào xung quanh nhà; nâng cao năng suất lao động, góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

- Tham gia, huy động các nguồn lực để hỗ trợ công tác xóa nhà tạm, xây dựng nhà tạm, nhà tiêu và thường xuyên triển khai các hoạt động an sinh - xã hội tại xã.

### **17. Chi nhánh Xăng dầu Kon Tum, Công ty Điện lực Kon Tum**

- Đảm bảo nguồn cung xăng dầu; thường xuyên bảo dưỡng, nâng cấp các công trình đảm bảo cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất, dịch vụ thương mại trên địa bàn xã.

- Hỗ trợ công tác xóa nhà tạm, xây dựng nhà tạm, nhà tiêu và tham gia triển khai các hoạt động an sinh - xã hội tại xã.

### **18. Hội Doanh nhân trẻ**

- Vận động hội viên đầu tư (*vốn, nhà xưởng, máy móc, thiết bị,...*), liên kết với người dân và hợp tác xã từ khâu sản xuất, chế biến, tiêu thụ đối với các sản phẩm, hàng hóa; phối hợp, hỗ trợ xây dựng và hình thành kênh bán hàng tại xã.

- Hỗ trợ công tác xóa nhà tạm, xây dựng nhà tạm, nhà tiêu và triển khai các hoạt động an sinh - xã hội tại xã.

## **II. HUYỆN ĐẮK GLEI**

1. Chịu trách nhiệm chính, toàn diện trước Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh trong triển khai thực hiện Đề án. Kịp thời đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ngành cấp tỉnh có liên quan trong công tác phối hợp với huyện, xã.

2. Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội; kịp thời đề xuất các biện pháp giải quyết nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nảy sinh trong quá trình thực hiện. Chủ động bố

trí nguồn vốn từ ngân sách địa phương, kết hợp lồng ghép nguồn vốn của các chương trình, dự án và nguồn vốn hợp pháp khác trên địa bàn để triển khai thực hiện Đề án.

3. Tổ chức xây dựng và phê duyệt kế hoạch thực hiện Đề án; xây dựng, xác định danh mục các dự án đầu tư và các hoạt động hỗ trợ sản xuất giai đoạn 2026-2030 theo từng năm. Phân công, phân nhiệm cụ thể đến từng cá nhân, tổ chức trong tổ chức thực hiện và giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện. Chỉ đạo các phòng, ban và chính quyền các cấp phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể, quần chúng tích cực tham gia thực hiện Đề án; tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát; phổ biến nhân rộng các mô hình giảm nghèo hiệu quả, khuyến khích, động viên, tạo điều kiện cho các hộ gia đình thoát nghèo vươn lên làm giàu.

4. Tuân thủ đầy đủ hệ thống các quan điểm, mục tiêu của Đề án trong triển khai Đề án; tổ chức thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của Đề án.

5. Thực hiện chế độ báo cáo kết quả thực hiện Đề án định kỳ 06 tháng và hàng năm và theo yêu cầu, gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Cân đối ngân sách huyện và vận động các nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ:

Xây dựng Quy hoạch chung Nông thôn mới, Quy hoạch chi tiết Nông thôn mới và Quy hoạch trung tâm cụm xã. Trong đó, khuyến khích việc lấy ý kiến các Sở, ngành tỉnh về Quy hoạch trung tâm cụm xã để thực hiện nhiệm vụ chỉnh trang, thay đổi diện mạo nông thôn vừa hiện đại, vừa giữ vững bản sắc văn hóa dân tộc.

Hỗ trợ kinh phí xây dựng tối thiểu 05 sân thể thao cấp thôn (*bao gồm diện tích, thiết bị vui chơi cho thiếu nhi tại những nơi đủ điều kiện*); Vận động nguồn lực, hỗ trợ xây dựng xóa nhà tạm. Quản lý, sử dụng hiệu quả, đúng mục đích nguồn vốn đầu tư ngân sách tỉnh đã bố trí hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 (*theo Quyết định số 421/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh*).

Tổ chức các lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn, các đợt tập huấn nâng cao năng lực, kỹ thuật sản xuất, chăm sóc cây trồng, vật nuôi, giao chỉ tiêu hàng năm và hỗ trợ, hướng dẫn địa phương thực hiện cải tạo vườn tạp tại các thôn, làng gắn với chuyển đổi hợp lý cơ cấu cây trồng, vật nuôi, gắn với giải quyết việc làm; kết nối, khuyến khích các doanh nghiệp thu hút, đào tạo và sử dụng lao động là người tại chỗ.

Kịp thời rà soát, đề xuất các nội dung cần hỗ trợ xã (*tập trung đề xuất các nội dung về đầu tư, nâng cấp, sửa chữa cơ sở hạ tầng nông thôn thiết, các hoạt động phát triển sản xuất, sinh kế, hỗ trợ bảo tồn văn hóa, an sinh xã hội*), phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Thành phố Hồ Chí Minh hỗ trợ kết nối 01 Quận của Thành phố kết nghĩa, hỗ trợ huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum phát triển kinh tế - xã hội xã Mường Hoong và xã Ngọc Linh trong giai đoạn 2024-2025 trong khuôn khổ thỏa thuận hợp tác phát triển kinh tế - xã hội giữa Thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh vùng Tây Nguyên.

7. Tuyên truyền khôi phục, bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số. Thường xuyên tổ chức các phong trào, hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao nhằm nâng cao thể chất, tinh thần cho người dân, nhất là các hoạt động mang tính cộng đồng.

8. Nghiên cứu Đề án đầu tư, phát triển và chế biến dược liệu trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Đề án phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu, ứng dụng công nghệ cao gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 để áp dụng, vận dụng hiệu quả.

9. Nghiên cứu, chỉ đạo và đảm bảo điều kiện tăng số lượng cấp phó của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã thành 02 người để đảm bảo triển khai mạnh mẽ các hoạt động dân vận. Có cơ chế tăng cường/lựa chọn/tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí cán bộ có năng lực, nhiệt huyết, có kinh nghiệm tham gia hỗ trợ phát triển kinh tế xã.

10. Chịu trách nhiệm toàn diện về sự phù hợp, tính chính xác của các thông tin, số liệu rà soát, cập nhật tại Đề án cũng như tiến độ trình phê duyệt, tổ chức triển khai thực hiện Đề án.

### **III. XÃ NGỌC LINH**

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng bằng nhiều hình thức phù hợp đến đội ngũ cán bộ, công chức, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về ý nghĩa, mục đích và sự cần thiết của Đề án, vai trò của từng chủ thể, nhất là các đối tượng chính của Đề án biết; hướng đến tạo sự đồng thuận, hưởng ứng của cộng đồng về chủ trương, chính sách thực hiện của Đề án, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Phát huy nội lực, tự lực, tự cường, tính chủ động, sáng tạo, khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại từ cấp trên, bên ngoài.

2. Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch tổ chức thực hiện Đề án. Phân công, phân nhiệm cụ thể đến từng bộ phận, cá nhân trong tổ chức thực hiện và đánh giá việc tổ chức thực hiện Đề án.

3. Vận động, cân đối nguồn lực triển khai xây dựng khu thu gom rác thải tại các trường học theo quy định; Kêu gọi đóng góp, vận động người dân chung tay xây dựng, xóa bỏ nhà tạm, dột nát. Phối hợp, tăng cường việc giao nhận khoán, cho thuê và phát triển kinh tế rừng, gắn với sử dụng có hiệu quả, bền vững tài nguyên rừng; triển khai giải pháp giảm nghèo bền vững, các chế độ chính sách an sinh xã hội; Xây dựng các quy ước, hương ước, thiết chế văn hóa; xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, tổ chức lễ hội.

4. Phối hợp nghiên cứu triển khai các loại cây trồng, vật nuôi, các mô hình sinh kế phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu; thực hiện cải tạo vườn tạp tại các thôn, làng gắn với chuyển đổi hợp lý cơ cấu cây trồng, vật nuôi; Tập trung phát triển nhanh và bền vững các loài cây dược liệu, nhất là Sâm Ngọc Linh, Đương quy và Đảng sâm.

5. Triển khai mạnh mẽ, quyết liệt Cuộc vận động “*Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm của đồng bào dân tộc thiểu số, làm cho đồng bào dân tộc thiểu số vươn lên thoát nghèo bền vững*”, phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” và cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”. Tạo sự chuyển biến và rõ rệt trong tư duy, nhận thức của bà con nhân dân để không trông chờ ỷ lại vào Nhà nước, phải tự phấn đấu, vươn lên và trở thành nét đặc sắc văn hóa trong tâm hồn, lối sống của người dân Ngọc Linh.

6. Rà soát, đánh giá, đề xuất và tổ chức thực hiện theo thẩm quyền các nhiệm vụ, giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của xã. Cân đối, bố trí nguồn lực theo phân cấp; đề xuất cơ quan có thẩm quyền trong huy động các nguồn lực khác ngoài ngân sách. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các nguồn lực theo phân cấp./.

**Phụ lục 1. Diện tích và cơ cấu Đất xã Ngọc Linh**

ĐVT: Ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	TH 16-20	TH 21	TH22	TH 23
	<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>	<b>7.528,47</b>	<b>7.528,47</b>	<b>7.528,47</b>	<b>7.528,47</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>7.361,05</b>	<b>7.360,88</b>	<b>7.360,88</b>	<b>7.330,06</b>
1.1	Đất trồng lúa	528,20	528,17	528,17	522,55
	Trđ: Đất trồng lúa nước	35,85	35,85	35,85	34,25
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	648,50	648,37	648,37	346,28
1.3	Đất trồng cây lâu năm	1.332,54	1.332,52	1.332,52	1.669,71
1.4	Đất rừng phòng hộ	-	-	-	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	3.790,33	3.790,33	3.790,33	3.790,33
1.6	Đất rừng sản xuất	1.061,27	1.061,27	1.061,27	1.000,99
	Trđ: đất có RSX là rừng tự nhiên	1.061,27	1.061,27	1.061,27	1.000,99
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	0,21	0,21	0,21	0,19
1.8	Đất nông nghiệp khác	-	-	-	-
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>142,26</b>	<b>142,44</b>	<b>142,44</b>	<b>187,90</b>
2,1	Đất ở	-	-	-	-
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	18,90	18,90	18,90	28,68
2.2	Đất chuyên dùng	90,08	90,26	90,26	
2.2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,35	0,35	0,35	0,85
2.2.2	Đất quốc phòng	-	-	-	3,00
2.2.3	Đất an ninh	-	-	-	0,05
2.2.4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	2,23	2,23	2,23	116,38
2.2.5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	-	-	-	-
2.2.6	Đất có mục đích công cộng	87,50	87,68	87,68	
2.3	Đất cơ sở tôn giáo	-	-	-	-
2.4	Đất cơ sở tín ngưỡng	-	-	-	-
2.5	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT	10,59	10,59	10,59	10,49
2.6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	22,69	22,69	22,69	22,45
2.7	Đất có mặt nước chuyên dùng	-	-	-	
2.8	Đất phi nông nghiệp khác	-	-	-	6,00
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>25,16</b>	<b>25,16</b>	<b>25,16</b>	<b>20,36</b>



**Phụ lục 2. Chỉ tiêu tổng hợp xã Ngọc Linh**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2016-2020	NQ ĐH xã khóa XX	Thực hiện 2021	Thực hiện 2022	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	Kế hoạch 2025
<b>I</b>	<b>Chỉ tiêu kinh tế</b>								
1	Diện tích gieo trồng cây hàng năm	ha	350,7	430	281,6	280,7	272,9	270	274,2
	<i>Trong đó:</i>								
-	Diện tích lúa ruộng	ha	320		255	255	255	255	260
-	Sắn	ha	17		10	15,3	5	4	3
-	Cây rau đậu	ha	6,7		9,6	7,9	7,9	8	8,2
-	Cây ngô	ha	7	50	7	2,5	5	3	3
-	Các loại cây trồng khác theo thực tế	ha							
2	Tổng sản lượng lương thực có hạt	Tấn	1.357		1.034	959	1.059	1.058	1.157
	<i>Trong đó:</i>								
-	Thóc	Tấn	1.330		1.010	950	1.051	1.051	1.150
-	Ngô	Tấn	27,2		24	9	8,2	6,5	6,5
3	Diện tích cây lâu năm	Ha	123		121,4	126,4	127,4	130	132
	<i>Trong đó:</i>								
-	Cây cà phê	Ha	110,5	80	108,3	108,3	113,3	143,3	143,3
-	Cây bời lời	Ha							
-	Cây ăn quả	Ha	12,5		13,1	18,1	19,1	20	22
-	Các loại cây trồng khác theo thực tế								
4	Diện tích cây dược liệu	Ha	146,2		196,7	384,7	330,1	331	332,5
	<i>Trong đó:</i>								
-	Sâm Ngọc Linh	Ha	3,2	0,5	14,2	20,6	22,1	23	24,5
-	Sâm dây	Ha	140	200	176,5	356,1	300	300	300
-	Đương quy	Ha	3		6	8	8	8	8
5	Tổng đàn gia súc	Con	0	2050	920	1021	1098	1510	1640

	<i>Trong đó:</i>								
-	Trâu	Con		250	305	336	370	390	400
-	Bò	Con		300	319	333	373	450	490
-	Heo	Con		1500	296	352	355	670	750
-	Dê	Con							
6	Tổng đàn gia cầm	Con	2.955		1.610	1.625	1.640	1.650	1.655
7	Nuôi trồng thủy sản								
-	Diện tích nuôi trồng	Ha	0,7	0,5	1	1	1	1	1
-	Sản lượng	Tấn	3,3						
8	Thu nhập bình quân một người một năm	Tr.đ/người/năm		36	25	26	28	33	38
9	Lương thực bình quân đầu người	Kg/người/năm		450,0	370,3	345,6	376,9	374,1	408,2
10	Thu ngân sách trên địa bàn	Tr. Đồng	404,42	150	16,6786	15,715	19,5		
	<i>Trong đó:</i>								
	- Thu từ khu vực công thương nghiệp - ngoài quốc doanh	Tr. Đồng	353,71						
	- Thuế thu nhập cá nhân	Tr. Đồng	7,59		2,24		0,50		
	- Lệ phí trước bạ	Tr. Đồng	1,36		0,66		2,00		
	- Các loại phí, lệ phí	Tr. Đồng	9,87		3,98	5,81	10,00		
	- Thu khác ngân sách	Tr. Đồng	26,62		9,80	9,91	7,00		
	- Các khoản thu về nhà đất	Tr. Đồng	5,27						
11	Chi ngân sách trên địa bàn (Chi TX)	Tr. Đồng	33.850,3		6.133,9	6.005,1	12.000,0		
12	Chi đầu tư phát triển trên địa	Tr. Đồng	16.782			9.274	6.500	18.698	18.698

	bàn								
	<i>Trong đó:</i>	<i>Tr. Đồng</i>							
-	Vốn từ NSNN	Tr. Đồng	16.782			9.274	6.500	18.698	18.698
-	Vốn đầu tư từ xã hội	Tr. Đồng	0			0	0	0	0
13	Trồng rừng								
-	Diện tích trồng mới	ha	0		0	2,02	16,91	9	7
-	Độ che phủ rừng	%	77,91	78	77,91	77,91	77,97	77,97	80
14	Cơ sở kinh tế	Cơ sở							
-	Hợp tác xã	Cơ sở	1		1			1	1
-	Tổ hợp tác	Cơ sở	15		20	18	28	28	28
	Thành lập mới tổ liên kết cánh đồng thâm			2					
	Thành lập mới tổ liên kết nuôi ong lấy mật			3					
<b>II</b>	<b>Chỉ tiêu văn hóa - xã hội</b>								
1	Dân số								
-	Dân số trung bình	Người		3.000	2.792	2.775	2.810	2.827	2.833
-	Tốc độ tăng dân số tự nhiên	%							
-	Tuổi thọ trung bình	Tuổi							
1	Lao động và việc làm								
-	Số người được giải quyết việc làm (tăng thêm trong năm)	Người	55		65	85	85	86	105
-	Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	%	33,5		65,0	72,0	78,0	85,0	89,0

	Trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	%	15,5	17,5	22,8	28,7	30,1	32,2
2	Giảm nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều							
-	Tổng số hộ	Hộ	715	763	765	792	798	805
-	Số hộ nghèo	Hộ	566	403	447	388	245	155
-	Tỷ lệ hộ nghèo	%	79,2	50,0	58,6	50,7	30,9	19,4
-	Số hộ cận nghèo	Hộ	47	85	118	151	110	86
-	Tỷ lệ hộ cận nghèo	%	6,6	11,1	15,4	19,1	13,0	10,7
-	Số hộ thoát khỏi nghèo trong năm	Hộ	85	119	59	139	131	103
3	Giáo dục và Đào tạo							
a	Tổng số học sinh đầu năm học	Học sinh	3403	684	732	757	768	799
-	Nhà trẻ		0	0	0	11	11	15
-	Mẫu giáo	"	875	194	205	204	204	220
-	Tiểu học	"	1527	300	305	327	322	325
-	Trung học cơ sở	"	1001	190	222	215	231	239
b	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi	"						
-	Tiểu học	%	92,00	92,0	90,49	92,66	94,40	96,92
-	Trung học cơ sở	%	97,7	97,36	95,04	94,88	96,96	96,98
c	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%						
-	Mầm non	%	0	0	0	0	0	0

-	Tiểu học	%	0		0	0	0	0	0
-	Trung học Cơ sở	%	0		0	0	0	0	0
-	TH&THCS	%	0		0	0	0	0	0
d	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS chuyên sang học nghề, THPT hoặc THPT nội trú	%	0		42,26	46,8	70	70	70
4	Y tế								
-	Tỷ lệ bao phủ y tế	%	100		100	100	100	100	100
-	Tỷ lệ bao phủ BHXH	%	5,7		8,3	8,91	10,66	12,7	14,56
-	Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng	%							
-	Tỷ trẻ em trong độ tuổi tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	%	97	97-99	96,6	97,8	97	97	97
-	Tỷ lệ trẻ em < 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	%	31,5	25,1	30,4	26,3	23,4	24	23
-	Tỷ lệ trẻ em < 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi	%	50,7	25,1	50,8	48,4	47,1	46	45
5	Tỷ lệ hộ sử dụng điện	%							
6	Tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%			70,4	70,6	78	84	90
7	Văn hóa	Thôn							
-	Tỷ lệ thôn, làng đạt danh hiệu văn hóa	%	25	25	25	100	100	91,66	91,66

-	Tỷ lệ hộ gia đình văn hóa	%	57,7	57,7	52,8	80,4	90	95	100
-	Tỷ lệ thôn, vùng ĐBDTTS có nhà rông truyền thống	%		70	83,3	83,33	83,33	83,3	100
-	Tỷ lệ thôn làng có đội công chiêng	%			8,3	16,6	16,6	50	100
8	Xóa nhà tạm, dột nát	Căn		100%		37	40	15	15
9	Đầu tư thêm đường giao thông nông thôn	Km				1,9	2	16	16
10	Lớp đào tạo nghề	Lớp/lượt hv	3/105		2/70	1/35	04/35	04/35	04/35
11	Tập huấn kỹ thuật sản xuất	Lớp/lượt hv					02/35	02/35	02/35
12	Xóa bỏ các hủ tục lạc hậu	Hủ tục			3	3	0	0	0
13	Chương trình Nông thôn mới								
-	Xã nông thôn mới	Tiêu chí	6	8	8	8	9	13	15
-	Thôn Nông thôn mới	Tiêu chí							
+	Thôn Kung Rang	Tiêu chí				7	10	10	Duy trì
+	Thôn Tân Rát	Tiêu chí				4	6	8	10
+	Thôn Lê Toan	Tiêu chí				4	6	8	8
+	Thôn Đăk Sun	Tiêu chí				3	6	10	Duy trì
+	Thôn Long Năng	Tiêu chí				3	6	8	8
+	Thôn Sa Múc	Tiêu chí				2	5	7	8

**Phụ lục 3. Dân số, lao động, nhà ở chi tiết đến thôn**

TT	Thôn, làng	Dân số (người)	trong đó: ĐBĐTTS	Theo giới tính		Lao động	Trđó:	Hộ	Nhà ở (căn)		Hộ nghèo (hộ)
				Nam	Nữ		Qua đào tạo		Kiên cố	Tạm, đột nát	
<b>Toàn xã</b>		<b>2.810</b>	<b>2.758</b>	<b>1.370</b>	<b>1.388</b>	<b>1.523</b>	<b>454</b>	<b>786</b>	<b>689</b>	<b>97</b>	<b>245</b>
1	Thôn Kon Tua	81	81	50	31	50	15	25	19	6	11
2	Thôn Long Năng	310	310	200	110	196	55	92	70	22	33
3	Thôn Sa Múc	267	267	120	147	151	65	72	49	23	34
4	Thôn Kung Rang	350	306	106	200	203	58	92	90	2	5
5	Thôn Đăk Nai	212	212	112	100	105	35	56	45	11	35
6	Thôn Ngọc Súc	271	271	121	150	132	35	77	73	4	18
7	Thôn Kon Tuông	258	258	150	108	152	32	82	75	7	16
8	Thôn Tu Dốp	149	149	70	79	56	10	37	33	4	15
9	Thôn Đăk Sun	177	176	86	90	104	36	50	48	2	4
10	Thôn Tân Rát	231	225	105	120	124	48	65	61	4	13
11	Thôn Lê Ngọc	195	195	100	95	80	25	53	45	8	25
12	Thôn Lê Toan	309	308	150	158	170	40	85	81	4	36

**Phụ lục 4. Danh mục các công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã Ngọc Linh**

TT	Tên công trình	Quy mô	Chiều dài	Bê tông	Vốn đầu tư (tr.đ)	Nguồn vốn đầu tư	Năm đầu tư hoàn thành	Hiện trạng
<b>I</b>	<b>Giao thông</b>		<b>39,30</b>	<b>31,30</b>				
1	Đường Ngọc Hoàng- Mãng Bút lên Ngọc Súc	L=2km; W=3m	2,00	2,00	5,55	CTMTQG NTM	2023	Đã đưa vào sử dụng
2	Đường Ngọc Hoàng- Mãng Bút lên Đắc Nai	L=3km; W=2m	3,00	2,00	2,50	CTMTQG NTM	2023	Đang thi công
3	Đường nội thôn kung Rang	L=3km; W=3m	3,00	2,50				2.5 km bê tông, 0.5 km đường đất
4	Đường trung tâm xã lên Ngọc súc	L=2km; W=3m	2,00	2,00				Bê tông
5	Đường nội thôn Ngọc Súc	L= 2km; W=2m	2,00	2,00				Bê tông
6	Đường trung tâm xã lên Long Năng	L= 1,5 km; W= 3m	1,50	1,50				Bê tông
7	Đường nội thôn Long Năng	L=2.8km; W=3m	2,80	2,80				Bê tông
8	Đường từ Long Năng lên Sa Múc	L= 1,5 km; W= 3m	1,50	1,50				Bê tông
9	Đường nội thôn Sa Múc	L=1km; W=2m	1,00	0,50				0.5 km bê tông, 0.5 km đường đất
10	Đường từ trung tâm xã lên Tu Dấp nhóm 2	L= 1km; W=2m	1,00	1,00				Bê tông





10	02 TBA thôn Ngọc Súc ( nhóm Lê vân- Tu Cú; nhóm Tu Cú)							Đang sử dụng
11	02 TBA thôn Tân Rát ( nhóm 1, nhóm 2)							Đang sử dụng
<b>III</b>	<b>Công trình thủy lợi</b>							
1	Thủy lợi Crao Man thôn Kung Rang	85m			667,00	NTM	2023	Chưa đưa vào sử dụng
2	Thủy lợi Ngọc Pông	144m			663,00	NTM	2023	Chưa đưa vào sử dụng
3	Thủy lợi Chiếc Tuông thôn Kung Rang							Đã đưa vào sử dụng
4	Thủy lợi Đăk Kôn thôn Kung Rang							Đã đưa vào sử dụng
<b>IV</b>	<b>Công trình Nước sinh hoạt</b>				<b>2945,18</b>			
1	Nước sinh hoạt thôn Kon Tuông	DT sàn xây dựng 170m <sup>2</sup>			1293,12		2012	Đang sử dụng
2	Nước sinh hoạt thôn Kung Rang	3km			2,01	Phòng Dân tộc huyện	2023	Đã đưa vào sử dụng
3	Nước sinh hoạt thôn Ngọc Súc	Diện tích xây dựng 100m <sup>2</sup>			244,39		2010	Đang sử dụng
4	Nước sinh hoạt thôn Long Năng				1013,07		2012	Đang sử dụng
5	Nước sinh hoạt thôn Kon Tua	Diện tích xây dựng 85m <sup>2</sup>			197,06		2006	Đang sử dụng
6	Nước sinh hoạt thôn Đăk Nai	Diện tích xây dựng 80m <sup>2</sup>			195,53		2006	Đang sử dụng
<b>V</b>	<b>Giáo dục</b>							
1	Nhà ở giáo viên, nhà ở học sinh	05 phòng ở giáo viên, 03 phòng ở học sinh			3.485	CTMTQG PTKTXH ĐBDTTS và MN	2023	
<b>VI</b>	<b>Y tế</b>							

1	Trạm Y tế xã Ngọc Linh	Nhà trạm và lưu bệnh nhân, diện tích 250m2,			4976,57	XSKT và nguồn khác	2021	Đang sử dụng tốt
<b>VII</b>	<b>Văn hóa</b>							
1	Nhà rông thôn Kung Rang				100	NTM	2022	Đang sử dụng
2	Nhà rông thôn Kon Tua						2019	Đang sử dụng
3	Nhà rông thôn Kon Tuông						2020	Đang sử dụng
4	Nhà rông thôn Đăk Nai						2019	Đang sử dụng
5	Nhà rông thôn Lê Toan						2021	Đang sử dụng
6	Nhà rông thôn Tân Rát						2019	Đang sử dụng
7	Nhà rông thôn Đăk Sun						2022	Đang sử dụng
8	Nhà rông thôn Ngọc Súc						2019	Đang sử dụng
9	Nhà rông thôn Sa Múc							Bị sập sau bão NoRu
10	Nhà rông thôn Long Năng							Bị sập sau bão NoRu
11	Hệ thống loa phát thanh không dây	12 cái						Bị hư hỏng
<b>VII</b>	<b>Trụ sở làm việc</b>							
1	Nhà làm việc 02 tầng	505,84 m2			14.990	NS	2024	Đang thi công
2	Nhà hội trường	247,36 m2						

**Phụ lục 5: Nhu cầu nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia xã Ngọc Linh**

ĐVT: Triệu đồng

TT	Công trình, hoạt động	Địa điểm	Quy mô	Thời gian	Tổng vốn đầu tư	Vốn đã bố trí GD 2021-2025	Trong đó		Vốn đã bố trí đến hết 2023	Trong đó		Kế hoạch 2024-2025	Trong đó	
							ĐTPT	SN		ĐTPT	SN		ĐTPT	SN
<b>TỔNG SỐ (A+B+C)</b>					<b>42.584</b>	<b>42.584</b>	<b>40.917</b>	<b>1.667</b>	<b>11.059</b>	<b>10.539</b>	<b>520</b>	<b>31.525</b>	<b>30.378</b>	<b>1.147</b>
<b>A</b>	<b>CTMTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐBĐTTS VÀ MIỀN NÚI</b>				<b>39.211</b>	<b>39.211</b>	<b>39.211</b>		<b>10.539</b>	<b>10.539</b>		<b>28.672</b>	<b>28.672</b>	
<b>I</b>	<b>Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt</b>				<b>2.725</b>	<b>2.725</b>	<b>2.725</b>		<b>2.725</b>	<b>2.725</b>				
<b>I.1</b>	<b>Hỗ trợ đất ở, đất sản xuất</b>				<b>718</b>	<b>718</b>	<b>718</b>		<b>718</b>	<b>718</b>				
1	Hỗ trợ đất ở đất ở	xã Ngọc Linh	6 hộ	2022	174	174	174		174	174				
2	Hỗ trợ nhà ở	xã Ngọc Linh	9 hộ	2022-2023	298	298	298		298	298				
3	Hỗ trợ đất sản xuất	xã Ngọc Linh	15 hộ	2023-	246	246	246		246	246				
<b>I.2</b>	<b>Hỗ trợ nước sinh hoạt</b>				<b>2.007</b>	<b>2.007</b>	<b>2.007</b>		<b>2.007</b>	<b>2.007</b>				
1	NSH tập trung thôn Kung Rang xã Ngọc Linh	Thôn Kung Rang	Đập đầu mối, bể lọc, đường ống và bồn chứa nước	2022	2.007	2.007	2.007		2.007	2.007				
<b>II</b>	<b>Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết</b>				<b>20.000</b>	<b>20.000</b>	<b>20.000</b>		<b>4.329</b>	<b>4.329</b>		<b>15.671</b>	<b>15.671</b>	
1	Dự án sắp xếp, ổn định dân cư tại chỗ xã Ngọc Linh, huyện Đăk Glei	xã Ngọc Linh	Bố trí ổn định dân cư tại chỗ cho 763 hộ với 2,756 khẩu của xã Ngọc Linh	2023-2025	20.000	20.000	20.000		4.329	4.329		15.671	15.671	

III	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị													
IV	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và miền núi				12.334	12.334	12.334					12.334	12.334	
IV.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và miền núi				12.334	12.334	12.334					12.334	12.334	
*	Cấp huyện				1.337	1.337	1.337		1.337	1.337				
	BQL dự án đầu tư xây dựng				1.337	1.337	1.337		1.337	1.337				
1	Thủy Lợi Đăk Kôn thôn Kung Rang, xã Ngọc Linh	Xã Ngọc Linh	Đập đầu mối, kiên cố hóa kênh mương L = 100m, kích thước 40*30cm	2022	300	300	300		300	300				
2	Thủy Lợi Chiềc Tuôn thôn Kung Rang, xã Ngọc Linh	Xã Ngọc Linh	Đập đầu mối, kiên cố hóa kênh mương L = 600m, kích thước 40*30cm	2022	1.037	1.037	1.037		1.037	1.037				
<b>1</b>	<b>Xã Ngọc Linh</b>				<b>10.997</b>	<b>10.997</b>	<b>10.997</b>		<b>3.400</b>	<b>3.400</b>		<b>7.597</b>	<b>7.597</b>	
1	Đường GTNT thôn Kung Rang xã Ngọc Linh	Kung Rang	Đường GTNT loại C; L=400m	2022	400	400	400		400	400				
2	Sửa chữa đường từ TT xã đi thôn Ngọc Súc	Xã Ngọc Linh	Sửa chữa, khắc phục tại các điểm bê tông bị nứt, vỡ với tổng chiều dài 3 Km	2022	500	500	500		500	500				
3	Đường GTNT Ngọc Hoàng - Măng Bút đi thôn Đăk Nai	Đăk Nai	Đường GTNT loại C; L=2450m	2023-2024	2.500	2.500	2.500		2.500	2.500				
4	Đường GTNT Ngọc Hoàng -	Kon	Đường GTNT	2024-	1.200	1.200	1.200					1.200	1.200	

	Măng Bút đi thôn Kon Tuông	Tuông	loại C; L=1200m	2025									
5	Sửa chữa đường từ cầu Đăk Đuan đi thôn Sa Múc	xã Ngọc Linh	Công trình GTNT cấp IV	2024-2025	697	697	697					697	697
6	Đường GTNT Tân Rát đi khu sản xuất Vay Háy	Tân Rát	Đường GTNT loại C; L=1120m	2024-2025	1.100	1.100	1.100					1.100	1.100
7	Đường từ tỉnh lộ 673 đi khu sản xuất Đăk Reo	Long Năng	Đường GTNT loại C; L=1120m	2025	1.100	1.100	1.100					1.100	1.100
8	Đường GTNT Tu Dốp 2	Tu Dốp	Đường GTNT loại C; L=1200m	2025	1.200	1.200	1.200					1.200	1.200
9	Đường GTNT thôn Sa Múc đi khu sản xuất Kiếp Tu	Sa Múc	Đường GTNT loại C; L=1250m	2025	1.300	1.300	1.300					1.300	1.300
10	Đường GTNT Sa Múc đi KSX Đá Tỏi	Sa Múc	Đường GTNT loại C; L=900m	2025	1.000	1.000	1.000					1.000	1.000
V	<b>Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực</b>				<b>3.487</b>	<b>3.487</b>	<b>3.487</b>		<b>3.485</b>	<b>3.485</b>		<b>2</b>	<b>2</b>
V.1	<b>Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xoá mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số</b>				<b>3.487</b>	<b>3.487</b>	<b>3.487</b>		<b>3.485</b>	<b>3.485</b>		<b>2</b>	<b>2</b>
1	Trường PTDTBT THCS xã Ngọc Linh	Xã Ngọc Linh	Xây mới 10 phòng ở giáo viên, 05 phòng ở học sinh	2022	3.487	3.487	3.487		3.485	3.485		2	2
VI	<b>Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch</b>				<b>316</b>	<b>316</b>	<b>316</b>					<b>316</b>	<b>316</b>
VI.3	<b>6.3 Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá thể thao tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</b>				<b>316</b>	<b>316</b>	<b>316</b>					<b>316</b>	<b>316</b>

1	Xây dựng nhà rông thôn Long Năng xã Ngọc Linh	Thôn Long Năng	Công trình dân dụng cấp IV	2025	158	158	158					158	158	
2	Xây dựng nhà rông thôn Đăk Sun xã Ngọc Linh	Thôn Đăk Sun	Công trình dân dụng cấp IV	2025	158	158	158					158	158	
<b>VII</b>	<b>Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình</b>				<b>349</b>	<b>349</b>	<b>349</b>					<b>349</b>	<b>349</b>	
<b>VI.1</b>	<b>Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</b>				<b>349</b>	<b>349</b>	<b>349</b>					<b>349</b>	<b>349</b>	
1	Ứng dụng công nghệ thông tin, hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự	Xã Ngọc Linh	Xây dựng các điểm hỗ trợ đồng bào DTTS ứng dụng CNTT để phát triển kinh tế và đảm bảo ANTT trên địa bàn các xã, thị trấn	2022-2024	349	349	349					349	349	
<b>B</b>	<b>CTMTQG giảm nghèo bền vững</b>				<b>1.040</b>	<b>1.040</b>		<b>1.040</b>	<b>520</b>			<b>520</b>	<b>520</b>	<b>520</b>
<b>C</b>	<b>CTMTQG xây dựng Nông thôn mới</b>				<b>2.333</b>	<b>2.333</b>	<b>1.706</b>	<b>627</b>				<b>2.333</b>	<b>1.706</b>	<b>627</b>
-	Thủy lợi Ngọc Pông	Xã Ngọc Linh		2022	506	506	506					506	506	
-	Thủy lợi Crao Man	Xã Ngọc Linh		2022	600	600	600					600	600	
-	Đường giao thông liên thôn Ngọc Súc	Ngọc Linh		2022	600	600	600					600	600	

-	Thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới: Mua bộ công Chiêng trang bị cho thôn Kung Rang	Xã Ngọc Linh		2022	50	50		50				50		50
-	Duy tu sửa chữa NSH thôn Lê Ngọc	Xã Ngọc Linh		2023	40	40		40				40		40
-	Kinh phí hoạt động của cơ quan chỉ đạo Chương trình	Xã Ngọc Linh		2022-2023	28	28		28				28		28
-	Các hoạt động khác tại các địa phương: Duy tu sửa chữa sinh hoạt thôn Đăk Nai	Xã Ngọc Linh		2023	25	25		25				25		25
-	Nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn: Thắp sáng đường làng ngõ xóm thôn Ngọc Súc, ...	Xã Ngọc Linh		2022-2023	38	38		38				38		38
-	Duy tu sửa chữa nước sinh hoạt thôn Ngọc Súc	Xã Ngọc Linh		2024	80	80		80				80		80
-	Điện thắp sáng dọc các tuyến đường nội thôn Đăk Sun	Xã Ngọc Linh		2024	120	120		120				120		120
-	Điện thắp sáng dọc các tuyến đường nội thôn Tân Rát	Xã Ngọc Linh		2024	100	100		100				100		100
-	Kinh phí quản lý chương trình	Xã Ngọc Linh		2024	56	56		56				56		56
-	Kinh phí xây dựng sân thể thao thôn Tu Dốp, Lê Toàn và Kung Rang	Xã Ngọc Linh		2024	90	90		90				90		90



## Phụ lục 6: Nhu cầu đầu tư giai đoạn 2024 - 2030 xã Ngọc Linh

ĐVT: Triệu đồng

TT	Công trình, dự án	Quy mô	Mục tiêu đầu tư	Thời gian	Tổng nhu cầu đầu tư GD 2024-2030	Nguồn vốn giai đoạn 2024 -2025	Trong đó				Nhu cầu giai đoạn 2026 - 2030	Trong đó			
							Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn huy động khác	Nhân dân đóng góp		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn huy động khác	Nhân dân đóng góp
					57.320	10.050	5.000	150	4.365	535	47.270	25.228	17.478	2.579	1.985
<b>I</b>	<b>Đầu tư cơ sở hạ tầng</b>				44.520	6.950	2.100		4.365	485	37.570	16.578	16.578	2.579	1.835
1	Đường GTNT từ đường Ngọc Hoàng - Mãng Bút đi thôn Đăk Nai, xã Ngọc Linh	L=760m, Bn=Bm=3m	Đầu tư cứng hóa đường GTNT liên thôn	2024-2025	2.100	2.100	2.100								
2	Đầu tư mới hệ thống đường giao thông nông thôn để đạt chuẩn	Tổng chiều dài khoảng 20,5km	Đảm bảo vừa đạt chỉ tiêu về giao thông	2024-2030	20.000						20.000	9.090	9.090	910	910
3	Trường Mầm non xã Ngọc Linh: Khối phòng hành chính		Đảm bảo vừa đạt chỉ tiêu về trường học	2026-2030	4.000						4.000	1.800	1.800	200	200
4	Trường TH-THCS xã Ngọc Linh: Khối phòng phụ trợ (Nhà vệ sinh và khác)		Đảm bảo vừa đạt chỉ tiêu về trường học	2026-2030	1.500						1.500	675	675	75	75
5	Đầu tư trang thiết bị hệ thống truyền thanh xã Ngọc Linh để đảm bảo theo quy định và nhu cầu	Xây mới Trạm phát sóng, thay mới 28 cụm loa cầu	Đảm bảo vừa đạt chỉ tiêu Thông tin và Tuyên thông	2026-2030	2.840						2.840	1.278	1.278	142	142
6	Hỗ trợ nhà tiêu, nhà tắm cho 43 hộ tại thôn Kung Rang và thôn Đăk Sun	43 hộ x định mức 10 triệu đồng/hộ	Đảm bảo tiêu chí môi trường	2024-2025	430						430			387	43
7	Hỗ trợ kinh phí triển khai nước sinh hoạt phân tán các thôn Tân Rát, Tu Dốp, Lê Ngọc và Sa Múc,	Hỗ trợ 250 hộ	Đảm bảo tiêu chí môi trường	2024-2025	500						500			450	50
8	Hỗ trợ kinh phí xóa nhà tạm	97 căn x 50 triệu đồng/căn	Đảm bảo tiêu chí nhà ở dân cư	2024-2025	4.850	4.850			4.365	485					

9	Trường Mầm non xã Ngọc Linh	Khối phòng điều dưỡng, chăm sóc trẻ, phòng bộ môn, khối phòng tổ chức nấu ăn, khối phòng phụ trợ	Đảm bảo vừa đạt chi tiêu về trường học	2026-2030	4.300						4.300	1.935	1.935	215	215
10	Trường TH-THCS xã Ngọc Linh	phòng học bộ môn Công nghệ, KHTN, phòng học ngoại ngữ; trang thiết bị, đồ dùng dạy học	Đảm bảo vừa đạt chi tiêu về trường học	2026-2030	4.000						4.000	1.800	1.800	200	200
<b>II</b>	<b>Hỗ trợ đào tạo nghề, phát triển sản xuất, cải thiện sinh kế, nâng cao thu nhập người dân</b>				<b>12.800</b>	<b>3.100</b>	<b>2.900</b>	<b>150</b>		<b>50</b>	<b>9.700</b>	<b>8.650</b>	<b>900</b>		<b>150</b>
1	Đào tạo nghề nông nghiệp		Tối thiểu 02 lớp/năm (khoảng 35 học viên/lớp)	2024-2030	2.100	600	600				1.500	1.500			
2	Đào tạo nghề phi nông nghiệp		Tối thiểu 02 lớp/năm (khoảng 35 học viên/lớp)	2024-2030	1.540	440	440				1.100	1.100			
3	Tổ chức các đợt tập huấn nâng cao năng lực, kỹ thuật sản xuất, chăm sóc cây trồng, vật nuôi		Tối thiểu 02 đợt/năm (khoảng 35 học viên/đợt)	2024-2030	1.540	440	440				1.100	1.100			
4	Triển khai các mô hình phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo		Tối thiểu 02 mô hình/năm	2024-2030	3.900	900	700	150		50	3.000	1.950	900		150
5	Hỗ trợ xây dựng mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh		Tối thiểu 02 mô hình/năm	2024-2030	3.720	720	720				3.000	3.000			